

TRỊNH BÌNH

ĐỊA LÝ TRUNG QUỐC

Người dịch: Ths. NGUYỄN THỊ THU HẰNG

Hiệu đính và Giới thiệu: TS. DƯƠNG NGỌC DŨNG



**NHÀ XUẤT BẢN
TRUYỀN BÁ NGŨ CHÂU**



**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ĐỊA LÝ TRUNG QUỐC

Trịnh Bình

ISBN: 978-604-58-0280-9

Copyright © 2011 China Intercontinental Press.

Bất kỳ phần nào trong xuất bản phẩm này đều không được phép sao chép, lưu giữ, đưa vào hệ thống truy cập hoặc sử dụng bất kỳ hình thức, phương tiện nào để truyền tải: điện tử, cơ học, ghi âm, sao chụp, thu hình, phát tán qua mạng hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản.

Ấn bản này được xuất bản tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu, Trung Quốc và Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Lời giới thiệu

Có thể nói, không có đề tài thảo luận nào dễ gây tranh cãi như Trung Quốc, đặc biệt tại Việt Nam hiện nay. Phải thành thật thú nhận rằng, tôi là người hâm mộ Trung Quốc “từ đầu đến chân”, nhưng có khi cũng phải rà soát lại sự hâm mộ của mình khi có được thông tin mới. Chẳng ai phủ nhận rằng, Trung Quốc là một đất nước vĩ đại về nhiều mặt. Trên nhiều phương diện như: văn hóa, tổ chức chính trị, quản lý kinh tế, kinh doanh thương mại, ... Trung Quốc có thể đóng vai trò làm tấm gương soi cho Việt Nam. Soi để học hỏi những điều tích cực và tránh né những sai lầm mà quốc gia khổng lồ này đã phạm phải (Cách mạng Văn hóa là một ví dụ).

Trên bình diện toàn cầu, việc học hỏi nghiên cứu về quốc gia khổng lồ này lúc nào cũng thu hút được sự quan tâm của giới trí thức và truyền thông. Trong quan hệ quốc tế ngày nay, Trung Quốc nghiêm nhiên đóng vai trò quyết định không thua kém gì so với các siêu cường thế giới khác. Trong bộ sách nổi tiếng “Thế giới đi về đâu?” (NXB. Thế Giới, Hà Nội, 2010), tác giả Grzegorz W. Kolodko đã dành rất nhiều trang giấy cho vai trò của Trung Quốc trong thế giới đương đại. Ông viết: “Trung Quốc đã đi theo con đường của Trung Quốc, là con đường đặc biệt đúng đắn nếu nhìn từ góc độ phát triển” (tr. 316).

Bộ sách Trung Quốc gồm 12 quyển của Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu với nhiều hình ảnh minh họa sinh động, đã cung cấp cho người đọc một bức tranh toàn cảnh về Trung Quốc đương đại sau 30 năm cải cách kinh tế. Tất cả các phương diện của kinh tế, văn hóa, xã hội Trung Quốc đều được đề cập đến một cách ngắn gọn, có sức khái quát cao, dễ cho người đọc nắm bắt được những thông tin cơ bản: chế độ chính trị, kinh tế, lịch sử, văn hóa, xã hội, địa lý, pháp luật, ngoại giao, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, khoa học, kỹ thuật, giáo dục, môi trường. Có thể nói đây là bộ bách khoa toàn thư về Trung Quốc hiện đại. Tôi cảm thấy hơi thất vọng khi thấy thiếu những phần bàn về nghệ thuật, điện ảnh, văn học, triết học, ẩm thực, y học, phong thủy, nhưng có lẽ như vậy lại tốt hơn. Nếu những người chủ biên quá ôm đồm, bộ sách chắc chắn sẽ dày gấp đôi, dễ làm người đọc khiếp đảm. Và lại, đã có khá nhiều các bộ toàn thư khác liên quan đến văn học và triết học rồi, sự đóng góp của bộ sách sẽ không có điểm nhấn rõ rệt.

Điểm nhấn của bộ sách này, theo tôi, gồm có hai điểm. Điểm thứ nhất là người đọc. Thông qua cách trình bày, chúng ta dễ dàng nhận ra độc giả mục tiêu của bộ sách này là các độc giả phổ thông, ham hiểu biết, nhưng không phải là những chuyên gia về Trung Quốc học. Phương thức trình bày ngắn gọn, giản dị, kèm theo nhiều hình ảnh minh họa,

nội dung chuyên sâu hơn một tờ nhật báo, nhưng không nặng nề phân tích như một cuốn sách chuyên khảo. Các doanh nhân bận rộn, các nhà giáo trung học, các sinh viên thuộc chuyên ngành Đông Phương học, Trung Quốc học, Quan hệ Quốc tế, Kinh tế Chính trị, kể cả giới truyền thông báo chí, đều có thể tìm thấy trong bộ sách này những thông tin hữu ích. Điều đáng khen là văn phong tuyên truyền chính trị của lối viết thập niên 60-70 đã được tinh giảm liều lượng khá nhiều, tránh cho người đọc cảm giác khó chịu không cần thiết.

Điểm nhấn thứ hai là nội dung. Chúng ta thấy khá rõ là nội dung xoay quanh các vấn đề hiện đại và đương đại, nhằm giới thiệu một đất nước Trung Quốc hết sức hoành tráng, đang vươn lên tăng trưởng từng ngày, đạt được hết thành tích này đến thành tích khác trong nhiều lĩnh vực đa dạng, đặc biệt là kinh tế, ngoại giao. Sự thành công đầy ấn tượng về kinh tế của Trung Quốc đã khiến Hồ Cẩm Đào từ bỏ đường lối ngoại giao tương đối dè dặt của Đặng Tiểu Bình và đòi hỏi thế giới phải công nhận vai trò lớn hơn của Trung Quốc trong các quyết định chiến lược toàn cầu. Sự vươn lên của Trung Quốc cũng đồng thời báo hiệu vị trí số hai của Nhật Bản trong nền kinh tế thế giới đã kết thúc và ngay cả vị trí siêu cường số một của Mỹ cũng đã lung lay. Đương nhiên con voi Ấn Độ cũng có khả năng trở thành một địch thủ đáng gờm của con rồng Trung Quốc, nhưng ngày đó còn xa. Ấn Độ, trừ việc gia tăng dân số, còn thua Trung Quốc về nhiều phương diện.

Bản dịch sang Việt ngữ đã được thực hiện bởi các cán bộ giảng dạy Trung văn trẻ, các dịch giả cộng tác thường xuyên của Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tích cực trong một thời gian ngắn để hoàn thành đúng hạn, sẽ là một đóng góp đầy ý nghĩa vào kho tư liệu về đất nước và con người Trung Quốc vốn hết sức phong phú trên thị trường kiến thức Việt Nam. Việc phiên dịch tiếng Hoa không hề dễ dàng chút nào vì thói quen thích dùng các thành ngữ, điển tích của các con cháu Khổng Tử, nhưng các dịch giả và đội ngũ biên tập của Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã làm hết sức mình để bảo đảm cho bản dịch tránh khỏi các sơ sót. Dù vậy, các sai lầm liên quan đến việc phiên âm các nhân danh, địa danh, văn hóa, ... chắc chắn là điều khó tránh khỏi. Mong được các bậc thức giả cao minh chỉ chính.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 1 năm 2012

TS. Dương Ngọc Dũng

Lời Nhà xuất bản

Công cuộc cải cách cũng như những kỳ tích kinh tế mà Trung Quốc giành được đã khiến cho sức mạnh tổng hợp của quốc gia này ngày càng trở nên mạnh mẽ, ảnh hưởng quốc tế cũng mỗi lúc một lớn hơn. Ngày càng có nhiều bạn nước ngoài muốn tìm hiểu và làm quen với đất nước Trung Quốc. Với mong muốn giúp họ có thể tìm được cách nhanh nhất để thực hiện khát vọng này, giúp họ hiểu và nắm bắt được những tình hình cơ bản nhất của Trung Quốc chỉ trong một thời gian ngắn, chúng tôi đã tổ chức một nhóm chuyên gia, học giả bắt tay vào biên soạn “Tủ sách Trung Quốc”.

“Tủ sách Trung Quốc” gồm 12 quyển, lần lượt giới thiệu tình hình cơ bản của quốc gia này ở hầu hết các khía cạnh như địa lý, lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hoá, pháp luật, quốc phòng, xã hội, khoa học và giáo dục, môi trường, dân tộc và tôn giáo. Hiểu được những điều ấy chính là những bước đệm đầu tiên cho việc tìm hiểu đất nước Trung Quốc.

Chúng tôi hy vọng thông qua “Tủ sách Trung Quốc” này, độc giả có thể hiểu một cách khái lược về mọi mặt của đất nước Trung Quốc. Trước hết là những nhận thức về lịch sử văn hóa. Lịch sử văn hóa là nền tảng văn minh của mỗi quốc gia. Là một hình thái quan trọng của văn minh nhân loại, văn minh Trung Hoa là một trong những nền văn minh vô cùng độc đáo vẫn được lưu giữ cho đến ngày nay. Tiếp theo là tìm hiểu những tình hình cơ bản của Trung Quốc. Trung Quốc là một nước đang có tốc độ tăng trưởng nhanh, cao nhất thế giới, dân số đông, xuất phát điểm từ một nền kinh tế nghèo khó và phát triển không cân đối. Thế nhưng, vượt lên trên những khó khăn của chính mình, Trung Quốc đã kiên trì đi trên đường lối riêng, kiên trì giữ vững sự phát triển, đồng thời tiếp thu những thành quả văn minh của nhân loại để cuối cùng vạch ra con đường phát triển trong tương lai của mình. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Trung Quốc giữ vững lập trường coi xây dựng kinh tế làm trọng điểm, kiên trì cải cách mở cửa, về đối nội thì xây dựng một xã hội hòa hợp, về đối ngoại thì thúc đẩy xây dựng một thế giới hòa bình, bền vững và cùng nhau phát triển, cùng nhau phồn thịnh.

Hy vọng rằng “Tủ sách Trung Quốc” này sẽ giúp bạn đọc bước những bước đầu tiên trong “hành trình tìm hiểu Trung Quốc” của mình.

Bắc Kinh năm 2010
Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu

Mục lục

1 Lời nói đầu



5 Khái quát địa lý Trung Quốc



21 Khu vực gió mùa Đông Bắc

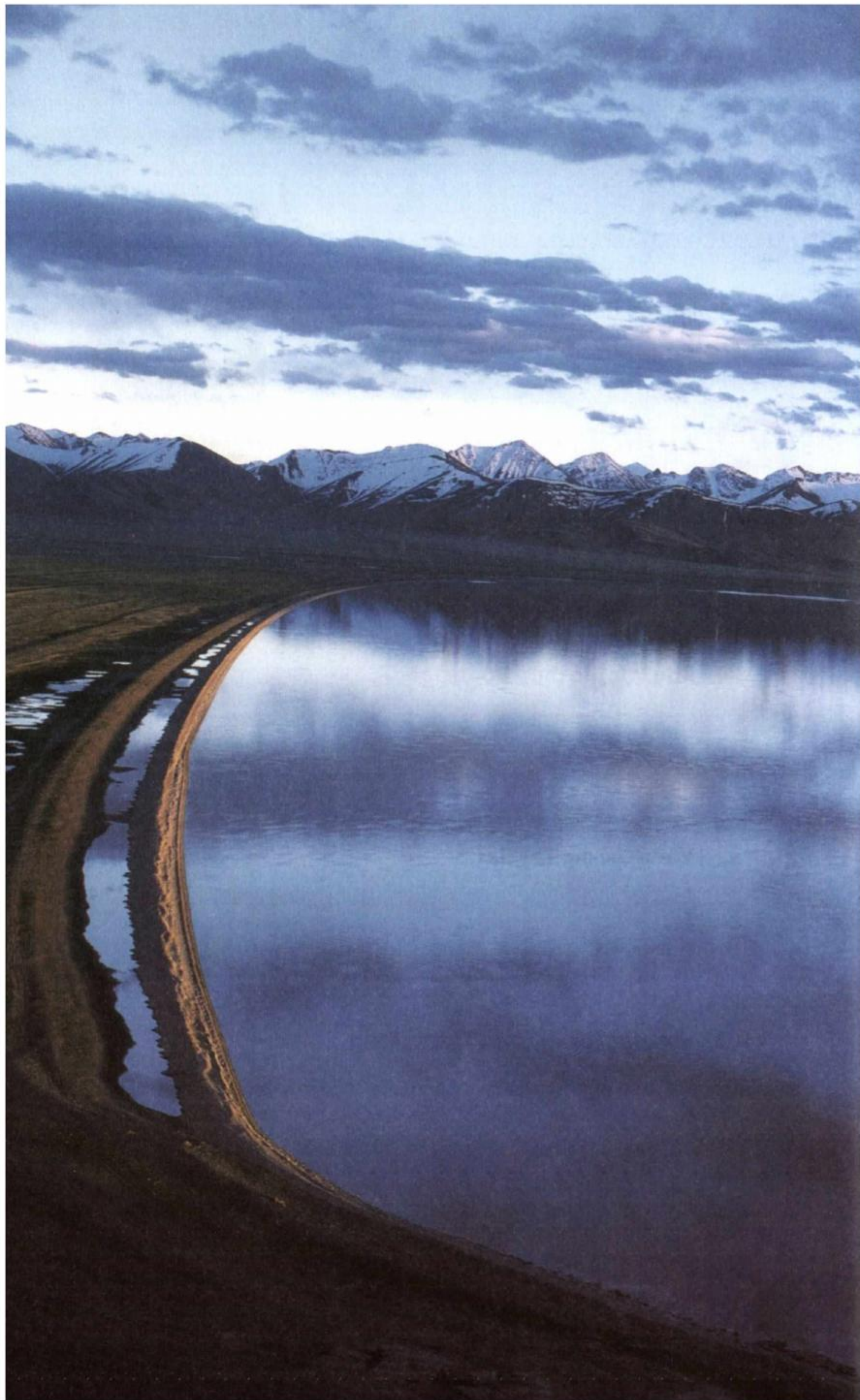


87 Vùng lục địa Tây Bắc



105 Khu vực cao nguyên Thanh Tạng





Lời nói đầu

*N*gày nay, Trung Quốc có một bài hát mà bất cứ ai cũng có thể nghe thấy ở khắp mọi nơi, hai câu đầu của bài hát đã hát rằng: "Ở phương Đông xa xôi kia có một con rồng, tên của con rồng đó chính là Trung Quốc". Bài hát này không những được người dân Trung Quốc vô cùng yêu thích, mà nó còn được truyền bá rộng rãi trong cộng đồng người Hoa trên khắp thế giới. Rồng là vật tổ cổ xưa nhất của dân tộc Trung Hoa, người Trung Quốc ngày nay đều tự cho rằng mình là truyền nhân của rồng, là con cháu của rồng.

Trung Quốc là một quốc gia giàu có và được thiên nhiên ưu đãi. Khí hậu thích hợp cho phát triển nông nghiệp, đất đai thuận lợi cho việc canh tác và thảo nguyên bao la trù phú cũng như những cánh rừng bạt ngàn đã tạo nên những điều kiện thuận lợi tiên quyết cho sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Trung Hoa, cho sự giàu mạnh của đất nước và cho

Trưởng Thành còn được thấy ngày nay hầu hết được tu sửa vào đời nhà Minh (1368 – 1644), nằm ở phía bắc của Trung Quốc. Trong hình là một đoạn Tiền Khẩu của Trưởng Thành ở ngoại ô Bắc Kinh.



sự phồn vinh của một nền văn hóa lớn. Các triều đại đã từng tồn tại trong lịch sử như Tần Hán (221 trước Công nguyên đến 220 sau Công nguyên) và Đường Tống (618 – 1279) đều là những triều đại vô cùng hưng thịnh, và cũng từng là đệ nhất cường quốc trên thế giới thời bấy giờ.

Thế nhưng, cũng cần phải nhấn mạnh một điều, nếu so sánh với các nền văn minh cổ đại khác trên thế giới như nền văn minh sông Nile, nền văn minh lưu vực Lưỡng Hà, nền văn minh Ấn Độ, thì văn minh Trung Hoa có một đặc tính mới mẻ của riêng mình.

Nền văn minh Trung Hoa có một lịch sử dài hơn 5000 năm và chưa hề bị gián đoạn, chữ Hán chuẩn được hình thành và chuẩn hóa từ hơn 2000 năm trước, nhưng không khác biệt là bao so với chữ Hán hiện nay đang được sử dụng rộng rãi, chính vì thế mà nó được mọi người gọi là kỳ tích văn hóa.

Trên lãnh thổ của Trung Quốc, cho dù từ xưa đến nay đã trải qua biết bao nhiêu vương triều phong kiến, nhưng nhà nước với sự thống nhất tối cao luôn là đặc trưng cơ bản trong lịch sử của quốc gia này.

Hơn hai ngàn năm trước, học thuyết Nho gia do Khổng Tử sáng lập với những quan niệm như "Nhân giả ái nhân"; "Hòa vi quý"; "Thiên nhân hợp nhất" v.v.. cho đến ngày nay vẫn có một sức sống mãnh liệt và được cả thế giới biết đến.

Sở dĩ đất nước Trung Hoa có được những thành tựu to lớn kể trên, không thể không nhắc đến vai trò vô cùng quan trọng của môi trường địa lý độc đáo mà Trung Quốc có được.

Nhìn một cách tổng quan về vị trí địa lý của Trung Quốc trên toàn cầu, Trung Quốc nằm ở cực đông trên đại lục lớn nhất trên toàn cầu – đại lục Âu Á, phía đông là đại dương lớn nhất thế giới – Thái Bình Dương. Tuy thuộc về đại lục Âu Á, nhưng mối liên hệ giữa Trung Quốc và đại lục Âu Á không thực sự thông suốt. Phía bắc là vùng Taiga trải dài mấy nghìn kilômét, phía tây là hoang mạc bao la không có người sinh sống, còn phía nam, đặc biệt là phía tây nam toàn là những rặng núi cao ngút ngàn, cao nguyên cao nhất thế giới – cao nguyên Thanh Tạng và đỉnh núi cao nhất thế giới trên dãy Hy Mã Lạp Sơn đã cùng hình thành nên một dải ngăn cách tự nhiên giữa Trung Quốc và các Tiểu lục địa Nam Á.



Tuy rằng trong lịch sử cũng đã từng xuất hiện những sự kiện trọng đại như: hai chuyến đi về hướng tây của Trương Khiên từ đời nhà Hán (206 trước Công nguyên – 25 sau Công nguyên), Nhà sư Trần Huyền Trang “đi Tây thiên thỉnh kinh” vào thời nhà Đường hưng thịnh, hay nhà thám hiểm người Ý – Marco Polo đã đi khắp Trung Quốc vào thời nhà Nguyên (1206 – 1368) cũng như bảy lần Trịnh Hòa xuống Nam Dương vào thời Minh Thành Tổ (1403 – 1424) đã chứng minh cho việc giao lưu văn hóa Đông Tây còn được ghi lại muôn đời; tuy rằng “Con đường tơ lụa” đường bộ và đường biển cũng đã từng một thời hưng vượng trong quá khứ, thế nhưng, vì những hạn chế về điều kiện địa lý, nên mối liên hệ giữa Trung Quốc và phương Tây vẫn không thể gọi là nhiều. Trong quan niệm về địa lý đã hình thành từ rất sớm của người phương Tây, Trung Quốc luôn nằm ở một nơi gọi là “phương Đông xa xôi”, là một đất nước đầy sắc thái thần bí.

Hầm số 1, tượng binh mã (đội quân đất nung) trong lăng mộ Tần Thủy Hoàng đã được khai quật hơn 1000 tượng binh mã, xe đúc bằng gốm. Trong hình là đội quân chủ lực, chủ yếu là bộ binh.

Hoàn cảnh địa lý tương đối độc lập và khép kín có thể tránh được sự xâm lấn của các dân tộc lớn mạnh bên ngoài, giúp cho nền văn hóa của Trung Quốc được kéo dài liên tục, đồng thời phát triển bản thân từ những mô hình cổ hữu, và cuối cùng hình thành nên một hình thức văn hóa khác xa với văn hóa phương Tây.

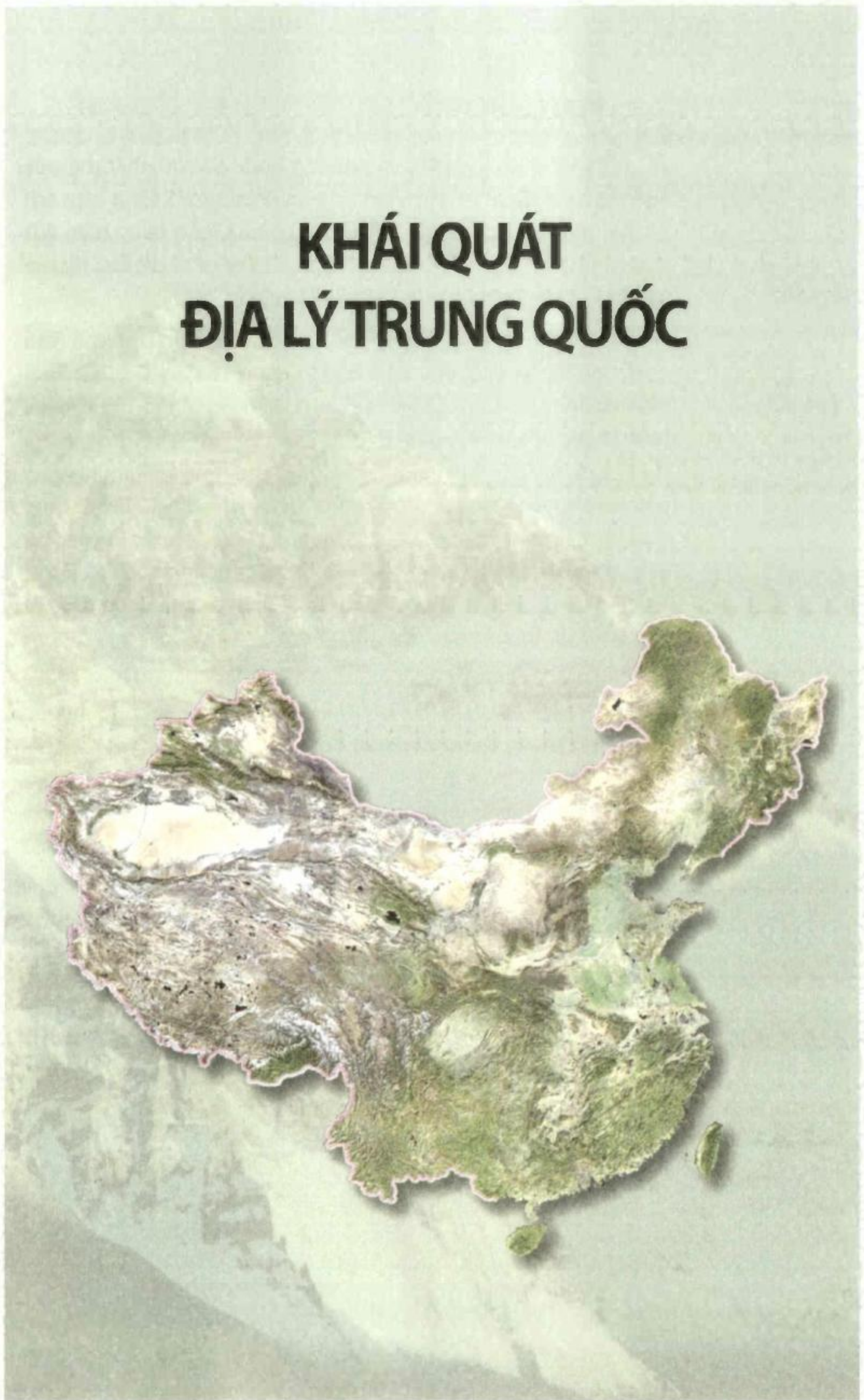
Hoàn cảnh độc lập và khép kín cũng đã tạo nên một tư thế độc lập khép kín.

Trung Quốc ngày nay đã chủ động mở rộng cánh cửa, đón chào tất cả những người bạn nước ngoài muốn đến Trung Quốc, đón chào nguồn vốn đầu tư cũng như khoa học kỹ thuật nước ngoài đến với Trung Quốc. Song song với điều đó, Trung Quốc cũng sẵn lòng bước chân đến với từng góc ngách của cả thế giới.

Tìm hiểu Trung Quốc, không thể không bắt đầu từ việc tìm hiểu địa lý Trung Quốc.

Quyển sách nhỏ này sẽ giới thiệu để các độc giả nước ngoài mong muốn tìm hiểu về Trung Quốc nắm được những kiến thức địa lý cơ bản của Trung Quốc nói chung cũng như những đặc điểm địa lý của từng khu vực nói riêng. Sau khi đọc cuốn sách nhỏ này, bạn sẽ có một nhận thức toàn diện và mới mẻ đối với đất nước Trung Quốc – đất nước ở “phương Đông xa xôi”.

KHÁI QUÁT ĐỊA LÝ TRUNG QUỐC

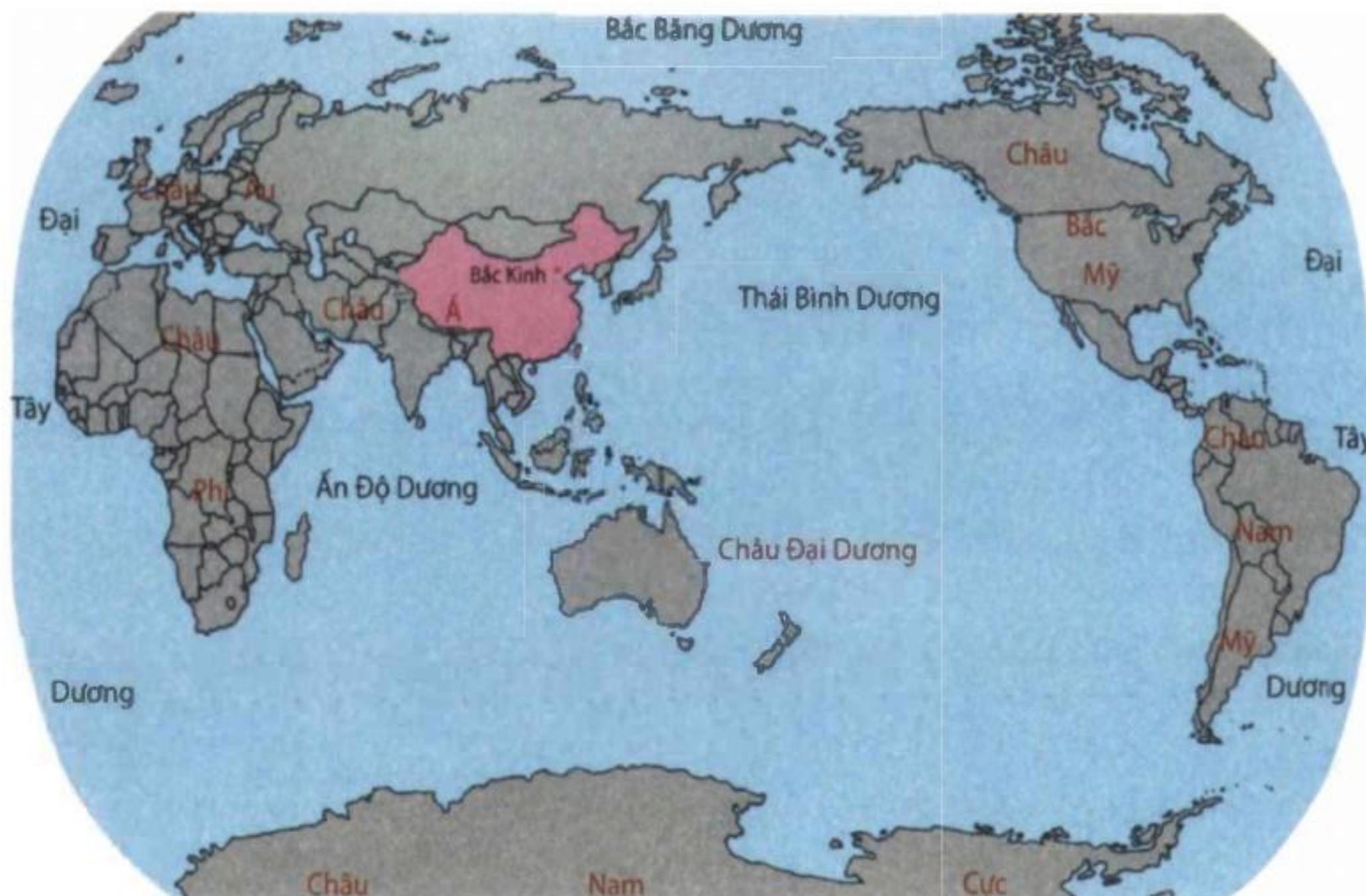


VỊ TRÍ LÃNH THỔ

Trung Quốc là một trong những quốc gia lớn nhất thế giới. Diện tích lục địa là 9,6 triệu km^2 , chiếm khoảng 1/5 tổng diện tích lục địa toàn cầu, chiếm 1/4 diện tích châu Á, gần bằng diện tích của cả Châu Âu. Trung Quốc đứng thứ 3 thế giới, chỉ sau Nga và Canada.

Trung Quốc nằm ở phía bắc bán cầu, toàn bộ lãnh thổ (bao gồm hải vực và đảo) đều nằm ở phía bắc xích đạo. Cực bắc nằm trên tuyến trung tâm của kênh chính Hắc Long Giang. Khi đảo Hải Nam đã bước vào vụ xuân, thì Hắc Long Giang vẫn bạt ngàn trời tuyết. Cực tây của lục địa Trung Quốc là cao nguyên Pamir nằm ở phía tây huyện Ô Cáp thuộc khu tự trị Duy Ngô Nhĩ, Tân Cương; cực đông là điểm giao của đoạn Hắc Long Giang thuộc huyện Phủ Viễn tỉnh Hắc Long Giang và sông Ussuri; khoảng cách từ Đông sang Tây là 5.200 km, khi cao nguyên Pamir vẫn còn đang đẩy trời sao, thì ở Ussuri đã ngập tràn ánh nắng.

Vị trí Trung Quốc trên bản đồ thế giới



Đường biên giới lục địa Trung Quốc có tổng chiều dài hơn 20.000 km, phía đông bắt đầu từ cửa sông Áp Lục giữa biên giới Trung Quốc và Triều Tiên. Tính ngược theo chiều kim đồng hồ thì Trung Quốc lần lượt tiếp giáp với 14 nước, đó là Triều Tiên, Nga, Mông Cổ, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Afghanistan, Pakistan, Ấn Độ, Nepal, Budan, Miama, Lào và Việt Nam. Phía đông và phía nam của đại lục Trung Quốc tiếp giáp Bột Hải, Hoàng Hải, Hoa Đông Hải và biển Đông Việt Nam, phía bên kia là Nhật Bản, Philippines, Malaysia, Indonesia, Brunei v.v..

Đường bờ biển lục địa của Trung Quốc dài hơn 180.000 km, phía bắc từ cửa sông Áp Lục, phía nam là cửa sông Ka Long (Bắc Luân) giữa biên giới Việt Nam và Trung Quốc. Cả đường bờ biển thể hiện qua hai loại hình, lấy ranh giới là vịnh Hàng Châu, phía nam phần nhiều là núi đá, phía bắc phần nhiều là đồng bằng trũng tích. Các dải núi ở ven biển cao thấp khúc khuỷu, hình thành nên nhiều cảng vịnh tự nhiên, cả năm không đóng băng, bốn mùa tàu thuyền đều có thể qua lại, vì thế đã tạo nên điều kiện địa lý thuận lợi để xây dựng các hải cảng vận chuyển hàng hóa đường thủy. Đồng bằng ven biển bằng phẳng, ít mưa, các dải cát ở khu vực bờ cát rất thuận lợi để phát triển ngành du lịch; khu vực bùn đất năng lượng mặt trời phong phú, thuận lợi cho việc chế tạo và phơi muối biển, cung cấp nguyên liệu cho việc phát triển công nghiệp hóa học.

Duyên hải của Trung Quốc phân bố nhiều đảo lớn nhỏ. Đảo Đài Loan lớn nhất với diện tích 360.000 km²; sau đó là đảo Hải Nam, diện tích 340.000 km². Hai hòn đảo này có biệt danh là "Đảo Ngọc", không chỉ giàu có phi nhiêu mà còn đẹp về phong cảnh.

MÔI TRƯỜNG ĐỊA LÝ

Môi trường tự nhiên của Trung Quốc tương đối ưu việt, điều này đã được phản ánh rõ nét qua môi trường khí hậu và địa thế địa hình.

Trung Quốc là một trong những nước khí hậu trải dài nhất trên thế giới. Bắt đầu từ khí hậu hàn ôn đới của phía bắc tỉnh Hắc Long Giang hướng về phía nam, Trung Quốc có sáu dải khí hậu lần lượt là: trung ôn đới, ôn ôn đới, á nhiệt đới, nhiệt đới và dải xích đạo v.v.. Cũng có nghĩa là, ngoài khu vực đài nguyên và khu vực băng giá vĩnh cửu giáp với địa cực, các vùng khí hậu khác trên địa cầu đều có mặt ở Trung Quốc. Đặc biệt là khí hậu ôn đới, ôn đới và á nhiệt đới chiếm phần lớn lãnh thổ của Trung Quốc, khí hậu ẩm áp, bốn mùa rõ nét, là nơi lý tưởng để con người sinh tồn và phát triển.

Lãnh thổ bao la rộng lớn cũng tạo nên sự khác biệt rất lớn trong điều kiện thủy phân. Nhiều năm nay, lượng mưa trung bình cả năm của Trung Quốc vào khoảng 629 mm, tổng lượng mưa trong vòng một năm khoảng trên 6 tỷ m³ nước. Thế nhưng, do mức độ ảnh hưởng của gió mùa hạ đối với từng khu vực rất khác nhau, đã tạo nên điều kiện thủy phân phân bố theo thời gian và không gian không đồng đều và xu thế giảm dần từ đông nam đến tây bắc. Vùng phía nam của Trung Quốc chịu ảnh hưởng rất lớn từ gió mùa, lượng mưa tương đối nhiều, đặc biệt là vùng duyên hải Đông Nam, lượng mưa trung bình năm vào khoảng trên 1000 mm. Ở Hòa Thiêu Liêu thuộc góc Đông Bắc của đảo Đài Loan đã

Hình trái: Mùa đông ở miền Bắc Trung Quốc giá lạnh, khí hậu khô, đặc biệt là khu Đông Bắc, mùa đông dài, mùa hè ngắn. Tuyết rơi nhiều.

Hình phải: Miền Nam Trung Quốc mưa nhiều, khí hậu ẩm ướt, tỉnh Hải Nam ở cực nam Trung Quốc quanh năm không có mùa đông, nhiệt độ cao, mưa nhiều.



từng xuất hiện kỷ lục mưa nhiều nhất trên cả nước với lượng mưa 8.408 mm/năm. Vùng Tây Bắc của Trung Quốc nằm giữa lòng đại lục Âu Á, chịu ảnh hưởng của gió mùa ít hơn nên lượng mưa cũng khá thấp, ngoài một số vùng núi cao, lượng mưa trung bình năm của cả khu vực thường ở mức dưới 200 mm, phần nhiều thuộc vùng sa mạc và bán sa mạc. Ở Nhược Khương nằm giữa thung lũng Tháp Lý Mộc, Tân Cương đã nhiều năm lượng mưa trung bình không đến 10mm, là khu vực khô hạn nhất của Trung Quốc.

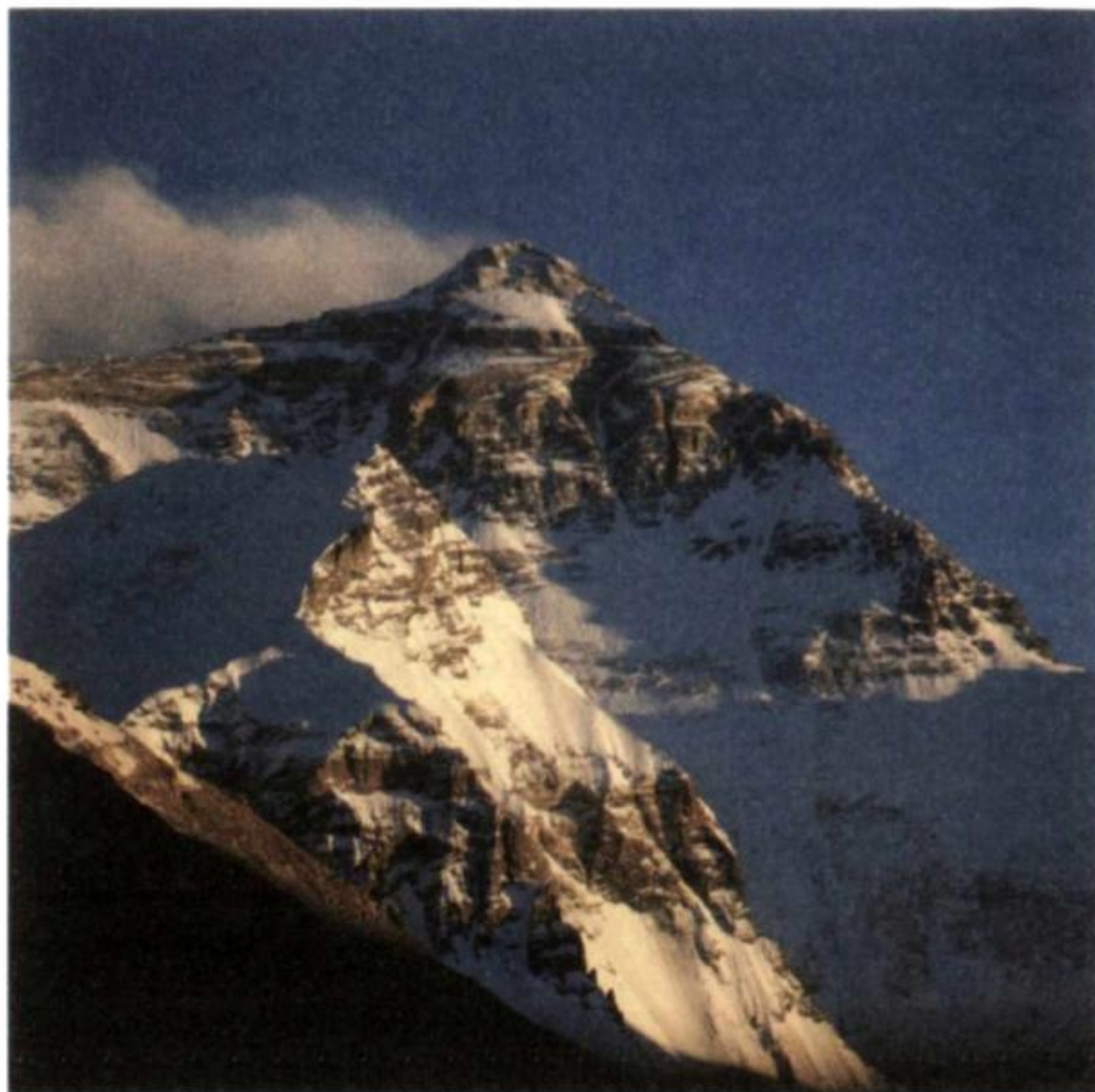


Gió mùa Đông Á có ảnh hưởng rất lớn đối với khí hậu Trung Quốc. Mùa hè thường có gió mùa đông nam, khí hậu nóng bức, mưa nhiều, nhiệt độ cao hơn những khu vực khác có cùng vĩ độ trên thế giới. Mùa đông thường có gió bắc, thời tiết khô và lạnh, nhiệt độ lại thấp hơn so với những khu vực khác có cùng vĩ độ. Nhiệt độ cao vào mùa hè giúp cho khu vực miền Nam rộng lớn của Trung Quốc đều có thể trồng các giống lúa, cây bông ưa thời tiết nóng, hơn thế, mưa và nắng nóng cùng xuất hiện nên có thể đáp ứng được mọi nhu cầu về nhiệt độ cũng như tưới tiêu đối với việc trồng trọt.

Địa hình Trung Quốc vô cùng đa dạng, năm loại địa hình là núi non, cao nguyên, thung lũng, đồng bằng, sườn đồi đều phân bố ở diện tích lớn, mỗi loại địa hình đều thể hiện nên những cảnh quan thiên nhiên rất khác biệt. Trung Quốc là đất nước có nhiều núi, miền núi, cao nguyên và sườn đồi chiếm khoảng 65% diện tích toàn lãnh thổ Trung Quốc. Có rất nhiều dãy núi cao và trải dài trở thành địa hình khung của lục địa Trung Quốc. Núi non ngang dọc đan xen, tạo thành một mạng lưới, nằm giữa khu đồi núi là

Vùng duyên hải ở miền Đông Trung Quốc có địa hình bằng phẳng, nhiều đồng bằng và đồi núi thấp. Trong hình là tam giác Châu Giang.

Vùng Tây Bắc Trung Quốc có nhiều cao nguyên rộng lớn, núi non ngang dọc đan xen. Trong ảnh là phong cảnh đỉnh Everest.

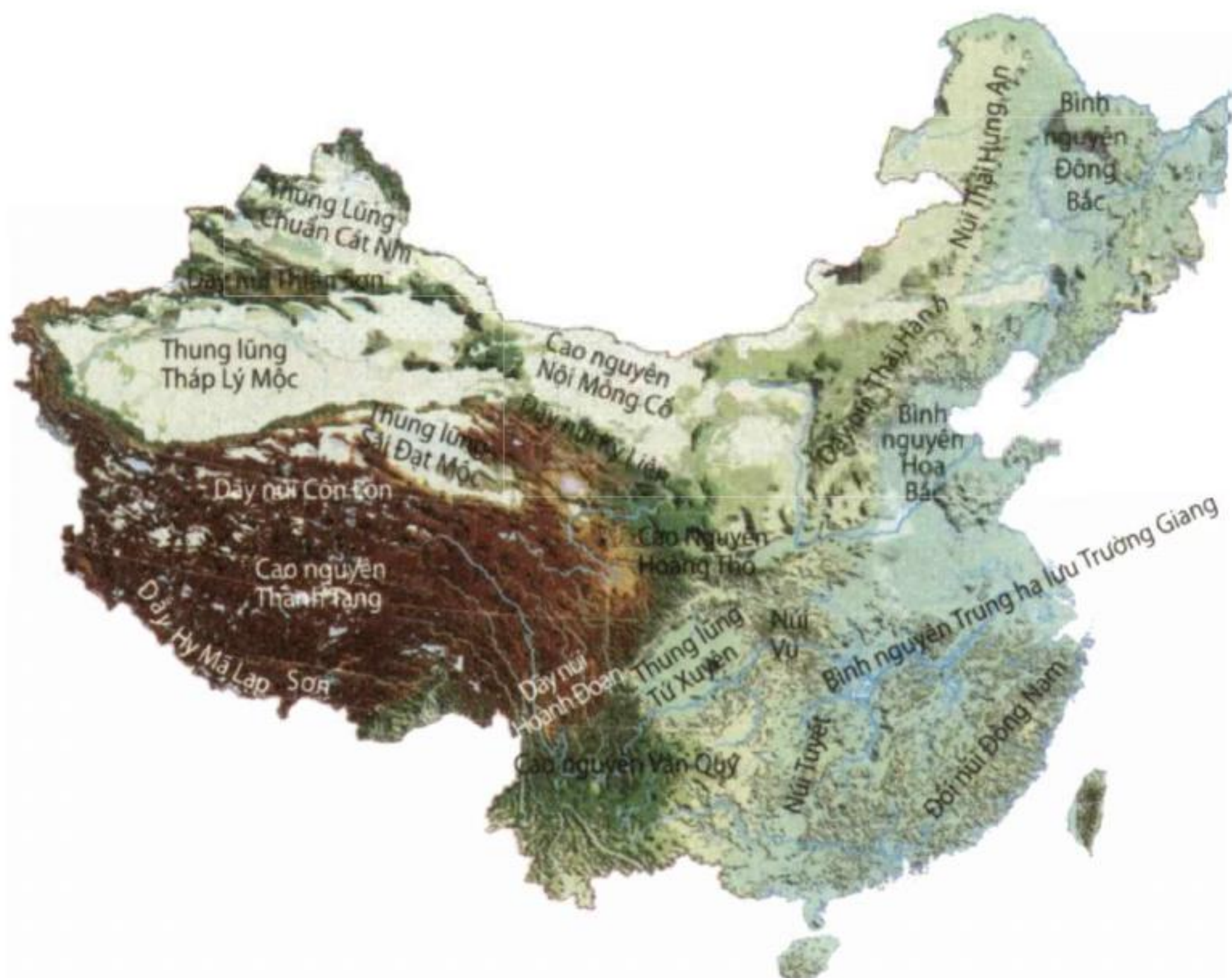


những cao nguyên, đồng bằng và thung lũng có hình dạng khác nhau, diện tích to nhỏ cũng có sự khác biệt tạo thành những cảnh quan khu vực có những nét rất đặc biệt. Nếu chia theo độ cao so với mực nước biển, thì địa thế của Trung Quốc cao ở phía tây, thấp ở phía đông, tạo nên một dạng bậc thang rất rõ nét, phân bố từ phía tây nghiêng dần về phía đông. Nhờ thế, có thể chia địa hình của Trung Quốc ra làm ba bậc thang từ cao đến thấp. Bậc thang thứ nhất bắt đầu từ dãy Khingan ở phía bắc cho đến một dải từ núi Thái Hành – núi Vu – núi Tuyết Phong trải dài từ phía nam sang phía đông. Bậc thang này có địa hình bằng phẳng, phần nhiều là những cao nguyên và sườn núi có độ cao so với mực nước biển không quá 500 m. Ba đồng bằng lớn của Trung Quốc là đồng bằng Đông Bắc, đồng bằng Hoa Bắc và đồng bằng hạ lưu sông Trường Giang cũng như khu vực đồi núi có diện tích lớn nhất Trung Quốc – đồi núi Đông Nam, đều phân bố ở bậc thang thứ nhất này. Bậc thang thứ hai là phía tây của trục tuyến này, phần lớn là những cao nguyên và thung lũng có độ cao từ 1.000 m đến 2.000 m so với mực nước biển. Ba trong bốn cao nguyên lớn của Trung Quốc là cao nguyên Nội Mông, cao nguyên Hoàng Thổ và cao nguyên Vân Quý cũng như bốn thung lũng lớn của Trung Quốc là thung lũng Tứ Xuyên, thung lũng Thập Lý Mộc, thung lũng Chuẩn Cát Nhĩ và thung lũng Sái Đạt Mộc đều nằm ở bậc thang thứ hai

này. Bậc thang thứ ba là cao nguyên Thanh Tạng, địa hình cao, được tạo bởi một cao nguyên bằng phẳng với độ cao trên 4.000 m so với mực nước biển và một quần thể núi non trải dài với độ cao từ 5.000 m đến 6.000 m so với mực nước biển. Trong bậc thang thứ ba này, có hơn 10 ngọn núi có độ cao trên 8000m so với mực nước biển. Đỉnh núi chính là đỉnh Everest nằm trên dãy Hy Mã Lạp Sơn thuộc biên giới Trung Quốc và Nepal là đỉnh núi cao nhất thế giới với chiều cao 8.844,43 m so với mực nước biển. Cũng vì vậy mà cao nguyên Thanh Tạng còn có tên gọi là "Nóc nhà của thế giới".

Địa thế nằm nghiêng hình thành bởi thiên nhiên này rất thuận lợi để luống khí ẩm từ ngoài đại dương đổ dồn về đất liền đại lục Trung Quốc. Nhiều con sông lớn nhỏ được tạo bởi mưa cũng đã nối liền giao thông giữa đất liền với biển, rồi lại vì địa hình nằm nghiêng nên nguồn nước chảy từ cao xuống thấp cũng hình thành nên độ chênh lệch nhất định, từ đó sản sinh ra một nguồn năng lượng nước vô cùng lớn. Tận dụng ưu thế địa hình này, Trung Quốc đã lần lượt xây dựng nhiều công trình thủy điện ở Hoàng Hà và đoạn Hiệp Cốc trên sông Trường Giang để tiến hành khai thác từng bậc thang.

Địa hình Trung Quốc phân bố thành dạng bậc thang



TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Tài nguyên thiên nhiên là một bộ phận cấu thành quan trọng của môi trường tự nhiên, chủ yếu bao gồm tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khí hậu, tài nguyên sinh vật và tài nguyên khoáng sản v.v..

Tài nguyên đất của Trung Quốc vô cùng phong phú, các thể loại có thể tận dụng cũng rất đa dạng. Trong đó, diện tích đất canh tác lên đến 1,3 triệu km^2 , chiếm khoảng 13,5% diện tích đất trên cả nước. Đất canh tác chủ yếu phân bố ở các khu vực đồng bằng như Đông Bắc, Hoa Bắc, trung và hạ lưu Trường Giang, thung lũng Tứ Xuyên và tam giác Châu Giang v.v.. Những khu vực này có nông nghiệp phát triển mạnh, trồng các loại cây lương thực như lúa mì, ngô, và lúa nước cũng như các loại cây kinh tế khác. Diện tích rừng của Trung Quốc là 1,75 triệu km^2 , chiếm khoảng 18,2% diện tích lãnh thổ Trung Quốc, chủ yếu phân bố ở các khu vực: (1) Dãy Khingan lớn, dãy Khingan nhỏ và núi Trường Bạch ở Đông Bắc, là khu rừng thiên nhiên lớn nhất của Trung Quốc, tại đây các loại cây như thông đỏ, thông lặc diệp cũng như nhiều loại cây rụng lá, cây lá rộng v.v. chiếm đại đa số; (2) Tứ Xuyên, Vân Nam và đoạn núi nằm ngang tiếp giáp với Tây Tạng, là khu rừng lớn thứ hai của Trung Quốc, các loại cây chủ yếu ở đây là cây vân sam và cây lãnh sam; (3) Đảo Hải Nam và Tây Song Bản Nạp ở Vân Nam là khu vực bảo tồn rừng mưa nhiệt đới ít nơi nào có ở Trung Quốc.

● Liên kết tư liệu

CÔNG TRÌNH BẢO VỆ RỪNG "TAM BẮC"

Công trình bảo vệ rừng "Tam Bắc" là một công trình xây dựng sinh thái đang được thực hiện ở miền Bắc Trung Quốc, với mục đích nhằm chống lại bão cát, bảo trì nguồn nước và đất, cải thiện điều kiện sản xuất của nông dân và môi trường sinh thái, công trình "Tam Bắc" xuyên qua khu vực Đông Bắc, Hoa Bắc và Tây Bắc, bao gồm 13 tỉnh thành (khu tự trị, thành phố trực thuộc) của Trung Quốc với 551 huyện (kỳ⁽¹⁾, thành phố, khu). Phạm vi xây dựng bắt đầu từ huyện Tân thuộc tỉnh Hắc Long Giang ở phía đông Trung Quốc cho đến hang núi Uzbet nằm ở khu tự trị Duy Ngô Nhĩ, Tân Cương, từ đông sang tây dài 4480km, chiều rộng từ nam đến bắc khoảng 560 km đến 1.460 km, tổng diện tích là 4,069 triệu km^2 , chiếm 42,4% tổng diện tích lãnh thổ.

(1) Kỳ: Đơn vị hành chính ở khu tự trị Nội Mông, tương đương cấp huyện.

Diện tích bãi cỏ của Trung Quốc đạt đến 4 triệu km^2 , chiếm 41,6% diện tích lãnh thổ Trung Quốc, phần lớn phân bố ở cao nguyên Nội Mông Cổ, cao nguyên Hoàng Thổ, nam bắc Thiên Sơn Tân Cương và cao nguyên Thanh Tạng v.v. là khu vực chăn nuôi lớn cung cấp các sản phẩm chăn nuôi như thịt, sữa, da v.v.. Ngoài ra, còn có nhiều hồ rộng có thể nuôi các giống thủy sản, diện tích hồ vào khoảng 670.000 km^2 , là những hồ tự nhiên quý hiếm để nuôi tôm và các loại thủy sản khác.

Về mặt tài nguyên nước, tổng lượng mưa bình quân năm của Trung Quốc vào khoảng 6 tỷ m^3 , lưu lượng nước trên sông ngòi kênh rạch vào khoảng 2,7 tỷ m^3 . Tổng lượng tài nguyên nước của Trung Quốc khoảng 2,8 tỷ m^3 , đứng thứ 6 trên thế giới, chỉ sau Brazil, Nga, Canada, Mỹ và Indonesia. Thế nhưng, lượng nước bình quân đầu người của Trung Quốc chỉ chiếm 1/4 lượng nước bình quân đầu người theo tiêu chuẩn của thế giới. Lý thuyết tiềm năng của tài nguyên nước sông ngòi là 676 triệu KW, có thể cung cấp để lắp đặt các máy phát điện với công suất 378 triệu KW, đứng đầu thế giới. Nhưng tài nguyên nước phân bố giữa các khu vực có sự chênh lệch lớn, miền Nam nhiều, miền Bắc ít; phía đông nhiều, phía tây ít.

Trữ lượng nguồn tài nguyên khoáng sản đã được xác định của Trung Quốc có khoảng 160 loại, trong đó có hơn 20 loại đứng đầu danh sách trên toàn thế giới. Vonfram, antimon, titan, vanadi,

Hình trái: Linh dương Tây Tạng, động vật nằm trong danh mục bảo vệ cấp một của Trung Quốc. Đến tuổi trưởng thành, mặt của những con linh dương đực ở Tây Tạng sẽ có màu đen, chân cũng có những vết màu đen, trên đầu mọc hai sừng dài nhọn và khỏe mạnh để chống lại kẻ thù.

Hình phải: Ngân sam, một loại cây quý hiếm có riêng ở Trung Quốc, là loại thực vật nằm trong danh mục bảo vệ cấp một của Trung Quốc. Mặt sau của những chiếc lá xanh hình kim có hai lỗ khi màu trắng bạc, mỗi khi rung rinh theo gió thổi, ánh bạc sẽ lấp lánh sáng, vì vậy mà loài cây này được đặt tên là "ngân sam".



Khỉ vàng – động vật quý hiếm có riêng ở Trung Quốc, chủ yếu sinh sống ở vùng Tây Bắc của Vân Nam và vùng núi cao ít người sinh sống ở Tây Nam Tây Tạng.



kẽm, đất hiếm (RE), magiê, pyrit, fluorit, barit, thạch cao, than chì là 12 loại khoáng sản đứng đầu thế giới về trữ lượng; thiếc, thủy ngân, amiăng, talc, than đá, molybden là 6 loại khoáng sản đứng thứ hai và thứ ba trên thế giới về trữ lượng; niken, chì, sắt, mangan, bạch kim là 5 loại khoáng sản đứng thứ tư trên thế giới về trữ lượng. So với trữ lượng của 45 loại khoáng sản chủ yếu trên thế giới thì Trung Quốc đứng thứ ba, là một trong số ít quốc gia có trữ lượng khoáng sản dồi dào, chủng loại có thể kết hợp một cách cơ bản.

Trung Quốc là nước có nguồn tài nguyên động thực vật vô cùng phong phú trên thế giới, các loại động thực vật rất nhiều, thực vật bậc cao có 32.800 loại, động vật bậc cao có 1.040 loại. Trong đó có không ít loài động vật quý hiếm như gấu trúc, khỉ vàng, cá sấu Dương Tử, cá heo, thủy sam, cây bồ câu v.v. đều là những "hóa thạch sống" không có ở bất cứ nơi nào khác trên trái đất. Để bảo vệ những động vật hoang dã quý hiếm cũng như môi trường sinh thái, Trung Quốc đã xây dựng hàng loạt khu bảo tồn thiên nhiên, trong đó có 19 khu còn tham gia vào mạng lưới bảo tồn thiên nhiên "Con người và sinh quyển" của Liên Hiệp Quốc.

Trung Quốc có một hải vực rộng lớn, nguồn tài nguyên biển của Trung Quốc cũng vô cùng phong phú, có hơn 2.600 loại cá, các loại cá kinh tế chủ yếu nhất có hơn 50 loại, sự phát triển của nghề đánh bắt cá và nuôi trồng thủy sản đều có quy mô nhất định. Trong hải vực có mỏ dầu, khí thiên nhiên và hơn 20 loại khoáng sản như sắt, đồng, apatit, glauconite v.v., có những loại đã bắt đầu đi vào khai thác như những mỏ dầu trên biển ở Bột Hải. Về nguồn năng lượng trên biển, có trữ lượng ước tính là 5,4 triệu KW, cũng đã tiến hành khai thác cục bộ, chẳng hạn như tận dụng thủy triều vào việc phát điện.

Tổng sản lượng của các loại tài nguyên ở Trung Quốc khá lớn, nhưng do dân số đông, nên rất nhiều tài nguyên trở nên ít ỏi hạn hẹp nếu tính bình quân đầu người, ví dụ như nguồn tài nguyên đất, tài nguyên nước và tài nguyên khoáng sản v.v.. Ngoài ra, việc phân bố các nguồn tài nguyên giữa các khu vực cũng không đồng đều. Ví dụ như nguồn năng lượng than, trong 760 tỷ tấn trữ lượng than trên cả nước, riêng khu vực ba tỉnh Sơn Tây, Thiểm Tây và Cát Lâm đã chiếm trên 70% tổng trữ lượng, còn các tỉnh thiếu năng lượng than gồm 9 tỉnh phía nam chỉ chiếm có 1,4%. Trong trữ lượng dầu mỏ đã được phát hiện và khai thác, phần lớn đều tập trung ở Đông Bắc, Tây Bắc và các khu vực duyên hải miền Bắc. Có đến 70% tổng trữ lượng khí thiên nhiên tập trung ở Tứ Xuyên, Thiểm Tây và Tân Cương. Sự phân bố của nguồn tài nguyên nước cũng mất cân bằng nghiêm trọng, khu vực phía nam của tuyến núi Tần – sông Hoài ở miền Đông Trung Quốc, diện tích đất canh tác chỉ chiếm 36,3%, nhưng lượng nước lại chiếm đến 82,3% tổng lượng tài nguyên nước trên toàn quốc; còn phía tây của tuyến này có diện tích đất canh tác chiếm 63,7%, thì lượng nước lại chỉ chiếm 17,7% tổng lượng tài nguyên nước toàn quốc; nguồn tài nguyên nước ở miền Tây Bắc Trung

● Liên kết tư liệu

CÔNG TRÌNH DẪN NƯỚC “NAM THỦY BẮC ĐIỀU”

Công trình dẫn nước “Nam thủy Bắc điều” tức là xây dựng một hệ thống kênh đào từ thượng lưu, trung lưu và hạ lưu Trường Giang để đưa một khối lượng nước dư thừa khổng lồ của Trường Giang về những khu vực khô hạn như Tây Bắc, Hoa Bắc ở miền Bắc để đáp ứng nhu cầu về nước trong sản xuất công nông nghiệp.

Công trình dẫn nước “Nam thủy Bắc điều” chia làm ba tuyến đường dẫn nước là miền Đông, miền Trung và miền Tây.

Miền Đông: dài 1.155 km, hoàn thành vào năm 2010, sẽ cung cấp nước cho tỉnh Sơn Đông và một số khu vực phía bắc tỉnh Giang Tô. Đường thủy này sẽ nối Sơn Đông và con sông Trường Giang để dẫn nước về đồng bằng Hoàng Hoài Hải thông qua kênh đào Bắc Kinh - Hàng Châu.

Miền Trung: dài 1.267 km, hoàn thành vào năm 2030, sẽ dẫn nước từ dòng sông Hán về cho 2 tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc và Bắc Kinh. Đường thủy này cũng sẽ bổ sung nước cho hồ Đơn Giang Khẩu (Danjiangkou Reservoir) từ nguồn nước của nhà máy thủy điện Trường Giang Tam Hạp Đại Bá.

Miền Tây: dài hơn 500 km, hoàn thành vào năm 2050, chịu trách nhiệm dẫn nước về khu vực Thanh Hải - Tây Tạng.

Quốc lại càng khan hiếm hơn, diện tích đất ước chiếm 1/3 tổng diện tích lãnh thổ toàn quốc, nhưng tài nguyên nước chỉ chiếm 1/20 của cả nước. Nguồn năng lượng từ nước cũng phân bố không đồng đều, 70% tập trung ở khu vực Tây Nam. Đối với vấn đề nguồn tài nguyên phân bố mất cân đối này, Trung Quốc đang ra sức nghiên cứu khoa học và quy hoạch tổng thể, đồng thời áp dụng các biện pháp như tăng cường sửa chữa cũng như xây dựng các tuyến đường sắt mới, để tiếp tục cải thiện tình hình “vận chuyển than từ miền Bắc đến miền Nam”; xây dựng một công trình “Vận chuyển nước Bắc Nam” (Nam thủy Bắc điều) vượt lưu vực, để từ đó giải quyết vấn đề thiếu nước ở miền Bắc.

DÂN SỐ VÀ DÂN TỘC

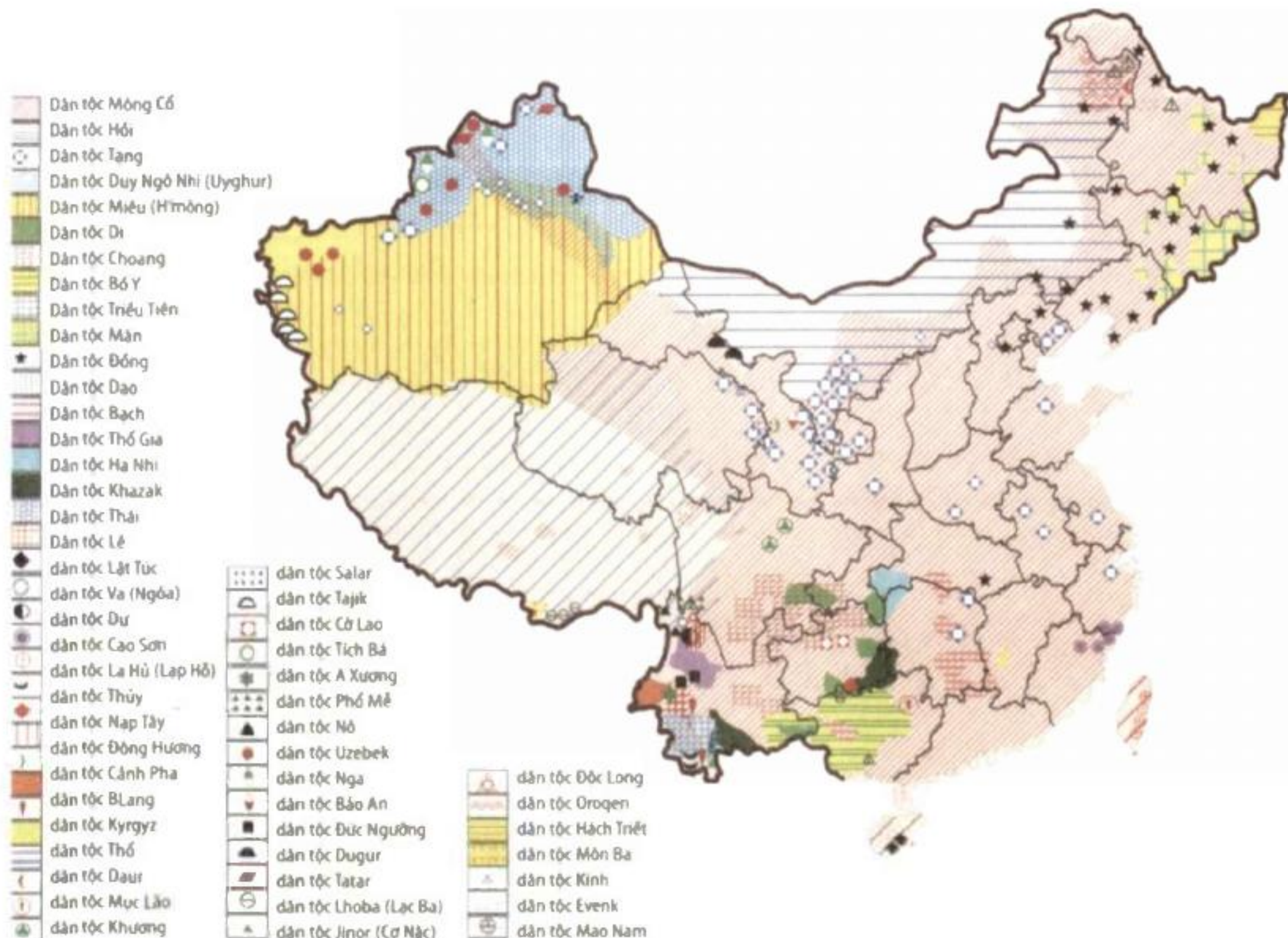
Trung Quốc là nước có dân số đông nhất trên thế giới, theo số liệu từ cuộc điều tra dân số toàn quốc lần thứ 5 diễn ra vào ngày 1 tháng 11 năm 2000, tổng dân số của Trung Quốc là 1,295 tỷ dân. Đến năm 2008, tổng dân số Trung Quốc đã lên đến con số 1,32802 tỷ dân, ước chiếm 20% dân số của cả thế giới.

Trung Quốc là nước có mật độ dân số khá cao trên thế giới. Số liệu từ cuộc điều tra dân số lần thứ 5 cho thấy, mật độ dân số bình quân của cả nước là 134 người/km², cao hơn gấp 4 lần so với mật độ dân số bình quân của thế giới. Dân số của Trung Quốc phân bố không đều, ở khu vực miền Đông mật độ dân số cao, đặc biệt là ở khu vực một số tỉnh thành thuộc duyên hải miền Đông Trung Quốc, mật độ dân số càng dày đặc, có đến 500 – 600 người/km²; mật độ dân số ở miền Tây tương đối thưa thớt, có nhiều nơi chỉ phân bố trung bình 10 người/km². Nếu nhìn từ tình hình phân bố giữa thành thị và nông thôn, năm 2005, dân số thành thị là 543 triệu người, ước chiếm khoảng 41,77% dân số cả nước; dân số nông thôn là 757 triệu người, ước chiếm 58,23% tổng dân số.

Tốc độ tăng trưởng dân số của Trung Quốc khá nhanh. Theo số liệu thống kê, năm 1949, dân số Trung Quốc mới là 540 triệu người, nhưng đến năm 1969, dân số đã tăng lên con số 800 triệu người. Kể từ thập niên 70 thế kỷ XX đến nay, nhà nước đưa ra chính sách kế hoạch hóa gia đình – sinh đẻ tốt, tỷ lệ sinh đã từ 34,11‰ vào năm 1969 đã giảm xuống còn 12,29‰ vào năm 2004; tỷ lệ sinh tăng trưởng tự nhiên của dân số cũng từ 26,08‰ giảm xuống còn 5,87‰. Nếu tính từ tỷ lệ tăng trưởng tự nhiên vào năm 1970, kể từ khi thực hiện chính sách kế hoạch hóa gia đình đến nay, Trung Quốc đã giảm bớt được 300 triệu người.

Trung Quốc là một đất nước đa dân tộc thống nhất, có tất cả 56 dân tộc. Trong đó dân số của dân tộc Hán đông nhất, ước chiếm khoảng 92% tổng dân số; dân số của 55 dân tộc còn lại chỉ chiếm 8% dân số cả nước. Vì dân số ít nên theo thói quen

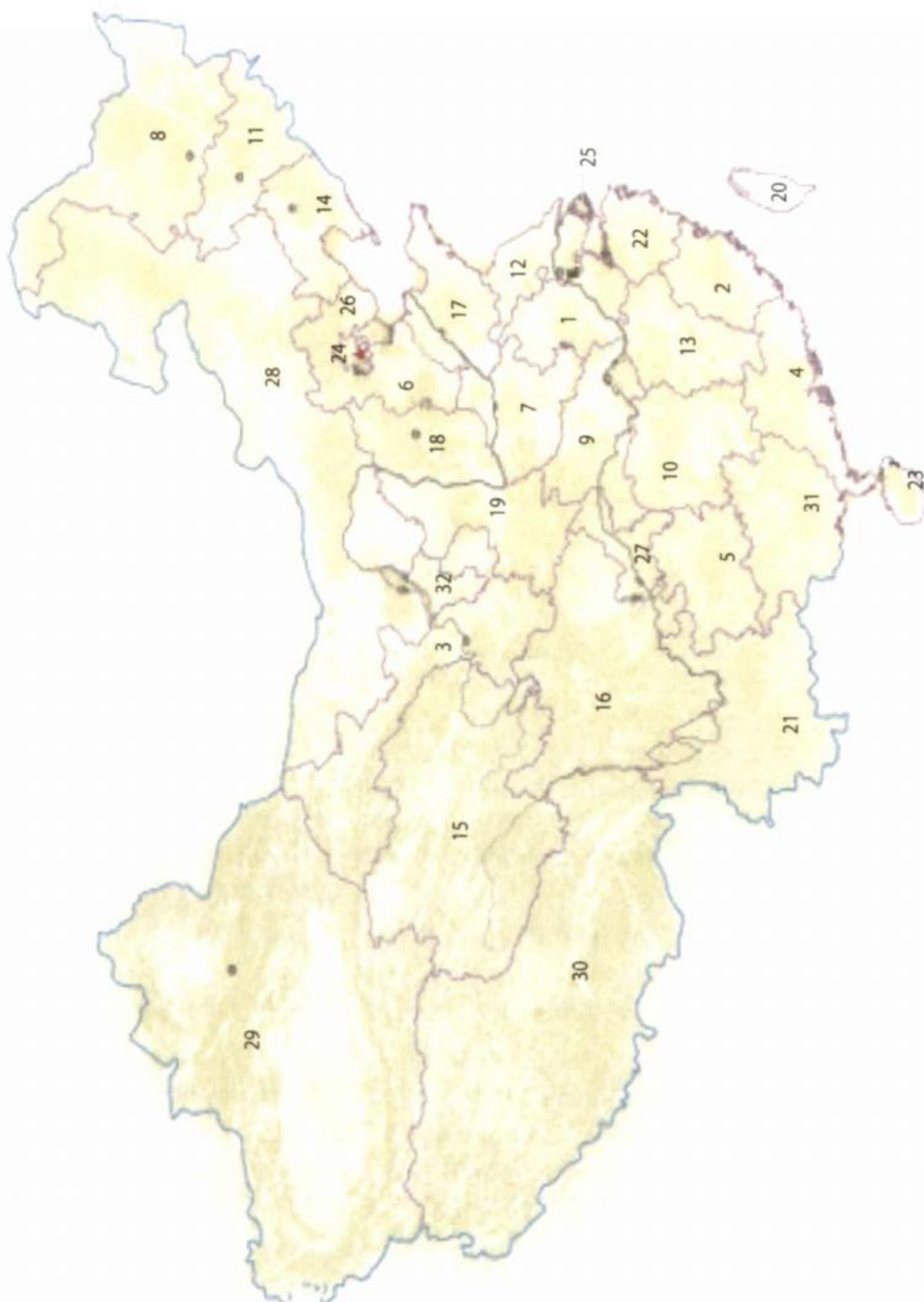
Bản đồ phân bố dân tộc của Trung Quốc



55 dân tộc đó được gọi là dân tộc thiểu số. Trong 55 dân tộc thiểu số, những dân tộc có dân số hơn hoặc gần bằng 5 triệu người gồm có dân tộc Choang, dân tộc Mãn, dân tộc Hồi, dân tộc H'mông, dân tộc Duy Ngô Nhĩ, dân tộc Thổ Gia, dân tộc Di, dân tộc Mông Cổ, dân tộc Tạng, trong đó dân tộc Choang có dân số trên 15 triệu người, là dân tộc có dân số đông nhất trong 55 dân tộc thiểu số. Trong những dân tộc có dân số dưới 100.000 người thì các dân tộc Môn Ba, Oroqen, Tatar, Hách Triết, Cao Sơn, Lhoba là 7 dân tộc có dân số tương đối ít trong số các dân tộc thiểu số.

Trong sự phân bố khu vực của các dân tộc, dân tộc Hán phân bố rộng khắp nhất, gần như phân bố ở khắp mọi nơi trên cả nước, tập trung sinh sống chủ yếu ở ba lưu vực sông lớn là Hoàng Hà, Trường Giang và Châu Giang cũng như khu vực Đông Bắc. Tuy rằng 55 dân tộc thiểu số có dân số khá ít, nhưng phạm vi phân bố lại vô cùng rộng lớn, chủ yếu phân bố ở Nội Mông Cổ, Tân Cương, Tây Tạng, Quảng Tây, Ninh Hạ và Hắc Long Giang, Liêu Ninh, Cam Túc, Thanh Hải, Tứ Xuyên, Vân Nam, Quý Châu, Hồ Nam, Hồ Bắc v.v.. Trong nội địa tỉnh Vân Nam có 25 dân tộc thiểu số có dân số trên 5 triệu người, là tỉnh tập trung nhiều thành phần dân tộc thiểu số nhất ở Trung Quốc.

Bản đồ các khu vực hành chính Trung Quốc



Chú thích bản đồ

1. An Huy - Hợp Phi
2. Phúc Kiến - Phúc Châu
3. Cam Túc - Lan Châu
4. Quảng Đông - Quảng Châu
5. Quý Châu - Quý Dương
6. Hà Bắc - Thạch Gia Trang
7. Hà Nam - Trịnh Châu
8. Hắc Long Giang - Cáp Nhĩ Tân
9. Hồ Bắc - Vũ Hán
10. Hồ Nam - Trường Sa
11. Cát Lâm - Trường Xuân
12. Giang Tô - Nam Kinh
13. Giang Tây - Nam Xương
14. Liêu Ninh - Thẩm Dương
15. Thanh Hải - Tây Ninh
16. Tứ Xuyên - Thành Đô
17. Sơn Đông - Tế Nam
18. Sơn Tây - Thái Nguyên
19. Thiểm Tây - Tây An
20. Đài Loan - Đài Bắc
21. Vân Nam - Côn Minh
22. Triết Giang - Hàng Châu
23. Hải Nam - Hải Khẩu
24. Bắc Kinh - Bắc Kinh
25. Thượng Hải - Thượng Hải
26. Thiên Tân - Thiên Tân
27. Trùng Khánh - Trùng Khánh
28. Khu tự trị Nội Mông - Huhhot
29. Khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương - Uriimgi
30. Khu tự trị Tây Tạng - Lhasa
31. Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây - Nam Ninh
32. Khu tự trị dân tộc Hồi Ninh Hạ - Ngân Xuyên

Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

Tên	Thủ phủ	Diện tích (km ²)	Tên	Thủ phủ	Diện tích (km ²)
Thành phố Bắc Kinh	Bắc Kinh	16 807	Tỉnh Hồ Nam	Trường Sa	211 875
Thành phố Thiên Tân	Thiên Tân	11 305	Tỉnh Quảng Đông	Quảng Châu	179 800
Tỉnh Hà Bắc	Thạch Gia Trang	190 000	Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây	Nam Ninh	236 300
Tỉnh Sơn Tây	Thái Nguyên	156 000	Tỉnh Hải Nam	Hải Khẩu	34 000
Khu tự trị Nội Mông Cổ	Hồ Hòa Hạo Đặc	1 183 000	Thành phố Trùng Khánh	Trùng Khánh	82 400
Tỉnh Liêu Ninh	Thẩm Dương	145 700	Tỉnh Tứ Xuyên	Thành Đô	485 000
Tỉnh Cát Lâm	Trường Xuân	187 400	Tỉnh Quý Châu	Quý Dương	176 100
Tỉnh Hắc Long Giang	Cáp Nhĩ Tân	454 000	Tỉnh Vân Nam	Côn Minh	394 000
Thành phố Thượng Hải	Thượng Hải	6 340	Khu tự trị Tây Tạng	Lhasa (Lạp Sát)	1 228 400
Tỉnh Giang Tô	Nam Kinh	102 600	Tỉnh Thiểm Tây	Tây An	205 600
Tỉnh Triết Giang	Hàng Châu	101 800	Tỉnh Cam Túc	Lan Châu	455 000
Tỉnh An Huy	Hợp Phi	139 600	Tỉnh Thanh Hải	Tây Ninh	722 000
Tỉnh Phúc Kiến	Phúc Châu	121 400	Khu tự trị dân tộc Hồi, Ninh Hạ	Ngân Xuyên	66 400
Tỉnh Giang Tây	Nam Xương	166 947	Khu tự trị Duy Ngô Nhĩ, Tân Cương	Uriimgi (Ô Lỗ Mộc Tế)	1 660 000
Tỉnh Sơn Đông	Tế Nam	157 100	Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông	Hồng Kông	1 098
Tỉnh Hà Nam	Trịnh Châu	167 000	Khu hành chính đặc biệt Ma Cao	Ma Cao	25.4
Tỉnh Hồ Bắc	Vũ Hán	185 900	Tỉnh Đài Loan	Đài Bắc	36 000

Các dân tộc anh em của ở Trung Quốc đều là một thành viên trong đại gia đình dân tộc Trung Hoa. Chính sách dân tộc của nhà nước là: các dân tộc nhất loạt đều bình đẳng; nhà nước đảm bảo tất cả các quyền lợi hợp pháp đối với các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị và áp bức các dân tộc, nghiêm cấm hành vi phá hoại đoàn kết các dân tộc, phản đối chủ nghĩa đại dân tộc (dân tộc lớn) và chủ nghĩa dân tộc địa phương; các dân tộc đều có quyền tự do sử dụng và phát triển văn tự và ngôn ngữ riêng của dân tộc mình, đều có quyền tự do giữ vững và thay đổi các phong tục tập quán của dân tộc. Chính phủ Trung Quốc dựa trên quy hoạch hành chính toàn quốc thực hiện chế độ tự trị các vùng dân tộc, dưới sự lãnh đạo thống nhất của nhà nước, lấy những khu vực có dân tộc thiểu số sinh sống để xây dựng các cơ quan tự trị tương ứng, thực hiện quyền tự trị, nhân dân các dân tộc thiểu số tự làm chủ dân tộc mình, quản lý những sự vụ địa phương của dân tộc mình. Hiện nay Trung Quốc có 5 khu tự trị cấp tỉnh bao gồm Khu tự trị dân tộc Choang ở Quảng Tây, Khu tự trị Nội Mông Cổ, Khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương, Khu tự trị dân tộc Hồi Ninh Hạ và Khu tự trị Tây Tạng. Đồng thời, Trung Quốc còn thiết lập nhiều vùng tự trị cấp địa phương, cấp huyện, cấp xã ... trên cả nước.

Hiến pháp Trung Quốc chia các khu vực hành chính ra làm ba bộ phận:

(1) Cả nước chia thành tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc trung ương; (2) Tỉnh, khu tự trị chia thành châu tự trị, huyện, huyện tự trị, thành phố; (3) Huyện, huyện tự trị chia thành thôn, thôn dân tộc, thị xã. Các thành phố trực thuộc trung ương và các thành phố lớn chia thành khu, huyện; Châu tự trị chia thành huyện, huyện tự trị, thành phố. Khu tự trị, châu tự trị, huyện tự trị đều là những nơi dân tộc tự trị. Xã, thị xã là những đơn vị hành chính cơ bản nhất của Trung Quốc, được chia rộng khắp cả nước. Theo quy định của hiến pháp, trong những lúc cần thiết, nhà nước có thể thiết lập các khu vực hành chính đặc biệt, khu hành chính đặc biệt là khu hành chính địa phương trực thuộc chính phủ trung ương.

Trong đời sống thực tế, các tầng lớp cơ quan nhà nước địa phương cơ bản ở Trung Quốc được chia làm 4 cấp, bao gồm cấp tỉnh, cấp thành phố (trực thuộc địa phương), cấp huyện, và cấp xã. Có tất cả 34 đơn vị hành chính thuộc cấp đầu tiên, tức là 23 tỉnh, 5 khu tự trị, 4 thành phố trực thuộc và 2 khu hành chính đặc biệt (Hồng Kông và Ma Cao).

Sau khi Trung Quốc thực hiện chính sách cải cách mở cửa vào năm 1978, giữa cấp tỉnh và cấp thành phố địa phương đã từng đưa ra quy hoạch hành chính cấp tỉnh phụ, đó là một số thành phố thủ phủ tỉnh và những thành phố tương đối lớn do Quốc hội Trung Quốc phê chuẩn.

KHU VỰC GIÓ MÙA ĐÔNG BẮC



Dựa theo sự chênh lệch về không gian của điều kiện tự nhiên Trung Quốc, có thể chia Trung Quốc ra thành ba khu vực lớn không giống nhau: khu vực gió mùa phía đông, khu vực lục địa tây bắc và khu vực cao nguyên Thanh Tạng. Trong ba khu vực lớn này, dựa vào đặc điểm môi trường địa lý của Trung Quốc, lại có thể chia thành 7 vùng địa lý, đó là: vùng Đông Bắc, vùng Hoa Bắc, vùng trung lưu – hạ lưu Trường Giang, vùng Hoa Nam, vùng Tây Nam, vùng Tây Bắc và vùng cao nguyên Thanh Tạng. Về môi trường tự nhiên và cảnh quan nhân văn, những vùng này đều có một sức hấp dẫn đặc biệt riêng và có những đặc điểm riêng.

Đại lục Trung Quốc chịu những ảnh hưởng rõ nét của gió mùa Đông Á, đặc biệt là ở khu vực gió mùa phía đông. Khu vực gió mùa phía đông được đề cập đến trong cuốn sách này bao gồm vùng Đông Bắc, vùng Hoa Bắc, vùng trung lưu – hạ lưu Trường Giang, vùng Hoa Nam, vùng Tây Nam, tính ra gồm những tỉnh như: tỉnh Hắc Long Giang, tỉnh Cát Lâm, tỉnh Liêu Ninh, tỉnh Hà Bắc, tỉnh Sơn Đông, tỉnh Sơn Tây, tỉnh Hà Nam, tỉnh Thiểm Tây, tỉnh Giang Tô, tỉnh An Huy, tỉnh Giang Tây, tỉnh Hồ Nam, tỉnh Hồ Bắc, tỉnh Phúc Kiến, tỉnh Đài Loan, tỉnh Quảng Đông, tỉnh Hải Nam, khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, tỉnh Tứ Xuyên, tỉnh Vân Nam, tỉnh Quý Châu, bốn thành phố trực thuộc trung ương là Bắc Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân, Trùng Khánh và khu hành chính đặc biệt Hồng Kông, Ma Cao. Điều kiện tự nhiên của khu vực gió mùa phía đông khá tốt, dân số dày đặc, kinh tế phát triển.

VÙNG ĐÔNG BẮC

Vùng Đông Bắc nằm ở khu vực Đông Bắc của Trung Quốc, phân vùng hành chính bao gồm ba tỉnh Hắc Long Giang, Cát Lâm, Liêu Ninh. Phía bắc và phía đông của vùng này giáp với Nga và Triều Tiên, phía nam giáp với tỉnh Hà Bắc, về mặt địa lý, đây là vùng rất đặc biệt.

Khai phá muộn, phát triển nhanh

Trong những thời kỳ đầu của lịch sử Trung Quốc, vùng Đông Bắc luôn là nơi cư trú của các dân tộc thiểu số, nếu so sánh với lục địa, thì nơi này phát triển khá muộn. Trong giai đoạn nhà Minh (1369 – 1644), để phòng chống sự xâm nhập của các dân tộc thiểu số phương Bắc, triều đình nhà Minh đã tăng cường phòng thủ trên tuyến Trường Thành từ Sơn Hải Quan đến Gia Dục Quan, hạn chế người dân ở lục địa trung nguyên ra khỏi Sơn Hải Quan đến vùng Đông Bắc khai hoang định cư. Mãi đến giai đoạn cuối thời kỳ nhà Thanh vào thế kỷ XVIII, với sự khuyến khích của triều đình nhà Thanh, mới có một lực lượng khá lớn người dân di cư vào vùng Đông Bắc. Mặc dù



như vậy, nhưng dân cư ở phía bắc của vùng Đông Bắc vẫn rất thưa thớt, có cả một vùng đất bao la rộng lớn chờ được khai hoang.

Vào đầu thế kỷ XX, vùng Đông Bắc bước vào giai đoạn khai thác mạnh mẽ, công nghiệp hiện đại được xây dựng và phát triển. Cùng với việc sửa chữa đường sắt ở vùng Đông Bắc và sự phát triển của ngành lâm nghiệp cũng như ngành khai thác khoáng sản đã kéo theo một lực lượng di dân rất lớn, dân số ở vùng Đông Bắc trở nên đông đúc hơn. Vào thập niên 50, khu vực đồng bằng ở nửa phía bắc của vùng Đông Bắc trở thành trọng điểm đầu tư và khai thác, và ở đó đã được xây dựng hàng loạt những nông trường cơ giới hóa với quy mô lớn.

So với các tỉnh thành lục địa khác ở trong nước, thì Liêu Ninh thuộc nơi có mật độ dân số cao, Hắc Long Giang thuộc nơi có mật độ dân số thấp, còn Cát Lâm thuộc nơi có mật độ dân số trung bình, dân tộc Hán chiếm trên 90% dân số, ngoài ra còn có dân tộc Mãn, dân tộc Nội Mông, dân tộc Triều Tiên, dân tộc Daur, dân tộc Oroqen, dân tộc Hồi v.v..

Phong tục tập quán của dân cư vùng Đông Bắc có mối liên quan mật thiết với môi trường tự nhiên ở địa phương. Người Đông Bắc sống trong môi trường đất rộng người thưa, đất đai phì nhiêu màu mỡ trong suốt một thời gian dài nên tính cách họ cũng phóng khoáng cởi mở. Thời tiết ở vùng Đông Bắc giá lạnh, dân cư thường có vóc dáng thấp, tường nhà xây dày, giữ ấm tốt; dân cư thường ngủ bên lò sưởi, thích

Sương muối, còn gọi là thụ quả (sương đóng trên cây) là một hiện tượng tự nhiên thường thấy vào mùa đông ở vùng Đông Bắc, sự hình thành của sương muối có liên quan chặt chẽ đến khí hậu giá buốt và độ ẩm cao.



uống rượu mạnh. Dân di cư ở vùng Đông Bắc hầu như đến từ khắp nơi trên cả nước, phong tục cưới hỏi lễ tết của dân cư địa phương vẫn giữ được không ít phong tục như ở lục địa.

Vùng Đông Bắc là nơi có nền công nghiệp hiện đại phát triển khá sớm. Ở những thành phố lớn như Thẩm Dương, Trường Xuân, Cát Nhĩ Tân, tỷ lệ công nhân khá lớn. Do những ảnh hưởng của nền công nghiệp hiện đại, tổ chức văn hóa của dân cư tương đối cao, đặc biệt là sau thập niên 50, một số ngành công nghiệp khai thác mỏ quặng với quy mô lớn được xây dựng nhanh chóng, sau khi một phần lớn dân cư có nghề nghiệp ổn định đã trở thành lớp công nhân có văn hóa và kỹ thuật.

Non nước bao quanh, sản phẩm đa dạng

Điều kiện tự nhiên của vùng Đông Bắc vô cùng ưu việt. Dây Đại Hưng An ở phía tây, Hắc Long Giang và dãy Tiểu Hưng An ở phía tây cũng như núi Trường Bạch và sông Áp Lục ở phía đông cùng bao quanh ba phía: phía tây, phía bắc, phía đông của vùng Đông Bắc, nằm chính giữa là một dải đồng bằng phì nhiêu màu mỡ - đồng bằng Đông Bắc. Đồng bằng Đông Bắc là đồng bằng lớn nhất Trung Quốc, nó được tạo bởi ba bộ phận: đồng bằng sông Liêu ở phía nam, đồng bằng Tùng Nộn (sông Tùng Hoa, sông Nộn) ở phía bắc và đồng bằng Tam Giang (sông Hắc Long, sông Tùng Hoa và sông Ussuri). Đồng bằng Đông Bắc có mùa đông dài và giá lạnh, khoảng thời gian không có sương là rất ít, nhưng khí hậu mùa hè lại ấm áp, điều kiện năng lượng nhiệt hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu sinh trưởng của cây trồng mỗi năm. Lại thêm đất đai phì nhiêu nên nông nghiệp rất phát triển. Đây là nơi sản xuất các sản phẩm lương thực quan trọng của Trung Quốc.

Cây lương thực ở vùng Đông Bắc chủ yếu là ngô, cao lương, đậu nành, kê, lúa mì vụ xuân và lúa nước. Trong đó diện tích trồng ngô lớn nhất, sản lượng cũng cao nhất. Vùng Đông Bắc trồng cây cao lương đã có lịch sử từ rất lâu đời, diện tích trồng trọt trải đều khắp vùng. Đậu nành là sản phẩm nông nghiệp nổi tiếng ở đồng bằng Đông Bắc, chất lượng hảo hạng, sản lượng đậu nành ở tỉnh Hắc Long Giang đứng đầu cả nước. Lúa mì vụ xuân ở Đông Bắc chủ yếu tập trung ở tỉnh Hắc Long Giang, ba mươi năm trở lại đây khu vực khai hoang mới xây dựng, trình độ cơ giới hóa và tỷ lệ sản

Khu rừng Đông Bắc là nơi sản xuất gỗ rừng lớn nhất của Trung Quốc. Trong hình là cảnh rừng nguyên sinh thuộc dãy Đại Hưng An.



phẩm lương thực đều rất cao. Ngoài ra, vùng Đông Bắc còn là nơi chủ yếu trồng củ cải và cây đay.

Các vùng núi non bao quanh khu vực Đông Bắc phân bố một diện tích rừng rất lớn, mật độ che phủ của rừng, trữ lượng gỗ và lượng gỗ được khai thác đều đứng đầu cả nước. Dãy Đại Hưng An chủ yếu là rừng của những cây tùng lặc diệp, núi Trường Bạch chủ yếu là cây thông và các loại cây rụng lá, cây lá lớn khác sinh sống đan xen nhau. Cây thông đỏ ở dãy Tiểu Hưng An luôn cung cấp nguyên liệu gỗ xây dựng hảo hạng. Trải qua nhiều năm chặt phá, vùng rừng nguyên sinh ở Đông Bắc đã không còn nhiều, chỉ còn đoạn ở phía bắc dãy Đại Hưng An mới có thể nhìn thấy cánh rừng nguyên sinh rộng lớn.

Trong vùng rừng núi Đông Bắc còn có không ít động thực vật hoang dã quý hiếm. Nhân sâm, cùng với da thủy điều (con chồn nhỏ) quý hiếm và lộc nhung hợp thành “Đông Bắc tam bảo” đều có ở vùng rừng núi Đông Bắc. Qua tìm tòi nghiên cứu nhiều năm, mọi người đã trồng cây nhân sâm trên vùng núi với một diện tích rất lớn, nuôi lộc nhung và thủy điều theo phương pháp nhân tạo cũng vui mừng gặt hái được nhiều thành công. Ở khu vực núi Trường Bạch là nơi sinh sống của những loài hổ lớn nhất thế giới – là nơi cư trú của hổ Đông Bắc, do sự săn bắt của con người nên hiện nay loài hổ Đông Bắc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Để bảo vệ các loại động thực vật quý hiếm và làm công tác nghiên cứu khoa học, Trung Quốc đã xây dựng một số khu bảo tồn thiên nhiên ở núi Trường Bạch và dãy Tiểu Hưng An v.v. trong đó khu bảo tồn thiên nhiên núi Trường Bạch có diện tích lớn nhất và đã gia nhập vào mạng lưới bảo vệ thiên nhiên “Con người và sinh quyển” của Liên Hiệp Quốc.

Cơ sở công nghiệp nặng

Ở vùng Đông Bắc, đặc biệt là ở khu vực Liêu Trung Nam Thẩm Dương⁽¹⁾ có nguồn tài nguyên khoáng sản vô cùng phong phú, hơn thế chúng loại khá đầy đủ, do vậy đã tạo điều kiện tiên quyết ưu việt cho việc phát triển các ngành công nghiệp nặng. Nơi đây tiềm tàng một trữ lượng quặng sắt và than vô cùng dồi dào, còn có cả những nguyên liệu phụ trợ cho việc luyện thép, các loại khoáng sản cũng hỗ trợ cho nhau rất tốt. Quặng sắt chủ yếu có ở An Sơn, Bản Khê và Liêu Dương, than có nhiều ở Phủ Thuận và Bản Khê, khoảng cách giữa hai loại tài nguyên này không cách xa bao nhiêu, thậm chí là có ở cùng một chỗ.

Ngay từ đầu thế kỷ XX, Liêu Trung Nam đã tiến hành khai thác quặng sắt và luyện thép với một quy mô nhất định, đồng thời, một khu công nghiệp cơ khí cũng

(1) Là một quần thể các thành phố, với Thẩm Dương và Đại Liên là thành phố hạt nhân, ngoài ra còn bao gồm An Sơn, Phủ Thuận, Bản Khê, Đan Đông, Liêu Dương, Dinh Khẩu, Bản Cẩm, Thiết Lĩnh và các thành phố khác. Đây là khu vực có mật độ đô thị dày đặc, các thành phố lớn chiếm tỷ lệ rất cao.

được xây dựng ở nơi đây. Đến thập niên 50, nhà nước nỗ lực hơn nữa trong việc xây dựng khu công nghiệp nặng này, mở rộng và sửa chữa lại các xí nghiệp liên hợp gang thép An Sơn và Bản Khê v.v., xây dựng thêm các nhà máy cơ khí quy mô lớn với trọng tâm là các loại máy móc công nghiệp hạng nặng, chính những nỗ lực ấy đã khiến cho khu công nghiệp già nua này bước lên một tầm cao mới, trở thành cơ sở công nghiệp nặng lớn nhất trên cả nước. Cho đến ngày nay, khu công nghiệp nặng Đông Bắc vẫn chiếm một tỷ lệ khá lớn, trong đó tỷ lệ của ngành công nghiệp nặng ở Liêu Ninh đứng đầu các tỉnh, thành phố và khu vực trên cả nước.

Trong các ngành công nghiệp nặng Đông Bắc, ngành luyện kim, chế tạo các loại máy móc công cụ hạng vừa, chế tạo các thiết bị trạm điện hạng lớn là những ngành sản xuất chủ yếu nhất. Ngoài ra, khai thác than và khai thác dầu khí, lọc hóa dầu, chế tạo xe hơi v.v. cũng có một vị trí quan trọng trên cả nước. Công ty Gang thép An Sơn và Công ty trách nhiệm hữu hạn Gang thép Bản Khê được hợp thành "Cơ sở gang thép An Bản" đã sản xuất ra các loại thép, gang cung cấp cho các nơi trên toàn quốc.

Đồng bằng Đông Bắc có chứa nguồn tài nguyên dầu mỏ và khí thiên nhiên vô cùng phong phú. Từ cuối thập niên 50 của thế kỷ XX, nhà nước đã phát hiện thấy dầu mỏ ở đồng bằng Tùng Nẫm thuộc tỉnh Hắc Long Giang, sau đó không lâu, nơi này đã được hình thành một quy mô sản xuất lớn với tên gọi là "Mỏ dầu Đại Khánh". Trong vòng mấy chục năm kể từ năm 1963, dầu mỏ của Trung Quốc đã có thể tự cung tự cấp, và nguồn dầu mỏ chủ yếu nhất đều từ Đại Khánh. Hiện nay, mỏ dầu Đại Khánh vẫn đang là mỏ dầu lớn nhất ở Trung Quốc, sản lượng mỗi năm của mỏ dầu này luôn ổn định ở mức 50 triệu tấn trở lên, lại thêm mỏ dầu Liêu Hà và mỏ dầu Cát Lâm được khai thác sau này, đã giúp cho sản lượng của mỏ dầu Đông Bắc luôn chiếm từ 1/3 cho đến 1/2 tổng sản lượng dầu mỏ của cả nước.



Mỏ dầu Đại Khánh được xây dựng và đi vào khai thác từ năm 1960, gồm 48 giếng dầu quy mô lớn nhỏ khác nhau tạo thành. Diện tích của mỏ dầu Đại Khánh vào khoảng 6000km². Trong ảnh là giếng dầu Lạt Ma Điện nằm trong mỏ dầu Đại Khánh.

● Liên kết tư liệu

CỐ CUNG THẨM DƯƠNG

Cố cung Thẩm Dương bắt đầu được xây dựng vào năm 1625, là hoàng cung được người dân tộc Mãn xây dựng vào thời kỳ đầu của vương triều Mãn Thanh. Sau khi nhà Thanh dời đô về Bắc Kinh vào năm 1644, Cố cung Thẩm Dương được tu sửa và trở thành hoàng cung của nhà vua mỗi khi vua đi tuần ở Đông Bắc. Từ năm 1926 đến nay, nơi này trở thành Viện Triển lãm Cố cung Thẩm Dương. Hiện nay vẫn còn hơn 100 kiến trúc cổ, chiếm diện tích hơn 60.000 m². Vì hoàn cảnh lịch sử, điều kiện tự nhiên đặc biệt và đậm đà bản sắc của dân tộc Mãn, nên Cố cung Thẩm Dương rất khác với Cố cung ở Bắc Kinh, đây không chỉ là di tích lịch sử và điểm du lịch nổi tiếng của Trung Quốc, mà cũng là một trong những di sản văn hóa thế giới đặc sắc.

Xưởng chế tạo ô tô Đệ nhất Trường Xuân (hiện là Tập đoàn Xe hơi Đệ nhất Trung Quốc) là xưởng ô tô đầu tiên được xây dựng tại Trung Quốc. Trải qua nhiều năm xây dựng và phát triển, xưởng này đã trở thành cơ sở nghiên cứu và sản xuất ô tô hiện đại hóa có quy mô lớn nhất, mặt hàng toàn diện nhất trong ngành công nghiệp ô tô của Trung Quốc. Tập đoàn này có tài sản cố định lên đến hơn 50 tỷ nhân dân tệ, sản xuất hơn 550 loại xe thuộc 6 dòng xe lớn là xe hạng nặng, hạng vừa, hạng nhẹ, hạng nhỏ, dòng xe buýt và dòng xe khách. Tập đoàn ô tô này đã trở thành trụ cột trong ngành công nghiệp chế tạo ô tô của Trung Quốc. Công nghiệp chế tạo xe khách, xe máy, xe xúc kéo của Trường Xuân cũng có một vị trí rất quan trọng trên cả nước.

Thẩm Dương là thủ phủ của tỉnh Liêu Ninh, là thành phố công nghiệp lớn nhất của vùng Đông Bắc, đồng thời cũng là đầu mối giao thông và trung tâm kinh tế của vùng Đông Bắc, dân số hiện nay có hơn 5 triệu người. Trong lịch sử, Thẩm Dương đã từng là thủ đô tạm thời của vương triều cuối cùng ở Trung Quốc – vương triều Mãn Thanh (1616 – 1911). Cố cung nằm giữa trung tâm thành phố hiện nay vẫn được bảo tồn nguyên vẹn. Lăng phía bắc và lăng phía đông, nơi mai táng thủy tổ sáng lập nên vương triều Mãn Thanh – Nỗ Nhĩ Cáp Xích (Nurhachi) và Hồng Thái Cực (Hung Taji) cũng là di tích nổi tiếng ở Thẩm Dương.

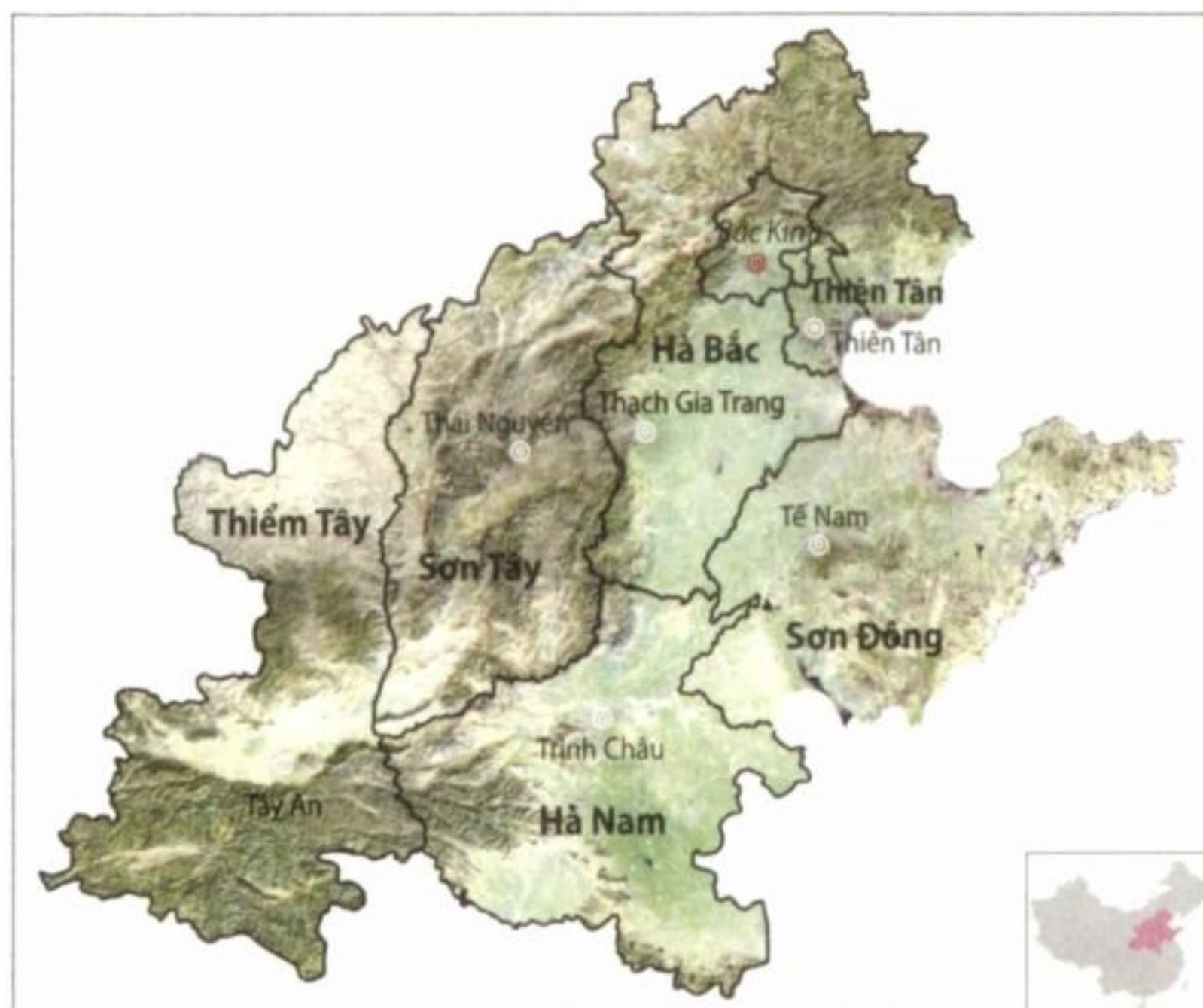
Thẩm Dương nằm ngay cạnh khu vực sản xuất gang thép – thành phố An Sơn và thành phố Bản Khê, cách khu khai thác than đá ở Phủ Thuận cũng không xa. Từ Thẩm Dương đi về phía nam là cảng biển ở thành phố Đại Liên, giữa hai thành phố có đường sắt và đường cao tốc nối liền. Các mặt hàng sản xuất ở Thẩm Dương rất phong phú, giao thông thuận tiện, nơi đây hội tụ đủ mọi điều kiện để phát triển thành một thành phố công nghiệp nặng. Thẩm Dương là cơ sở sản xuất máy móc công cụ lớn nhất trên cả nước, cũng là nơi quan trọng chuyên sản xuất quạt hút hạng lớn, máy bơm hạng lớn và máy biến áp hạng lớn.

Thành phố Đại Liên nằm ở phía nam trên bán đảo Liêu Đông, là khởi điểm phía nam của tuyến đường sắt Thẩm Đại (thành phố Thẩm Dương tỉnh Liêu Ninh – thành

phố Đại Liên tỉnh Liêu Ninh) và tuyến đường cao tốc Thẩm Đại. Đây là nơi có vị trí địa lý ưu việt, giao thông vô cùng thuận lợi, là cánh cửa dẫn đến con đường xuất nhập khẩu trên biển của vùng Đông Bắc. Cảng Đại Liên rộng lớn, nước sâu, cả năm không bị đóng băng, qua nhiều năm xây dựng, cảng dầu thô Vịnh Niêm Ngư đã được xây dựng trong khu vực cảng này, các tuyến ống dẫn dầu Đại Khánh cũng trực tiếp thông qua cảng, thông lượng tăng lên gấp bội. Đại Liên có gần 30 chỗ neo đậu dành cho tàu biển tải trọng hàng vạn tấn, chỗ neo đậu sâu nhất có thể neo đậu các loại tàu có tải trọng từ 50.000 đến 100.000 tấn. Cảng Đại Liên chỉ đứng sau cảng tổng hợp thứ hai của Trung Quốc nằm ở Thượng Hải, thông lượng hàng hóa chỉ đứng sau cảng Thượng Hải và cảng Tân Hoàng Đảo.

VÙNG HOA BẮC

Vùng Hoa Bắc bao gồm 5 tỉnh Hà Bắc, Sơn Đông, Hà Nam, Sơn Tây, Thiểm Tây và 2 thành phố trực thuộc trung ương là Bắc Kinh và Thiên Tân. Vùng Hoa Bắc nằm ở trung lưu và hạ lưu Hoàng Hà, phía tây là cao nguyên Hoàng Thổ, phía đông là đồng bằng Hoa Bắc, Hoàng Hà đóng một vị trí quan trọng trong khu vực này. Văn hóa Hoàng Hà – tiêu biểu cho văn minh Trung Hoa cũng bắt nguồn từ nơi đây.



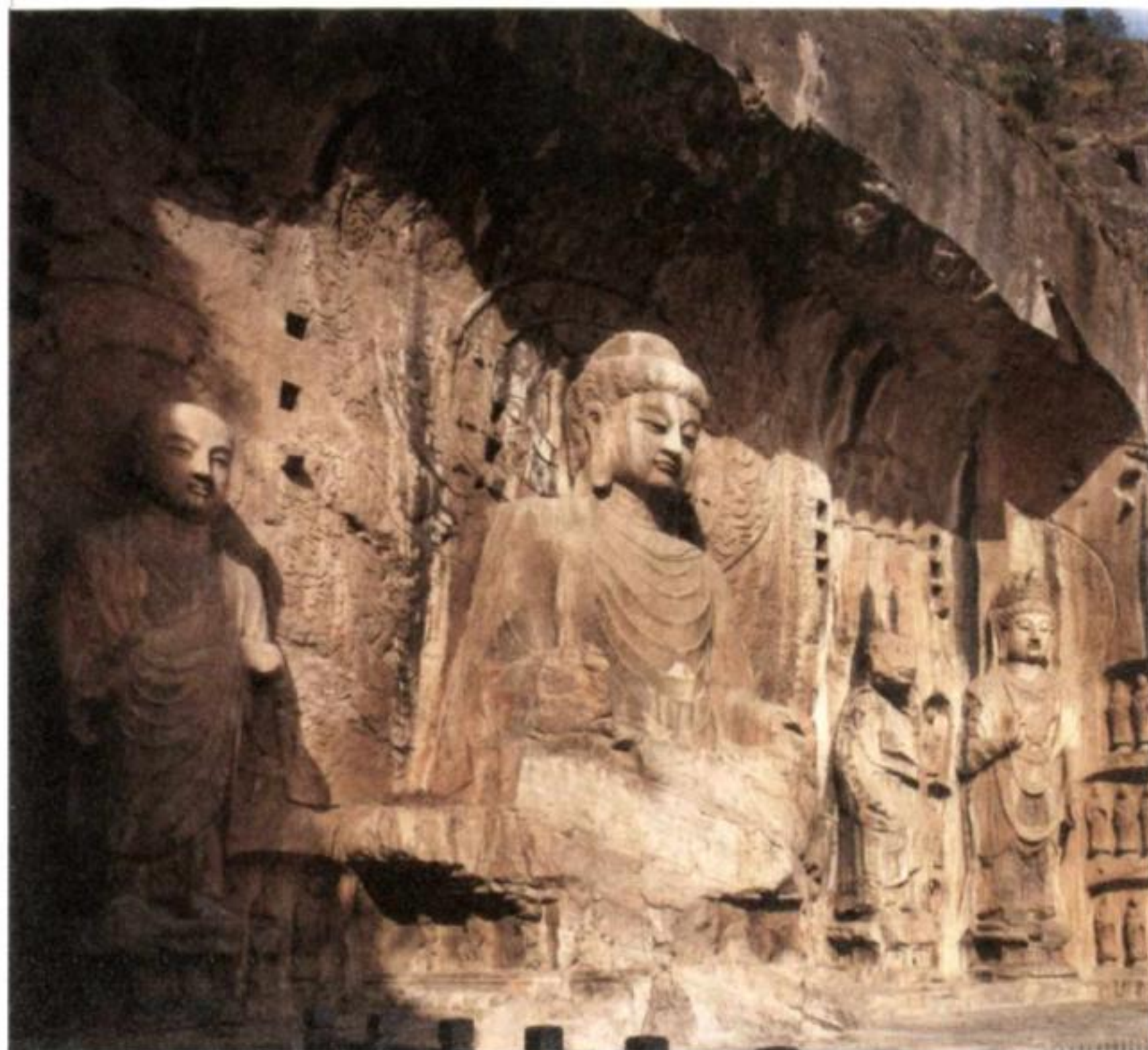
Lịch sử và văn hóa truyền thống lâu đời

Đồng bằng Hoa Bắc, chủ yếu được hình thành bởi sự bồi đắp của ba con sông Hoàng Hà, sông Hoài và Hải Hà, là vùng nông nghiệp được khai thác tương đối sớm ở Trung Quốc.

Vùng Hoa Bắc là khởi nguồn quan trọng của dân tộc Trung Hoa. Từ những văn vật khảo cổ được khai quật có thể thấy, người vượn Bắc Kinh ở Châu Khẩu Điếm – Bắc Kinh và người vượn Lam Điếm – Thiểm Tây là những người cổ đã từng sinh sống ở nơi đây vào khoảng 50 – 60 vạn năm và 80 vạn năm trước, họ là tổ tiên của dân tộc Trung Hoa. Vào thời đại đồ đá mới cách đây khoảng 5 đến 6.000 năm về trước, dấu chân của người viễn cổ đã có trên khắp vùng Hoa Bắc. Những vật cổ đã được khai quật cho thấy, bấy người nguyên thủy hồi đó đã có nghề nông và nghề chăn nuôi gia súc nguyên thủy. Di chỉ Bán Pha ở Tây An, Thiểm Tây là những di chỉ điển hình tiêu biểu của văn hóa đồ đá mới. Lăng tẩm của Hoàng Đế – thủy tổ của dân tộc Trung Hoa trong truyền thuyết, cũng nằm trên núi Kiếu ở huyện Hoàng Lăng, Thiểm Tây; những dấu tích sinh hoạt của ba đời đế vương thượng cổ sau hoàng đế là Nghiêu, Thuấn, Vũ cũng đều được tìm thấy ở hạ lưu sông Phần. Nhà nước chiếm hữu nô lệ sớm nhất ở Trung Quốc là nhà Hạ (2070 – 1600 trước Công nguyên) và nhà Thương (1600 – 1046 trước Công nguyên) cũng sinh sống chủ yếu trên khu vực

này. Ân Khư ở Tiểu Đốn, An Dương – Hà Nam là kinh đô mang tính toàn quốc vào cuối đời nhà Thương. Thời đó, Trung Quốc đã bước vào xã hội chế độ chiếm hữu nô lệ hoàn thiện, có nghề luyện kim đúc đồng khá phát triển. Từ những văn tự khắc trên xương cốt động vật đã khai quật được, có thể thấy, Hán văn tự với hơn 3000 năm lịch sử đã bước đầu được hình thành vào thời đó. Tấn Thủy Hoàng – một đế vương hùng tài đa lược của Trung Quốc đã lấy đồng bằng Vị Hà (thuộc địa phận tỉnh Thiểm Tây) ở phía tây bắc Trung Quốc làm căn cứ, xây dựng nên vương triều Tần thống nhất (221 - 206 trước Công nguyên). Hai đỉnh cao của xã hội phong kiến Trung





Động đá Long Môn ở thành phố Thẩm Dương tỉnh Hà Nam được điêu khắc từ 1.500 năm trước, có hơn 100.000 bức tượng đã được tạo ra.

Quốc là nhà Tây Hán và nhà Đường (618 – 907) đều lần lượt dựng đô ở Trường An (nay thuộc thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây), để lại không biết bao nhiêu di tích lịch sử quý giá cho hậu thế. Trong một khoảng thời gian rất dài về sau này, đồng bằng Hoa Bắc luôn là một trong những khu vực có nền kinh tế phát triển mạnh của Trung Quốc, và cũng là trung tâm chính trị của Trung Quốc. Trong 7 kinh đô lớn của Trung Quốc, riêng vùng Hoa Bắc đã có tới 5 kinh đô, đó là Tây An ở Thiểm Tây, Bắc Kinh và thành phố An Dương ở tỉnh Hà Nam, thành phố Lạc Dương và thành phố Khai Phong. Những kinh đô này đều có rất nhiều các di tích lịch sử, trong đó, Tây An là thành phố du lịch nổi tiếng với những di tích lịch sử chỉ sau Bắc Kinh. Hầm mộ tượng binh mã số 1 và số 2 được phát hiện trong khu lăng mộ Tần Thủy Hoàng ở khu vực gần Tây An đã được mở cửa để du khách tham quan sau một thời gian dài khai quật và trùng tu. Tượng binh mã Tần Thủy Hoàng được coi là “Kỳ quan thứ 7 của thế giới”.

Truyền thống văn hóa của Trung Quốc bắt nguồn từ rất xa xưa. Văn hóa Trung Quốc được hình thành bởi hai nguồn quan trọng. Đó là học thuyết Nho gia với nhân vật tiêu biểu là Khổng Tử và học thuyết Đạo gia với nhân vật tiêu biểu là Lão Tử. Khổng Tử (551 – 479 trước Công nguyên) tên thật là Khâu, tự là Trọng Ni, là nhà tư tưởng, nhà chính trị và nhà giáo dục lớn của Trung Quốc vào cuối thời Xuân Thu, là

Thái Sơn, di sản văn hóa thế giới và di sản thiên nhiên thế giới.



người đã sáng lập nên học phái Nho gia. Theo sử sách, Khổng Tử có 3000 đệ tử, trong đó có hơn 70 người đều là những nhân vật nổi tiếng. Nội dung trong học thuyết Nho gia chủ yếu phản ánh qua các tác phẩm kinh điển của Nho gia được Khổng Tử truyền lại cho các đệ tử của mình, rồi các đệ tử lại tiếp tục truyền cho đời sau, đó là "Luận ngữ", "Trung dung", "Đại học" và "Mạnh Tử". Khổng

Tử và người kế thừa chủ yếu nhất là Mạnh Tử chủ yếu sống ở khu vực huyện Trâu, thành phố Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông. Học thuyết Nho gia do họ sáng lập nên cũng được gọi là "Khổng Mạnh chi đạo" (Những đạo lý của Khổng Tử và Mạnh Tử), cùng với quá trình chỉnh lý của các học giả trong lịch sử và sự đề xướng của người thống trị, học thuyết này đã trở thành chủ lưu trong văn hóa truyền thống của Trung Quốc, có tầm ảnh hưởng sâu sắc đối với văn hóa Trung Quốc nói riêng và văn hóa phương Đông nói chung. Vì thế mà Khổng Tử đã được vinh danh là một trong "Mười nhà tư

● Liên kết tư liệu

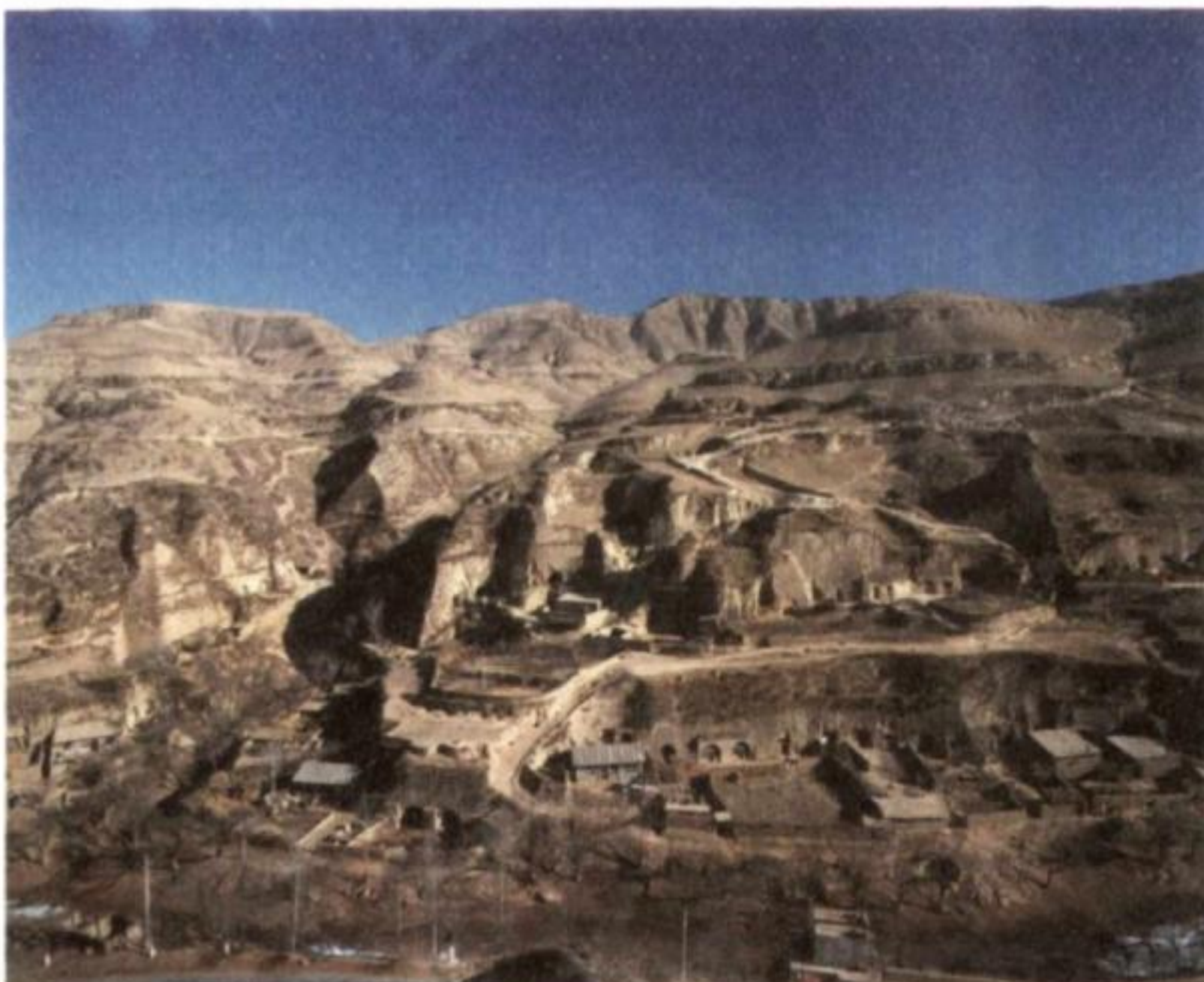
NGŨ NHẠC (Năm ngọn núi lớn)

"Nhạc" tức là ngọn núi cao lớn sừng sững. Trung Quốc cổ đại đã gọi năm ngọn núi cao ở phía đông, nam, tây, bắc và chính giữa của khu vực trung nguyên là "Ngũ nhạc". Năm ngọn núi này là: Đông nhạc Thái Sơn nằm ở thành phố Thái An tỉnh Sơn Đông; Tây nhạc Hoa Sơn, nằm ở thành phố Hoa Âm tỉnh Thiểm Tây; Nam nhạc Hành Sơn, nằm ở thành phố Hành Dương tỉnh Hồ Nam; Bắc nhạc Hằng sơn, nằm ở huyện Hồn Nguyên tỉnh Sơn Tây; Trung nhạc Tung Sơn, nằm ở thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam. "Ngũ nhạc" đã trở thành những danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Trung Quốc, vừa mang nét đẹp của cảnh quan thiên nhiên vừa đậm nét cảnh quan nhân sinh của Phật giáo và Đạo giáo.

tường lớn cổ đại của thế giới". Lão Tử cũng là nhà tư tưởng trong thời kỳ Xuân Thu, là người sáng lập nên học phái Đạo gia. Tương truyền Lão Tử họ Lý, tên Nhiếp, tự là Đam, tên cũ là Lão Đam, ông đã từng là quan sử quản lý kho sách vào đời nhà Chu, về sau ông từ quan về ở ẩn. Những năm đầu, Lão Tử chủ yếu sống và hoạt động trong lĩnh vực học thuật ở Lạc Dương – kinh đô dưới vương triều nhà Chu, tài liệu triết học quan trọng ông để lại cho đời là cuốn "Đạo đức kinh". Khổng Tử và Lão Tử đều là con cháu của vùng đất Hoa Bắc, họ sáng lập và đại diện cho hai học thuyết là Nho giáo và Đạo giáo, có ảnh hưởng đối với văn hóa Trung Hoa suốt hơn 2.000 năm, cho đến nay vẫn có những ý nghĩa hiện thực nhất định.

Tại Khúc Phụ ngày nay vẫn còn bảo tồn Khổng Miếu để thờ bái Khổng Tử, Khổng Lâm – nơi mai táng con cháu nhà họ Khổng và Khổng Phủ đã được trùng tu, ba di tích này được gọi là "Tam Khổng". Khổng Miếu, Khổng Phủ và Khổng Lâm ở Thành Nam huyện Trâu tuy quy mô không lớn bằng "Tam Khổng", nhưng hình dáng và bố cục hoàn toàn giống nhau. Hai chòm di tích lịch sử này được các nhà thống trị trong lịch sử Trung Quốc và những nhà văn hóa vô cùng coi trọng, và được coi là "Khổng Mạnh tang tử chi bang, văn hóa phát tường chi địa" (Quê cha đất tổ của Khổng Tử, Mạnh Tử, là nơi khởi nguồn của văn hóa), trải qua nhiều lần trùng tu, đã để lại nhiều văn hiến lịch sử quý báu.

Cách "Khổng Mạnh chi bang" không xa về phía bắc, một ngọn núi cao ngất – Thái Sơn sừng sững đứng giữa đồng bằng Hoa Bắc. Cổ nhân Trung Quốc nói rằng



Nhà hám – kiến trúc truyền thống trên cao nguyên Hoàng Thổ.

“Đăng Thái Sơn nhi tiểu thiên hạ” (Leo lên Thái Sơn mới thấy thiên hạ thật nhỏ bé). Thái Sơn được Trung Quốc cổ đại gọi là “Ngũ nhạc chi thủ” (Ngọn núi đứng đầu trong 5 ngọn núi), trong đó đỉnh núi chính là đỉnh Ngọc Hàng có độ cao 1.545m so với mực nước biển, sừng sững trên mặt đất, hùng vĩ vô cùng. Đại Miếu dưới chân núi Thái Sơn là một trong những kiến trúc cổ lớn nhất ở Trung Quốc, trong miếu còn lưu giữ không ít bia khắc nổi tiếng trong lịch sử. Hai bên đường lên Thái Sơn, có một số lượng lớn có những chạm khắc đá trên vách núi cheo leo, cũng có một giá trị văn vật vô cùng quan trọng.

Cao nguyên Hoàng Thổ

Nếu nhìn từ mặt địa hình, vùng Hoa Bắc chủ yếu được tạo bởi hai đơn vị địa mạo lớn là đồng bằng Hoa Bắc và cao nguyên Hoàng Thổ.

Cao nguyên Hoàng Thổ và đồng bằng Hoa Bắc, một cái ở phía tây, một cái ở phía đông, ở giữa bị chia cách bởi hàng loạt dãy núi như núi Thái Hành, nằm trong bậc thang thứ hai và bậc thang thứ nhất trong ba bậc thang địa hình của Trung Quốc. Địa hình giữa chúng có một mối quan hệ cộng hợp, những hợp chất như hoàng thổ được tích tụ trên cao nguyên Hoàng Thổ đã cung cấp những nguyên liệu phong phú cho việc hình thành nên đồng bằng Hoa Bắc, những con sông lớn nhỏ như Hoàng Hà chính là “sợi dây” vận chuyển những nguyên liệu này. Có thể nói, nếu không có cao nguyên Hoàng Thổ, sẽ không có đồng bằng Hoa Bắc hiện nay.

Do gió mưa xói mòn nên địa hình của cao nguyên Hoàng Thổ đã hình thành một cảnh quan tự nhiên với địa hình nứt vỡ, trăm ngàn khe rãnh đan xen ngang dọc.



Có thể nói Hoàng Thổ là cao nguyên độc nhất vô nhị trên thế giới, diện tích lớn, ước khoảng 300.000 km². Độ dày của hoàng thổ cũng rất lớn, độ dày lớn nhất có thể lên đến 100 – 200 mét. Đất ở khu vực này nâu vàng, chất đất tơi xốp, qua sự xói mòn của gió mưa suốt thời gian dài, đã hình thành nên hình thái địa mạo độc đáo trên thế giới. Địa mạo hoàng thổ có thể chia thành bình nguyên hoàng thổ, núi hoàng thổ và đồi hoàng thổ. Bình nguyên hoàng thổ là bề mặt nguyên thủy của cao nguyên Hoàng Thổ, trên đó đất đai bằng phẳng, thôn trang chi chít. Hiện nay, trên cao nguyên Hoàng Thổ rất khó tìm thấy các bình nguyên hoàng thổ có diện tích lớn nữa. Núi hoàng thổ nằm giữa hai khe rãnh, qua quá trình gọt xén rồi biến thành những đồi hoàng thổ chia tách khỏi nhau. Vì thế, có người gọi địa mạo hoàng thổ này là “Thế giới được một vị thần điên rồ nhào nặn”. Đối với sự hình thành của hoàng thổ, đến nay vẫn đang được tranh luận. Cách nói khá phổ biến là, những mảng lớn hoàng thổ trên cao nguyên Hoàng Thổ được hình thành bởi các trầm tích của các hạt đất mịn màu vàng được gió tây bắc thổi từ cao nguyên Mông Cổ và hoang mạc Gôbi về. Đương nhiên, thời gian hình thành nên cao nguyên Hoàng Thổ tương đối dài, theo tính toán của các nhà khoa học, ít nhất phải đến mấy chục vạn năm.

Môi trường nguyên sinh của cao nguyên Hoàng Thổ là thảo nguyên rừng, trên cao nguyên cây cối rậm rạp, những nơi tương đối thấp thì sinh trưởng các cánh rừng nhỏ. Trải qua những hoạt động của con người trong mấy ngàn năm, chăn thả, khai hoang..., thảo nguyên nguyên sinh đã bị phá hoại, rừng cũng theo đó mà biến mất, sự xói mòn của gió mưa vô tình đã hình thành nên những khe rãnh lớn nhỏ dày chi chít. Quan sát cao nguyên Hoàng Thổ từ trên máy bay, sẽ thấy từng khe rãnh kênh rạch giống y như những cành cây to nhỏ đan xen khắc trên mặt đất khổng lồ, đúng là một bức tranh kỳ lạ và đặc sắc.

Trong hoàng thổ có chứa nhiều calcium carbonate, những lúc khô ráo bề mặt rất cứng, nhưng chỉ cần gặp một trận mưa thì đất lại trở nên rất mềm, trở thành một bãi bùn đất, trôi theo dòng nước. Đó chính là lí do vì sao mà ở cao nguyên Hoàng Thổ, tình trạng xói mòn đất diễn ra vô cùng nghiêm trọng. Một lượng phù sa sinh ra bởi sự xói mòn đã làm cho Hoàng Hà chảy qua đây trở thành con sông có chứa hàm lượng phù sa nhiều nhất trên thế giới. Bình quân mỗi năm, Hoàng Hà lưu chuyển về phía hạ lưu hơn 1,6 tỷ tấn phù sa.

Trên cao nguyên Hoàng Thổ có không ít con sông nhỏ, ngoài con sông chính là Hoàng Hà, còn có nhiều nhánh sông nhỏ của dòng sông này như: sông Vị, sông Kinh, sông Phần, sông Thúc, sông Diên v.v., những thung lũng được hình thành bởi những dòng sông này như thung lũng sông Phần và thung lũng sông Vị đều có điều kiện thủy lợi rất tốt, trồng nhiều lúa mì, bông, là khu vực đông đúc giàu có nhất trên cao nguyên Hoàng Thổ.



Dòng Hoàng Hà quanh co uốn lượn trên thảo nguyên Nhữc Nhĩ Cái (Ruergai) thuộc tỉnh Tứ Xuyên.

Hoàng Hà

Hoàng Hà là dòng sông lớn thứ hai của Trung Quốc. Nó được bắt nguồn từ thung lũng Ước Cổ Tông Liệt trên sườn bắc của núi Bayan Har thuộc tỉnh Thanh Hải, từ đó chảy về hướng đông và chảy qua 9 tỉnh, thành phố trực thuộc và khu tự trị như Thanh Hải, Tứ Xuyên, Trùng Khánh, Cam Túc, Ninh Hạ, Nội Mông Cổ, Sơn Tây, Thiểm Tây, Hà Nam, Sơn Đông v.v., đổ ra Bột Hải tại huyện Khản Lợi tỉnh Sơn Đông, lưu trình dài 5460km. Sông Hoàng cũng đổ vào nhiều sông nhánh như Niết Thủy, sông Thao, sông Kinh, sông Vị, sông Lạc, sông Phần, sông Y, sông Tầm v.v., diện tích lưu vực rộng 752.400 km². Những nơi sông Hoàng chảy qua đều có đất đai phì nhiêu màu mỡ, có những đồng cỏ nước thiên nhiên vô

cùng tươi tốt, khoáng sản dồi dào, non sông tráng lệ. Lưu vực sông Hoàng và những vùng đất bên sông Hoàng có đến hơn 20 triệu mẫu đất canh tác trồng trọt, dân số là 110 triệu người.

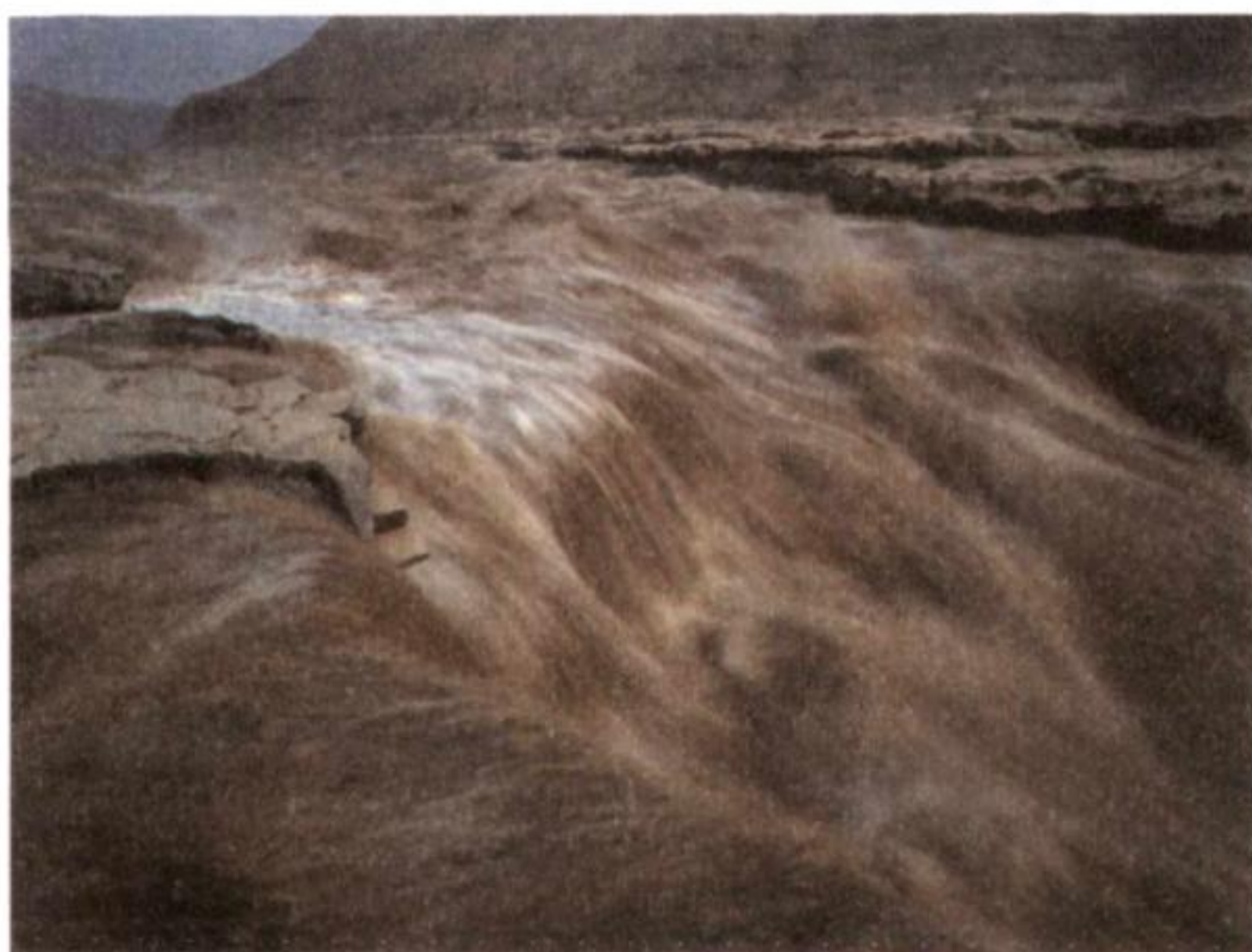
Theo thói quen, Hoàng Hà chia làm ba đoạn là thượng lưu, trung lưu và hạ lưu. Từ đầu nguồn sông đến huyện Togtoh của khu tự trị Nội Mông là thượng lưu, từ Togtoh đến huyện Mạnh Tân của tỉnh Hà Nam là trung lưu, từ huyện Mạnh Tân trở xuống là hạ lưu. Hoàng Hà ở đoạn thượng lưu chảy trên cao nguyên Thanh Tạng, lượng nước ổn định, lượng phù sa trong nước tương đối ít. Trung lưu Hoàng Hà chảy qua cao nguyên Hoàng Thổ, một lượng lớn hoàng thổ bị xói mòn chảy xuống sông Hoàng, trong nước gia tăng nhanh chóng và trở thành một "dòng sông màu vàng" đúng với tên gọi của nó. Hoàng Hà là dòng sông kỳ lạ và đặc biệt nhất trên thế giới, kỳ lạ ở lượng phù sa, trung bình trong mỗi mét khối nước sông, có chứa 37,6kg phù sa.

Sau khi Hoàng Hà đổ vào đồng bằng Hoa Bắc, dòng chảy đột ngột chậm lại, phù sa cuốn theo dòng nước nhanh chóng

đóng lại làm cho lòng sông mỗi lúc một cao lên. Lượng phù sa ngưng tụ lại hết năm này qua năm khác, đã hình thành nên một “dòng sông treo” trên mặt đất hiếm thấy ở khu vực hạ lưu Hoàng Hà. Theo tính toán, hiện nay, trung bình mỗi năm lòng sông Hoàng cao thêm hơn 10 mm. Khi Hoàng Hà bị phù sa ngưng tụ làm cho lòng sông cao hơn hai bên, thì việc Hoàng Hà gây lũ lụt và đảo dòng chảy là điều khó tránh khỏi. Theo ghi chép trong sử sách, trong vòng 2.500 năm nay, Hoàng Hà đã gây ra 1.500 trận lũ, đảo dòng chảy 26 lần, trung bình cứ ba năm lại xảy ra hai lần, phạm vi ảnh hưởng ở miền Bắc đến cả Thiên Tân, ở miền Nam đến cả sông Hoài, có thể nói, nguyên vùng đồng bằng Hoa Bắc, nơi nào cũng có thể tìm thấy dấu tích đảo dòng chảy của sông Hoàng. Lũ lụt trên sông Hoàng và tình trạng đảo dòng chảy của sông Hoàng liên tục được ghi trong sử sách, tình trạng đó đã gây ra biết bao nhiêu thảm họa nghiêm trọng cho người dân sinh sống ở vùng hạ lưu. Sách sử ghi lại rằng “Nước lũ tràn về, nhà cửa trôi dạt khắp nơi”, “Đất không nhà trống, đói rách trăm bề” đều là những ghi chép chân thực nhất về những thảm họa do Hoàng Hà gây nên. Vì thế, Hoàng Hà còn được mệnh danh là “Nỗi lo của Trung Quốc”.

Thế nhưng, Hoàng Hà lại là một dòng sông vĩ đại, nước sông Hoàng cuốn cuộn đã nuôi lớn cháu con Hoàng Hà, tạo nên một trong những nền văn minh cổ xưa nhất thế giới – Văn minh Hoàng Hà. Văn hóa Hoàng Hà mấy nghìn năm nay vẫn còn được tiếp nối đời đời, những điều ấy có một mối quan hệ mật thiết với dòng sông này.

Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, Hoàng Hà bước vào một giai đoạn lịch sử mới. Sự ổn định của đất nước và sự phát triển kinh tế, đã tạo nên



Thác nước Hó Khẩu nằm ở đoạn trung lưu của Hoàng Hà, nước sông màu vàng cuốn cuộn đổ xuống thác dốc 30 m, giống hệt cảnh nước trong một chiếc hồ lô vĩ đại đổ ra ngoài, hình thành một thác nước rất trắng lè.

những điều kiện quan trọng cho việc trị thủy Hoàng Hà và ngăn chặn lũ lụt trên sông Hoàng. Chính phủ Trung Quốc đã đầu tư rất nhiều để gia cố và nâng cao mấy nghìn mét đê hai bên bờ Hoàng Hà, khoanh vùng những khu vực thấp trũng thường xuyên bị lũ lụt. Ở vùng trung lưu, việc kiên trì công tác bảo tồn đất và nước trong suốt thời gian dài đã gặt hái được những hiệu quả rõ rệt. Ở những nơi có điều kiện thuộc vùng trung và thượng lưu Hoàng Hà, Trung Quốc cho xây dựng hàng loạt các công trình thủy điện, có tác dụng vô cùng quan trọng trong việc ngăn lũ và điều tiết dòng nước đối với vùng hạ lưu, còn phát huy cả hiệu quả mang tính tổng hợp, đó là phát điện và cung cấp nước. Hơn 50 năm dựng nước cho tới nay, tuy Hoàng Hà đã trải qua rất nhiều trận lũ lớn, nhưng vẫn chưa hề có trận lũ nào xảy ra do tình trạng vỡ đê khiến sông đảo dòng chảy, đó chính là một minh chứng rõ ràng nhất.

Việc khai thác thủy lực trên sông Hoàng được cả thế giới biết đến. Tổng chiều dài của đoạn trung lưu và thượng lưu là 4.600 km, tài nguyên thủy điện phong phú. Đặc biệt là ở vùng phía trên đoạn Thanh Đồng Hiệp ở khu tự trị dân tộc Hồi – Ninh Hạ, trong đoạn sông 1.000 km bắt đầu từ nơi này kéo dài đến Long Dương Hiệp thuộc tỉnh Thanh Hải, lượng nước chiếm trên 1/3 lượng nước hàng năm của Hoàng Hà, tỷ lệ chênh lệch lên đến hơn 1.300 m, nguồn tài nguyên nước là 13 triệu KW, chiếm hơn một nửa tổng tài nguyên nước của Hoàng Hà, là nơi lý tưởng để tiến hành các bước khai thác tài nguyên nước.

Trong đoạn sông Hoàng dài 335 km bắt đầu từ thành phố Lan Châu tỉnh Cam Túc cho đến Long Dương Hiệp, nguồn thủy lực lại càng tập trung nhiều hơn. Hai trạm thủy điện là Long Dương Hiệp và Lưu Gia Hiệp có đập cao hơn 100m, hai bể trữ nước này có thể chứa lượng nước lên đến 26,8 tỷ m³ và 5,7 tỷ m³ nước. Ngoài ra, trên đoạn sông này còn có những trạm thủy điện như Bát Bàn Hiệp, Diêm Oa Hiệp v.v., công suất lên đến 3,1 triệu KW.

Đoạn phía dưới của Hoàng Hà bắt đầu từ thành phố Lan Châu tỉnh Cam Túc được xây dựng nhiều công trình thủy lợi đầu mối với quy mô lớn như: Thanh Đồng Hiệp, Tam Thịnh Công, Thiên Kiều, Tam Môn Hiệp v.v., trong đó công trình thủy lợi đầu mối Tam Môn Hiệp nằm cạnh thành phố Tam Môn Hiệp thuộc tỉnh Hà Nam, đó là công trình thủy lợi đầu tiên của Trung Quốc được xây dựng trên dòng Hoàng Hà vào năm 1957. Mục đích chủ yếu của việc xây dựng công trình thủy lợi Tam Môn Hiệp là để kiểm soát lũ lụt ở vùng thượng lưu và trung lưu sông Hoàng, để xóa bỏ những thảm họa đối với vùng hạ lưu. Do việc tính toán đối với vấn đề trầm tích trong lòng sông Hoàng chưa được xác đáng, nên sau khi xây dựng, bể nước bị trầm tích ngưng tụ rất nghiêm trọng, nên buộc phải tiến hành sửa chữa nhiều lần, đầu mối thủy lợi Tam Môn Hiệp sau khi được cải tạo vừa có thể phát điện, vừa có thể lọc thải trầm tích, từ đó đảm bảo bể chứa nước Tam Môn Hiệp có thể sử dụng trong thời gian dài.

Sự thành công trong việc cải tạo công trình Tam Môn Hiệp, đã mang lại những kinh nghiệm quý báu cho việc xây dựng những công trình thủy lợi ở khu vực lòng sông có tỷ lệ trầm tích ngưng tụ cao.

Để tiếp tục việc trị thủy trên Hoàng Hà, một bể chứa nước với quy mô có thể chứa trên 5 tỷ m³ nước đã được chính thức bắt tay xây dựng vào năm 1994 tại Tiểu Lang Đê thuộc tỉnh Hà Nam, ngay đoạn Hoàng Hà đổ vào đồng bằng Hoa Bắc, hiện nay công trình đã hoàn thành và đã đi vào sử dụng. Sau khi bể chứa nước Tiểu Lang Đê được xây dựng và cùng sử dụng liên kết với bể chứa Tam Môn Hiệp đã khiến cho khả năng chặn lũ đối với vùng hạ lưu Hoàng Hà từ tiêu chuẩn 60 năm mới bị lũ một lần đã nâng lên tiêu chuẩn 1.000 năm mới bị lũ một lần, để nâng cao thời gian hiệu quả đối với việc trị thủy Hoàng Hà, và để tạo ra những điều kiện thuận lợi hơn cho việc bảo tồn đất và nước trên cao nguyên Hoàng Thổ.

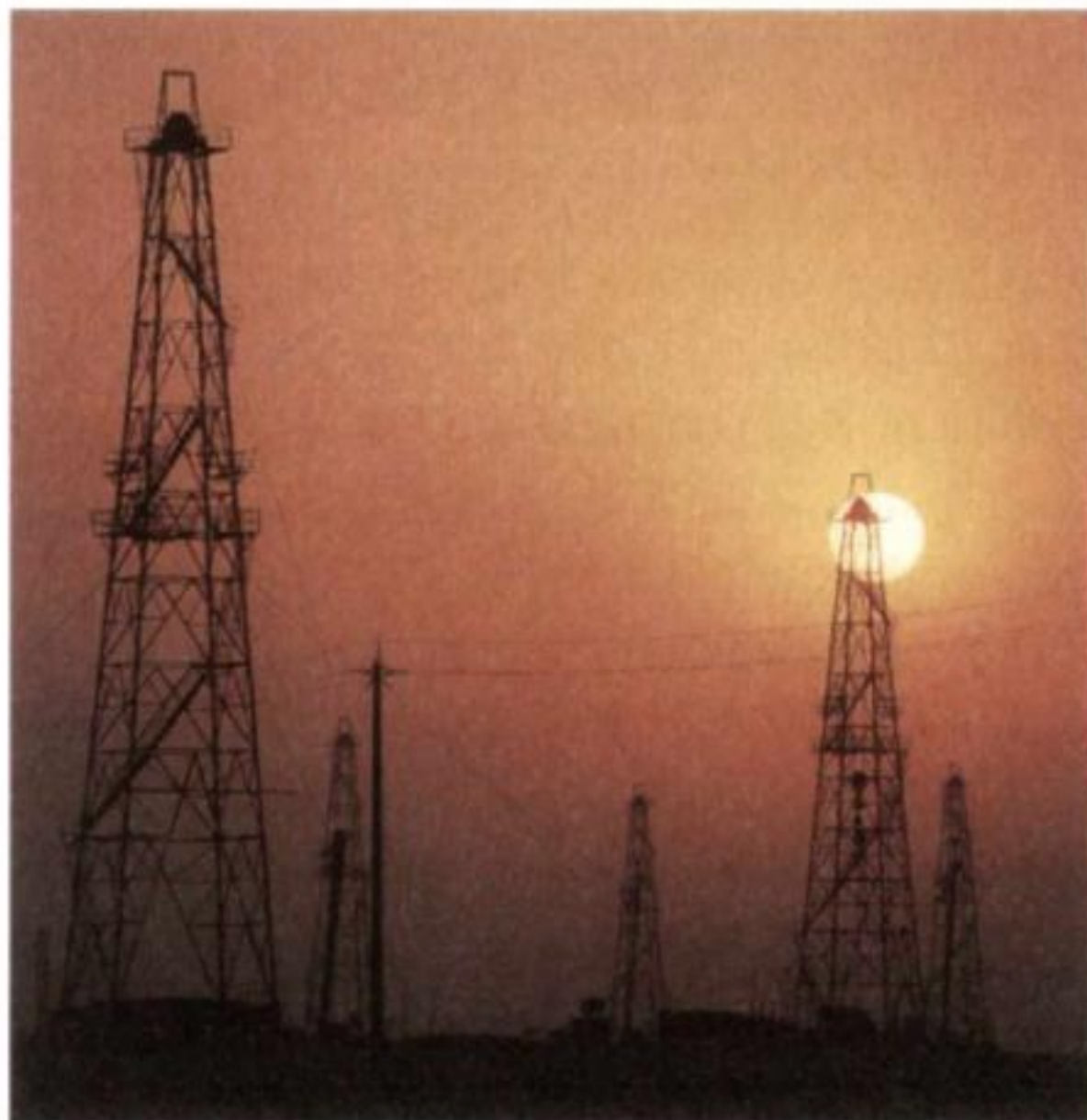
Khu vực giàu năng lượng nhất của Trung Quốc

Vùng Hoa Bắc là khu vực giàu năng lượng nhất của Trung Quốc. Than đá, dầu mỏ, khí thiên nhiên v.v. rất đầy đủ và trữ lượng phong phú. Cao nguyên Hoàng Thổ ngập tràn than đá. Hầu như tất cả các huyện phần trên địa bàn tỉnh Sơn Tây đều có than đá, than đá ở tỉnh Thiểm Tây cũng vô cùng dồi dào, khu vực này cùng với mỏ than Chuẩn Cát Nhĩ và Đông Thắng ở Nội Mông Cổ nổi thành một dải, là khu vực quan trọng của năng lượng ở Trung Quốc trong thế kỷ XXI.

Tỉnh Sơn Tây còn có tên gọi là “Quê hương than đá”, diện tích có chứa than đá trong địa tầng của toàn tỉnh lên đến 60.000 km², chiếm 1/3 diện tích toàn tỉnh. Than đá tập trung chủ yếu ở 6 mỏ than lớn là Đại Đồng, Ninh Vũ, Tây Sơn, huyện Hoắc,



Mỏ than lộ thiên Bình Sóc An Thái Bảo nằm trong địa phận thành phố Sóc Châu, tỉnh Sơn Tây.



Mỏ dầu Thắng Lợi
nằm ở tỉnh Sơn
Đông.

Phấn Thủy, Hà Đông v.v., trữ lượng than đã được phát hiện lên đến hơn 200 tỷ tấn, chiếm 1/3 trữ lượng than toàn quốc. Đặc điểm của các mỏ than ở Sơn Tây là có rất nhiều chủng loại, chất lượng tốt. Than đá Sơn Tây còn có thêm đặc điểm là ít tro, lượng lưu huỳnh, lượng phốt pho đều thấp và nhiệt lượng tỏa cao. Ngoài ra, cấu tạo địa chất của mỏ than đơn giản, các tầng than ổn định, nằm khá nông dưới mặt đất nên dễ dàng khai thác. Qua nhiều năm xây dựng, tỉnh Sơn Tây đã trở thành nơi cung cấp than đá lớn nhất của Trung Quốc. Mỏ quặng than Đại Đồng ở phía bắc tỉnh Sơn Tây chủ yếu là các loại than đốt, hỏa lực của than rất lớn, thành phần tro bụi ít, tạp chất không nhiều, vì thế mà nổi tiếng khắp trong và ngoài nước. Mỏ quặng than Dương Tuyền ở phía đông tỉnh Sơn Tây chủ yếu sản xuất các loại than antraxit cứng (than gầy, than không khói) chất lượng hảo hạng, là mỏ than antraxit cứng lớn nhất trên cả nước. Than ở tỉnh Sơn Tây không những được vận chuyển đến mọi nơi trên cả nước, mà còn được xuất khẩu với số lượng lớn.

Than đá ở tỉnh Thiểm Tây chủ yếu được sản xuất ở khu vực Thanh Đồng. Trong vòng 10 – 20 năm nay, Trung Quốc đã phát hiện ra những mỏ than và mỏ khí thiên nhiên lớn hơn rất nhiều ở phía bắc tỉnh Thiểm Tây, tức là mỏ than Thần (Thần Mộc) Phủ (Phủ Cốc) và mỏ khí thiên nhiên Diên An, trong đó trữ lượng than đá lớn hơn nhiều so với tổng trữ lượng than đá đã được phát hiện ở Thiểm Tây. Nếu tính cả mỏ than ở khu tự trị Nội Mông, thì đây là mỏ than lớn có đẳng cấp quốc tế. Việc khai thác mỏ than Thần Phủ sẽ phát huy vai trò mẫu chốt nhất trong việc cung ứng năng lượng của Trung Quốc vào thế kỷ XXI.

Để vận chuyển than đá từ tỉnh Sơn Tây, những năm gần đây, nhà nước ra sức phát triển giao thông đường bộ và đường sắt qua lại với tỉnh này. Ngoài tuyến đường sắt vốn có là hai tuyến Kinh Bao (thành phố Bắc Kinh – thành phố Bao Đầu – khu tự trị Nội Mông) và Thái Thạch (thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây – thành phố Thạch Gia Trang tỉnh Hà Bắc), trong 30 năm nay, nhà nước tiếp tục xây dựng các trục đường chính như Kinh Nguyên (thành phố Bắc Kinh – thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây), Thái Tiêu (thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây – thành phố Tiêu Tác tỉnh Hà Nam) v.v., trong đó tuyến đường sắt điện khí hóa hạng nặng từ Đại Đồng đến Tấn Hoàng Đảo, khả năng vận chuyển mỗi năm đến đến 100 triệu tấn. Sau khi cảng than Tấn Hoàng Đảo hiện đại hóa được xây dựng xong, đã cùng phối hợp với tuyến đường sắt Đại Hoàng (thành phố Đại Đồng tỉnh Sơn Tây – thành phố Tấn Hoàng Đảo tỉnh Hà Bắc) để vận chuyển than đá. Than đá được chất lên tàu thuyền ở Tấn Hoàng Đảo, rồi vận chuyển đến các tỉnh thành thuộc vùng duyên hải phía nam, còn có một phần vận chuyển ra nước ngoài. Song song với việc đó, khu vực sản xuất than đá cũng xây dựng hàng loạt các “trạm điện cửa hầm”, dùng các đường dây tải điện cao áp để đưa điện đến những khu vực cần sử dụng ở Bắc Kinh và Thiên Tân.

Đồng bằng Hoa Bắc không chỉ có nguồn than đá dồi dào, mà trữ lượng dầu mỏ cũng rất phong phú. Mỏ dầu Thắng Lợi nằm ở tỉnh Sơn Đông, mỏ dầu Đông Bộc nằm giữa nơi giáp ranh hai tỉnh Sơn Đông và Hà Bắc cũng như mỏ dầu Nhậm Khâu nằm ở miền trung tỉnh Hà Bắc đều là những mỏ dầu trọng điểm của nhà nước.

Khu kinh tế Kinh Tân Đường và xung quanh Bột Hải

Khu kinh tế Kinh Tân Đường bao gồm thành phố Bắc Kinh, thành phố Thiên Tân và các thành phố tiếp giáp thuộc tỉnh Hà Bắc như Đường Sơn, Lang Phường, Tấn Hoàng Đảo v.v., là khu kinh tế lớn nhất, phát triển nhất của vùng Hoa Bắc.



Từ Cấm Thành Bắc Kinh, nơi lưu giữ một phong cách lịch sử.

Bắc Kinh là thủ đô của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, là trung tâm chính trị và văn hóa của Trung Quốc, cũng là thành phố văn hóa cổ xưa nổi tiếng của phương Đông. Bắc Kinh nằm ở phía bắc đồng bằng Hoa Bắc, cách Bột Hải 150 km về phía đông nam, diện tích toàn thành là 16.800 km², dân số có 12,59 triệu người.

Bắc Kinh có lịch sử lâu đời, nếu tính từ khi thành phố bắt đầu được xây dựng thì đến nay đã có hơn 3.000 năm lịch sử. Từ trong lịch sử, Bắc Kinh luôn là thành phố phía bắc quan trọng của Trung Quốc. Vào thời kỳ Bắc Tống (960 – 1127) và nhà Liêu (907 – 1125) cùng trị vì, Bắc Kinh đã một bước trở thành kinh đô phụ của vương triều nhà Liêu. Những triều đại sau như Kim, Nguyên, Minh, Thanh, Bắc Kinh đều là trung tâm chính trị của Trung Quốc. Năm 1949, Bắc Kinh được xác định là thủ đô của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Bắc Kinh có một phong cách mang đậm nét của phương Đông cổ xưa. Trong thành phố có trục tuyến từ Bắc đến Nam, Cố Cung (tức Tử Cấm Thành) – hoàng cung của vương triều Mãn Thanh nằm ngay trung tâm thành phố. Trục tuyến giữa nối dài từ nam đến bắc bắt đầu từ cổng trước và cổng sau của Cố Cung, xuyên qua điện sảnh lớn trước và sau, ngôi báu của hoàng đế ở chính điện Thái Hòa nằm ngay trên trục tuyến này. Hai bên bao lấy trục tuyến giữa được xây dựng một quần thể kiến trúc một cách có kế hoạch. Các con đường lớn nhỏ trong thành phố hầu như đều chạy ngang dọc theo hướng nam bắc, đông tây, hình thành nên một mạng lưới giao thông thành phố hình bàn cờ. Bố cục kiến trúc lấy vương quyền làm trung tâm như thế này rất ít thấy ở những nơi khác trên thế giới. Là một cổ đô, đến nay Bắc Kinh vẫn bảo tồn một lượng lớn kiến trúc cổ đại và các loại cổ vật lịch sử. Cố Cung vào thời kỳ nhà Thanh là một trong những cung điện có quy mô sầm uất nhất, hoa lệ nhất trên thế giới, đến nay vẫn được bảo tồn nguyên vẹn, và được đặt thành Viện Triển lãm Cố Cung. Thiên An Môn ở cổng trước Cố Cung là biểu tượng của Bắc Kinh. Phía trước Thiên An Môn là Quảng trường Thiên An Môn bằng phẳng, rộng rãi, giữa quảng trường là bia kỷ niệm anh hùng nhân dân cao vút và nhà kỷ niệm Chủ tịch Mao Trạch Đông. Hai bên Cố Cung là công viên Trung Sơn và Cung văn hóa Lao động Nhân dân, phía sau là công viên Cảnh Sơn và công viên Bắc Hải, tất cả đã tạo nên một quần thể kiến trúc vô cùng hoàn chỉnh. Bước vào Cố Cung, có thể cảm nhận được hương vị của nghệ thuật kiến trúc cổ đại Trung Quốc, ôn lại lịch sử Trung Quốc. Di Hòa Viên – hoa viên hoàng gia lớn nhất của Trung Quốc nằm ở phía tây ngoại ô Bắc Kinh, gần đó còn có di tích Viên Minh Viên, cũng là nơi mà các du khách thường ghé qua.

Bắc Kinh có một truyền thống văn hóa lâu đời và dày cội. Thành phố cổ xưa này là nơi nuôi dưỡng âm điệu Bắc Kinh, rồi từ cơ sở của âm điệu Bắc Kinh hình thành nên ngôn ngữ chuẩn – tiếng phổ thông. Nơi đây còn có dòng hý kịch nổi tiếng nhất Trung Quốc – Kinh kịch. Món ăn truyền thống của Bắc Kinh vừa có đặc điểm của món



Minh Trường Thành, tổng chiều dài là 6.300 km, uốn lượn qua những dãy núi cao ngút ngàn và thảo nguyên bao la ở miền Bắc Trung Quốc.

ăn trung nguyên, lại vừa đậm nét thói quen ẩm thực của các dân tộc Mãn, Mông Cổ, nên đã tạo thành các món ăn nổi tiếng gần xa như vịt quay, thịt dê nhúng v.v.. Tứ hợp viện (nhà truyền thống) của Bắc Kinh được thiết kế rất hợp lý, kiến trúc độc đáo, các ngõ hẻm lớn nhỏ đều tràn ngập tình người. Nghề thủ công ở Bắc Kinh có kỹ nghệ tinh tế, các sản phẩm truyền thống như Cảnh Thái Lam, điêu khắc ngọc, thảm nền v.v. đều là những sản phẩm nổi tiếng trên thị trường quốc tế. Tất cả những sản phẩm truyền thống này đều được du khách trong và ngoài nước đón nhận hết sức nồng nhiệt.

Sự nghiệp văn hóa khoa học hiện đại của Bắc Kinh cũng vô cùng phát triển. Đây là trung tâm văn hóa khoa học lớn nhất của Trung Quốc. Nơi đây có thư viện lớn nhất cả nước – Thư viện Quốc gia, có những thiết bị thể thao quy mô lớn nhất cả nước, có bệnh viện hàng đầu quốc gia. Nơi đây là trung tâm xuất bản truyền thông của nhà nước, cũng là nơi đóng trụ sở của mấy chục tập đoàn nghệ thuật cấp quốc gia, 120 nhà triển lãm còn khiến cho Bắc Kinh được đặt thêm một cái tên mỹ miều là “Thành phố của những nhà triển lãm”. Gần một trăm trường đại học lớn nhỏ tập trung ở Bắc Kinh. Những trường đại học ai cũng biết đến như Đại học Bắc Kinh, Đại học Thanh Hoa v.v. không chỉ bồi dưỡng cho quốc gia lớp lớp nhân tài, mà còn thu hút biết bao nhiêu sinh viên đến từ các nước trên thế giới. Viện Khoa học Trung Quốc và Viện Khoa học Xã hội – cơ quan nghiên cứu khoa học lớn nhất trên cả nước đều có trụ sở chính tại Bắc Kinh, và hơn một trăm đơn vị nghiên cứu trực thuộc cũng đều được đặt ở Bắc Kinh. Trung Quan Thôn là nơi tập trung đông đúc nhất những nhân tài và khoa học kỹ thuật, Đại học Bắc Kinh, Đại học Thanh Hoa và các sở nghiên cứu thuộc Viện Khoa học Quốc gia đều có mặt ở đây. Từ thập niên 80 của thế kỷ XX trở lại, các ngành sản xuất kỹ thuật cao phát triển như vũ bão, và được gọi là “Thung lũng Silicon của Trung Quốc”.

● Liên kết tư liệu

ĐƯỜNG ĐI BỘ VƯƠNG PHỦ

Đường đi bộ Vương Phủ Tỉnh là khu thương mại nổi tiếng có lịch sử lâu đời từ mấy trăm năm nay, nằm ở phía bắc đường Đông Trường An của trung tâm thành phố Bắc Kinh. Vào thời nhà Thanh, trên con đường này có tất cả 8 tòa vương phủ và phủ công chúa, sau này lại đào thêm một giếng nước ngọt để vương phủ sử dụng, vì thế mới có tên gọi là "Vương Phủ Tỉnh". Vào cuối đời nhà Thanh, đường Vương Phủ Tỉnh xuất hiện Đông An plaza, dần dần trở thành một trong bốn khu thương mại lớn của Bắc Kinh. Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, chính phủ đã chọn con đường này là khu thương mại trọng điểm. Những địa điểm buôn bán nổi tiếng cả nước cũng như những cửa hàng cổ xưa như bách hóa Đại Lầu, nhà sách Ngoại Văn, cao ốc Đơn Diệu, tòa nhà Công Mỹ, cửa hàng bách hóa Vương Phủ dành cho phụ nữ, tòa nhà Islam, Tân Đông An plaza và Thịnh Tích Phúc, Đồng Thăng Hòa, Đồng Lai Thuận, Toàn Tự Đức, salon Tứ Liên, nhà thuốc Bách Thảo v.v. đều tập trung trên tuyến đường thương mại hiện đại hóa dài 810 m này.

Bắc Kinh có một nền tảng công nghiệp tương đối hùng hậu. Nơi đây có nhiều ngành công nghiệp như gang thép, than đá, cơ giới, lọc hóa dầu, điện tử, dệt may v.v.. Từ thập niên 90 của thế kỷ XX trở lại đây, những ngành công nghiệp truyền thống như gang thép, lọc hóa dầu và dệt may v.v. đang phát triển theo hướng công nghệ chuyên sâu, còn các ngành công nghệ cao tiên tiến phù hợp với đặc điểm của thủ đô như điện tử thông tin, điện quang tích hợp, công trình sinh học và y dược mới, nguyên liệu mới (nguyên liệu mới) v.v. đều đã trở thành trọng điểm phát triển của công nghiệp hiện đại ở Bắc Kinh.

Là thủ đô của Trung Quốc, Bắc Kinh có mạng lưới giao thông rất phát triển. Đây là đầu mối giao thông đường sắt, đường bộ và đường thủy của cả nước, có nhiều tuyến đường sắt và đường bộ chủ chốt nối liền với các nơi trên cả nước. Việc thông xe trên tuyến đường cao tốc Bắc Kinh đến cảng mới Đường Cô ở Thiên Tân giúp cho việc liên hệ giữa Bắc Kinh đến vùng biển ở các nơi khác càng trở nên tiện lợi hơn. Sân bay thủ đô nằm ở phía đông ngoại ô Bắc Kinh đã phát triển thành cảng hàng không lớn nhất Trung Quốc, có nhiều đường bay đến các thành phố lớn trong và ngoài nước.

Cùng với sự phát triển không ngừng của công cuộc cải cách mở cửa, diện mạo của Bắc Kinh cũng đổi mới mỗi ngày. Các cơ sở hạ tầng trong thành phố như đường sá, tín hiệu v.v. đều gặt hái được những thành quả lớn. Đường vành đai 1 đến đường vành đai 5 của Bắc Kinh đã xây dựng nên một mạng lưới giao thông vòng tròn đan xen lập thể, các tuyến đường chủ đạo trong địa bàn thành phố được xây dựng ngày một hoàn thiện hơn. Thông tin kỹ thuật cũng đang bước theo hướng quốc tế hóa, điều này đã lôi kéo được khát vọng đầu tư lớn vào lĩnh vực điện tín cũng như những nhà đầu tư mạo hiểm quốc tế. Từ khi tổ chức Thế vận hội thành công rực rỡ vào năm 2008 đến nay, các công trình kiến trúc hiện đại hóa của Bắc Kinh ngày càng nhiều

hơn, công viên, bãi cỏ và các vùng đất xanh cũng nhiều lên rõ rệt, có người còn nói rằng, Bắc Kinh đã “cao lớn hơn”, “xinh đẹp hơn”.

Những ban ngành chức năng của Bắc Kinh đã đề ra quy hoạch phát triển lâu dài của Bắc Kinh vào thế kỷ XXI, có thể tin rằng, không bao lâu nữa Bắc Kinh sẽ trở nên tươi đẹp hơn.

Thiên Tân nằm ở ngay đoạn hợp lưu của 5 sông nhánh lớn thuộc sông Hải (sông Vĩnh Định, sông Đại Thanh, sông Tử Nha, sông Nam Vận, sông Bắc Vận), trong lịch sử, nơi đây luôn là trung tâm kinh tế ở phía bắc Trung Quốc và thành phố cảng quốc tế. Thiên Tân là một trong bốn thành phố lớn trực thuộc trung ương, là thành phố công nghiệp và thương nghiệp nổi tiếng, cũng là cảng thương mại lớn nhất ở miền Bắc. Dân số của Thiên Tân gần 10 triệu người. Thiên Tân có một cơ sở công nghiệp hùng hậu, gang thép, máy móc, lọc hóa dầu, điện tử, dệt may, thực phẩm, chế tạo giấy, cao su v.v., trong đó ngành lọc hóa dầu trên biển và ngành dệt may mang nhiều nét đặc sắc nhất.

Cảng Thiên Tân có lịch sử lâu đời, là cánh cửa mở ra biển của Bắc Kinh nói riêng và của cả vùng Hoa Bắc nói chung. Lưu vực của cảng Thiên Tân rất rộng, thiết bị hoàn thiện, có khả năng lưu thông lượng hàng hóa lên đến mức trên 200 triệu tấn, thông lượng container cũng lên đến khoảng 5 triệu công tiêu chuẩn, chủ yếu chịu trách nhiệm xuất nhập khẩu đường biển đối với hàng hóa ở hai thành phố lớn là Bắc Kinh, Thiên Tân và các tỉnh thành phố khác ở khu vực Hoa Bắc, Tây Bắc.

Khu vực phát triển kinh tế bờ biển Thiên Tân nằm cách thành phố Thiên Tân 40 km về phía đông, phía đông giáp với Bột Hải, khi xưa vốn là một bãi muối kiếm bỏ hoang. Kể từ khi bắt đầu xây dựng thành khu kinh tế mở vào năm 1995 đến nay, tốc độ phát triển của khu vực này trở nên vô cùng nhanh chóng, các công ty lớn nổi tiếng ở khắp thế giới nườm nượp kéo đến khai thác và đã hình thành nên bốn ngành



Thiên Tân là một trong bốn thành phố lớn trực thuộc trung ương, là thành phố công nghiệp và thương nghiệp nổi tiếng, cũng là cảng thương mại lớn nhất ở miền Bắc.

chủ chốt lớn nhất là thông tin điện tử, thực phẩm, máy móc cơ giới và y dược sinh học, hiện nay đã trở thành một trong những khu kinh tế mở mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất ở Trung Quốc. Rất nhiều chỉ tiêu kinh tế đều đứng đầu trên cả nước.

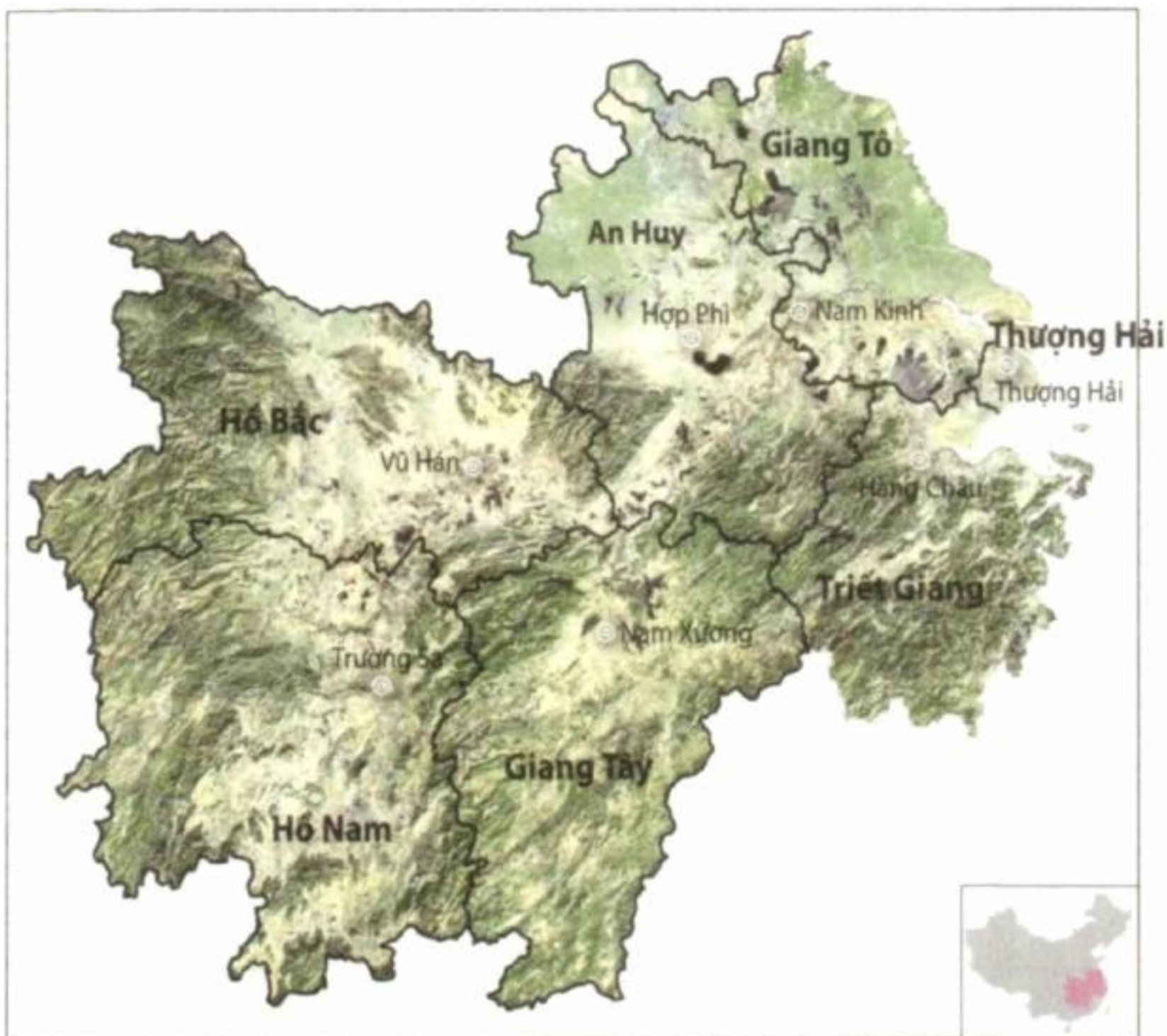
Khoảng cách giữa Bắc Kinh và Thiên Tân khoảng 120 km, có đường sắt và đường cao tốc nối liền, giao thông vô cùng thuận tiện, mối quan hệ kinh tế qua lại giữa hai nơi rất mật thiết. Thành phố Lang Phường của tỉnh Hà Bắc nằm giữa Bắc Kinh và Thiên Tân, cùng với thành phố Đường Sơn cũng như thành phố Tấn Hoàng Đảo của tỉnh Hà Bắc nằm ở phía đông bắc Bắc Kinh và Thiên Tân cũng có một mối liên hệ chằng chịt và mật thiết đối với hai thành phố này, từ đó đã hình thành nên một nền kinh tế có cơ cấu hoàn chỉnh, hỗ trợ với nhau rất tốt giữa các thành phố. Đường Sơn là nơi sản xuất than đá, trong đó than quặng Khai Loan là một trong những loại than lâu đời nhất trong lịch sử Trung Quốc. Trên cơ sở công nghiệp khai thác than, công nghiệp gang thép, máy móc cơ khí và đồ gốm sứ cũng phát triển nhanh. Tấn Hoàng Đảo là thành phố cảng xuất khẩu than lớn nhất cả nước, là trạm cuối của tuyến đường sắt Đại Tấn (thành phố Đại Đồng tỉnh Sơn Tây – thành phố Tấn Hoàng Đảo tỉnh Hà Bắc) chuyên vận chuyển than đá, lượng than đá vận chuyển trung bình mỗi năm lên đến 100 triệu tấn. Mỏ dầu Nam Bảo mới được phát hiện nằm trong địa phận thành phố Đường Sơn, nó sẽ mang lại đỉnh cao trong sự tăng trưởng của trữ lượng dầu lần thứ 5 trong lịch sử cả nước, có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đảm bảo cung ứng dầu khí cho quốc gia.

Những năm gần đây, với nền tảng kinh tế của Bắc Kinh, Thiên Tân, Đường Sơn, giới kinh tế Trung Quốc lại mới đưa ra khái niệm "khu vực kinh tế xung quanh Bột Hải", tức ngoài các thành phố Bắc Kinh, Thiên Tân, Đường Sơn, còn xếp vào khu vực này cả bán đảo Liêu Đông ở phía đông bắc Bột Hải và bán đảo Sơn Đông ở phía nam Bột Hải. Đồng thời, ở phía ngoài có thể kéo đến cả các tỉnh và khu vực như Sơn Tây và Nội Mông Cổ. Sau khi kinh tế ở các khu vực tam giác Trường Giang và tam giác Châu Giang phát triển mạnh mẽ, khu vực kinh tế xung quanh Bột Hải cũng đang trỗi dậy nhanh chóng. Có thể hoàn toàn hy vọng rằng, trong mười năm tới, nơi này sẽ trở thành một khu kinh tế nổi trội có tầm ảnh hưởng lớn đối với khu vực duyên hải miền Đông Trung Quốc cũng như khu vực Đông Bắc Á.

Thực lực kinh tế của khu kinh tế xung quanh Bột Hải rất hùng hậu, là cơ sở các ngành chế tạo lớn nhất ở duyên hải phía bắc Trung Quốc, quy mô chỉ nhỏ hơn một chút so với "Tam giác Trường Giang" và "Tam giác Châu Giang". Khu vực xung quanh Bột Hải sở hữu một nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và nguồn tài nguyên nhân lực mà hai khu kinh tế kể trên khó bề so sánh được. Các loại sản phẩm mang tính phụ thuộc vào nguồn tài nguyên như gang thép, dầu thô, muối thô v.v. có ưu thế rõ rệt, đồng thời các ngành công nghiệp kỹ thuật cao như thông tin điện tử, chế dược sinh học và nguyên liệu mới v.v. cũng phát triển mạnh mẽ.

VÙNG HẠ LƯU, TRUNG LƯU TRƯỜNG GIANG

Sáu tỉnh Giang Tô, Triết Giang, An Huy, Giang Tây, Hồ Nam, Hồ Bắc và thành phố Thượng Hải có phạm vi địa lý về cơ bản tương đương khu vực trung lưu, hạ lưu Trường Giang. Về cảnh quan thiên nhiên, tình hình sử dụng đất cũng như thói quen cách sống của người dân lại hoàn toàn khác biệt với khu vực Đông Bắc và Hoa Bắc.



Vùng đất của sông nước

Ở nửa phía đông của Trung Quốc, có một giới tuyến địa lý vô cùng rõ nét có tên gọi là "Tuyến núi Tần – sông Hoài". Phía nam của giới tuyến này, lượng mưa hàng năm vượt trên 800 mm, nhiệt độ cũng cao hơn một chút so với miền Bắc, vào mùa đông, các dòng sông không đóng băng. Khi đi về phía nam trên chuyến xe lửa từ Bắc Kinh đến Thượng Hải, bạn sẽ phát hiện thấy rằng, sau khi đoàn tàu chạy qua khỏi sông Hoài, các ruộng nước cứ thế nhiều lên, nơi nào cũng là các dòng kênh và hồ nước rộng lớn, đúng một phong cảnh sông nước mênh mông. Năm hồ nước ngọt lớn nhất của Trung Quốc: hồ Phàn Dương, hồ Động Đình, hồ Thái Hồ, hồ Hồng Trạch và hồ Sào đều phân bố ở khu vực này.

● Liên kết tư liệu

TUYẾN NÚI TẤN – SÔNG HOÀI

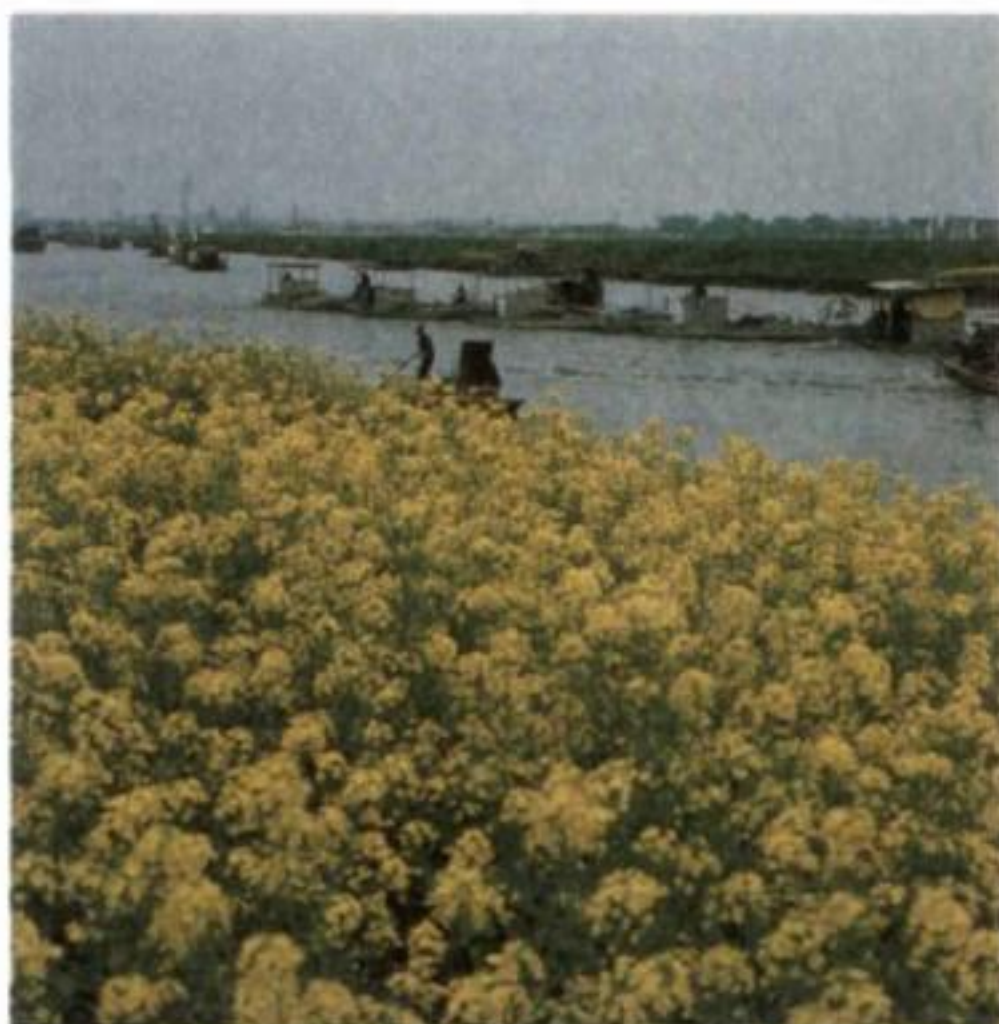
Tuyến núi Tấn – sông Hoài là một giới tuyến quan trọng của địa lý Trung Quốc. Hai bên nam bắc của giới tuyến này có sự khác biệt rõ rệt về điều kiện thủy nhiệt, phân bố sản phẩm nông nghiệp và chế độ canh tác trồng trọt. Vì vậy, tuyến Tấn Hoài không chỉ là giới tuyến vùng tự nhiên quan trọng, mà còn là một giới tuyến vùng nông nghiệp quan trọng.

Theo thói quen của người Trung Quốc, phía bắc của núi Tấn – sông Hoài là miền bắc Trung Quốc; phía nam của núi Tấn – sông Hoài là miền Nam Trung Quốc. Miền Bắc và miền Nam có nhiều khác biệt lớn: khí hậu của miền Nam tương đối cao, lượng mưa cũng tương đối nhiều; miền Bắc thì hoàn toàn ngược lại. Nền tảng của miền Nam là sông nước; nền tảng của miền Bắc lại là những vùng đất khô. Trong bữa ăn của người miền Nam thì cơm là chủ yếu, nhưng mỳ lại giữ vai trò chủ đạo trong bữa ăn của người miền Bắc.

Bao quanh những hồ nước ngọt này, thường đều có những đồng bằng ven hồ phì nhiêu màu mỡ, độ cao so với mực nước biển không quá 50 mét. Trên đồng bằng có nhiều người sinh sống, điều kiện thủy lợi tốt, tỷ lệ tận dụng đất khá cao, là “kho lương” quan trọng nhất của miền Nam Trung Quốc. Vùng sông nước ở tam giác Trường Giang và đồng bằng Thái Hồ có những đặc điểm nổi bật nhất. Nơi đây có địa thế bằng phẳng, mạng lưới sông ngòi ngang dọc đan xen, ao hồ có ở khắp nơi, tạo nên một một dải vuông vức với phong cảnh của quê hương sông nước lắm cá nhiều thóc Giang Nam, nơi đó đâu đâu cũng là ruộng lúa, ao cá, vườn dâu, rừng trúc và nhà cửa của nông dân.

Người dân vùng sông nước đi đâu cũng không thể tách khỏi nước. Nhân dân nơi đây tận dụng ưu thế của nước để phát triển tưới tiêu, trồng trọt lúa nước trên những cánh đồng. Dưới ao hồ họ trồng hoa sen, nuôi tôm cá. Các dòng kênh chằng

Bằng phẳng, phì nhiêu màu mỡ, sông ngòi đan xen ngang dọc là những đặc sắc riêng của vùng miền sông nước Giang Nam.



chịt như mạng nhện là đường giao thông quan trọng của dân cư nơi đây, họ chèo thuyền bè đi giữa lòng sông vận chuyển những hàng hóa thực phẩm, dầu ăn, bông vải, tơ tằm đến các chợ để buôn bán, rồi đổi về những đồ dùng để phục vụ cho nhu cầu hàng ngày.



"Cây cầu nhỏ, dòng nước, con người" là một sự tả thực tự nhiên đối với môi trường sống của người dân Tô Châu.

Nguồn tài nguyên nước phong phú đã tô điểm thêm cho môi trường của thành phố Giang Nam. Từ xa xưa người Trung Quốc đã có câu nói rằng "Thượng hữu thiên đàng, hạ hữu Tô Hàng", với ý nghĩa rằng, Tô Châu của tỉnh Giang Tô và Hàng Châu của tỉnh Triết Giang đẹp không khác gì thiên đàng. Trên thực tế, ở vùng Giang Nam, những thành phố mang phong cảnh sông nước không chỉ có Tô Châu và Hàng Châu, ví dụ như Vô Tích của Giang Tô, hay Thiệu Hưng của Triết Giang đều là những thành phố mang đậm nét sông nước.

Tô Châu có lịch sử rất lâu đời. Lịch sử dựng thành của nơi này quay ngược trở lại từ nước Ngô trong thời Xuân Thu, đến nay đã có 2.500 năm. Bố cục thành phố của Tô Châu vô cùng đặc sắc, phía trước là đường, sau lưng là sông, đường và sông song song với nhau, cầu và đường nối liền với nhau. Người dân nơi đây chỉ cần mở cửa là có thể ra sông lấy nước. Rau cỏ, hoa trái, lương thực cũng như những sản phẩm khác từ ngoại thành đều được vận chuyển trên những con sông chằng chịt để đến mỗi gia đình của người dân. Sông nhiều, cầu cũng nhiều. Theo ghi chép thì Tô Châu có đến hơn 100 cây cầu màu sắc khác nhau, vì thế mà còn có tên gọi khác là "Venice của phương Đông". Lâm viên Tô Châu là một điều tuyệt diệu trong nghệ thuật kiến trúc Trung Quốc. Với tư tưởng kiến trúc mô phỏng tự nhiên, các nghệ nhân dựng núi, đào hồ rồi phối thêm công trình kiến trúc nhân tạo như đình, đài, lầu, các và những loại hoa cỏ để tạo nên một bức tranh vô cùng tươi đẹp, khiến cho con người dù "không ra khỏi thành phố, nhưng vẫn thường ngoạn được nét đẹp của sơn lâm".

Danh lam thắng cảnh của Hàng Châu chính là Tây Hồ. Tô Đông Pha (1037 – 1101) – đại văn hào từ đời nhà Tống đã có thơ đề rằng: "Thủy quang liễm diễm tình phương hảo, Sơn sắc không mông vũ diệp kỳ. Dục bá Tây Hồ tĩ Tây Tử, Đạm tran nồng

mặt tổn thương nghi”⁽¹⁾. Mặt nước Tây Hồ thoáng rộng, núi non bao quanh, những lúc mặt trời mọc, hoàng hôn về, những khi nắng rọi hay ngày tiết trời âm u, mỗi lúc một cảnh tượng. Tô Châu và Hàng Châu đều là những thành phố có phong cảnh du lịch nổi tiếng của Trung Quốc.

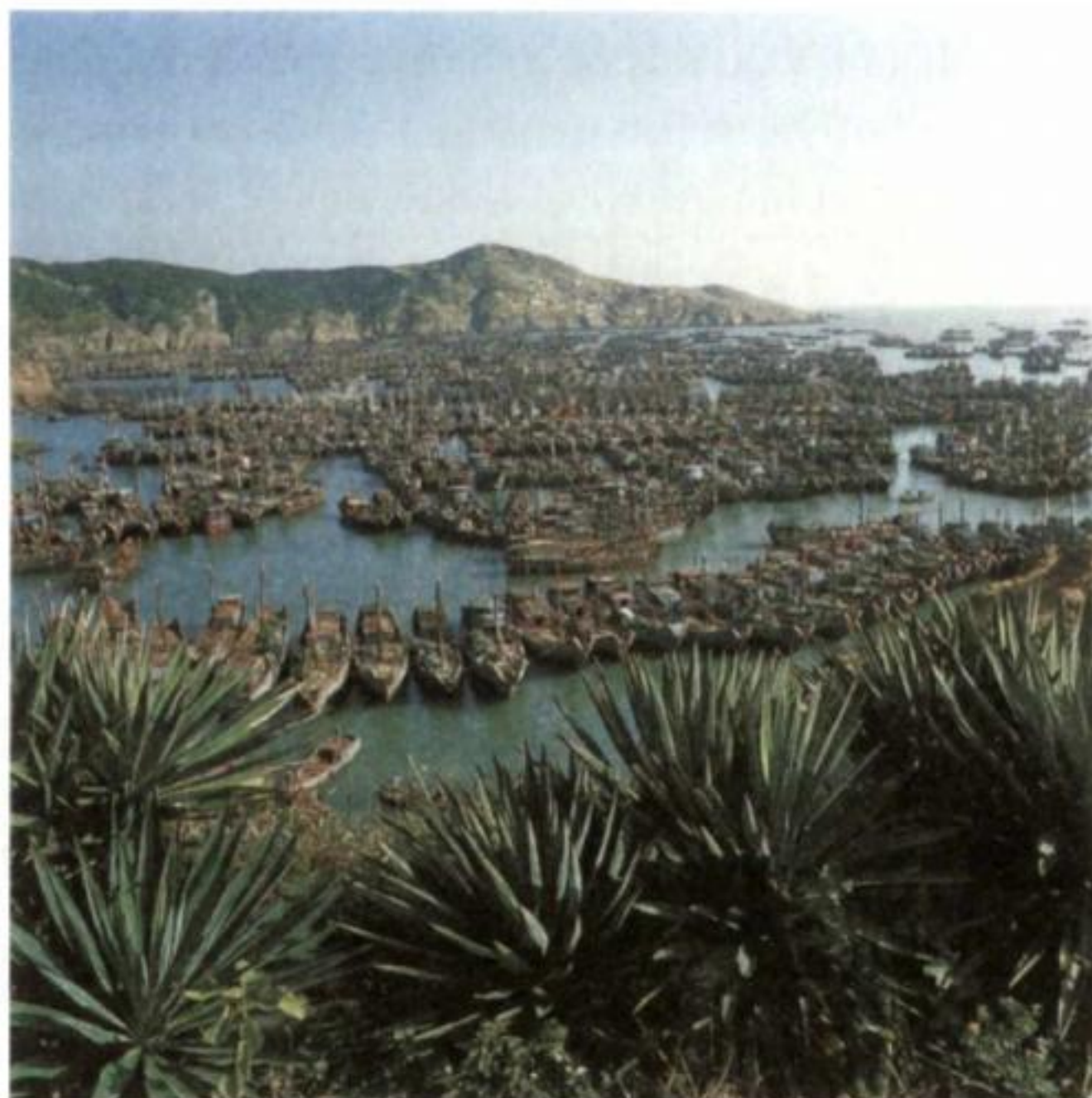
Trung Quốc có một câu nói cổ xưa rằng: “Nhân giả lạc sơn, trí giả lạc thủy” (ý là người nhân từ ưa thích núi non, người sáng suốt ưa miền sông nước). Vùng đất Giang Nam bạt ngàn sông nước, đã tạo nên vẻ đẹp và trí tuệ cho người dân nơi đây. Từ xưa vùng đất này đã xuất hiện nhiều người tài giỏi, lịch triều lịch đại đều như thế.

Sản vật phong phú

Khu vực trung lưu, hạ lưu Trường Giang là vùng nông nghiệp quan trọng của Trung Quốc, đồng bằng Giang Hán, đồng bằng Động Đình Hồ, đồng bằng Phàn Dương, đồng bằng Thái Hồ và tam giác Trường Giang từ xưa đến nay đều là “ngư mễ chi hương” (quê hương lắm cá nhiều thóc) quan trọng của Trung Quốc. Nơi đây đất đai phì nhiêu màu mỡ, lượng mưa phong phú, điều kiện tưới tiêu thuận lợi, mùa sinh trưởng khá dài, các sản phẩm nông nghiệp thông thường mỗi năm có thể thu hoạch

(1) Nước dập dờn bồng khi nắng rọi,
Núi nhạt nhòa xanh buổi mưa về.
Tây Hồ ví tựa Tây Thi,
Điểm trang đậm nhạt vẽ vì cũng xinh.

Cảng cá Châu Sơn tỉnh Triết Giang là cảng cá lớn nhất ở Trung Quốc. Sân cá ở gần đó có tên gọi là “Vua cá thiên nhiên”.



hai lần, tức là sau khi thu hoạch những sản phẩm vụ xuân như các loại đậu, rau cải và lúa mỳ, vẫn có thể trồng một vụ lúa nước. Thậm chí có những nơi có thể trồng hai vụ lúa trong một năm, sản lượng trên mỗi đơn vị diện tích ruộng đất đều cao hơn nhiều so với những nơi ở Đông Bắc và Hoa Bắc. Trong các sản phẩm nông nghiệp, ngoài lúa nước ra, còn có lúa mỳ, rau cải, sợi bông v.v., trong đó sản lượng lúa nước và hạt giống rau cải ngọt luôn đứng đầu cả nước.

Vùng trung lưu, hạ lưu Trường Giang là khu vực nuôi cá nước ngọt lớn nhất Trung Quốc, nghề nuôi trồng nước ngọt rất phổ biến ở đây, bốn loại cá lớn được nuôi rất nhiều là cá trích, cá trắm cỏ, cá chép bạc và cá mè hoa. Các loại cá đặc biệt gồm có cá mè (còn gọi là cá Vũ Xương), cá trắng nhỏ cùng với các loại tôm, cua v.v.. Các loại cây trồng thủy sinh gồm có sen, củ ấu, khiếm thảo, củ từ, cây mã đề v.v..

Đồng bằng Thái Hồ là khu vực trồng dâu nuôi tằm quan trọng của Trung Quốc, sản xuất tơ tằm có lịch sử lâu đời. Người dân nơi đây có thói quen trồng dâu nuôi tằm đã từ rất lâu, kinh nghiệm nuôi tằm cũng rất phong phú. Nhà nước đã cho xây dựng ở nơi đây cơ quan nghiên cứu về dâu tằm, để xứng nuôi tằm khoa học để mở rộng các giống tằm tốt, tơ tằm không những chất lượng tốt mà sản lượng cũng cao. Những thành phố gần Thái Hồ có nghề xe tơ dệt lụa rất phát triển. Tô Châu ở Giang Tô, Hồ Châu, Hàng Châu ở Triết Giang đều là những trung tâm công nghiệp dệt lụa nổi tiếng gần xa. Nghề thêu thủ công ở Tô Châu và nghề dệt sợi ở Hàng Châu có tay nghề rất cao, sản xuất ra những sản phẩm rất tinh tế, được mọi người trên khắp thế giới ưa thích.

Hai bên bờ Trường Giang có không ít đồi núi, trồng trọt rất nhiều hoa quả nhiệt đới và các sản phẩm kinh tế khác. Cam quýt và cây chè là hai loại đặc sản lớn. Trung Quốc là quê hương của trà và tơ tằm. Qua nhiều năm gieo trồng, cây chè của Trung Quốc có nhiều giống hơn, thêm vào những công nghệ chế biến trà mỗi nơi mỗi khác, vì thế các sản phẩm từ chè nhiều không kể xiết. Đất đỏ ở vùng đồi núi Giang Nam có nhiều axit, lại thêm khí hậu ẩm áp, mưa nhiều nên độ ẩm trong không khí rất lớn, rất thích hợp cho cây chè sinh trưởng phát triển nhanh, không những chất lượng trà tốt mà sản lượng trà cũng đứng đầu cả nước. Ví dụ như trà Long Tĩnh được trồng ở

● Tài liệu trích dẫn

LONG TỈNH TÂY HỒ

Ở gần Hàng Châu có trồng và chế biến một loại trà xanh nổi tiếng. "Long Tĩnh" vừa là tên của một thôn quê, lại là tên gọi của nước suối Nhất Nhân, nằm ở bờ phía tây của Tây Hồ. Nơi đây bốn phía được núi non bao quanh, khí hậu ẩm áp, khắp vùng núi non đều là những thảm chè. Trà Long Tĩnh truyền thống đều được chế biến thủ công, cách chế biến rất độc đáo. Loại trà Long Tĩnh đặc biệt thường mỏng, bóng và rất thẳng, màu sắc tươi tắn, có đủ "sắc, hương, vị và hình".

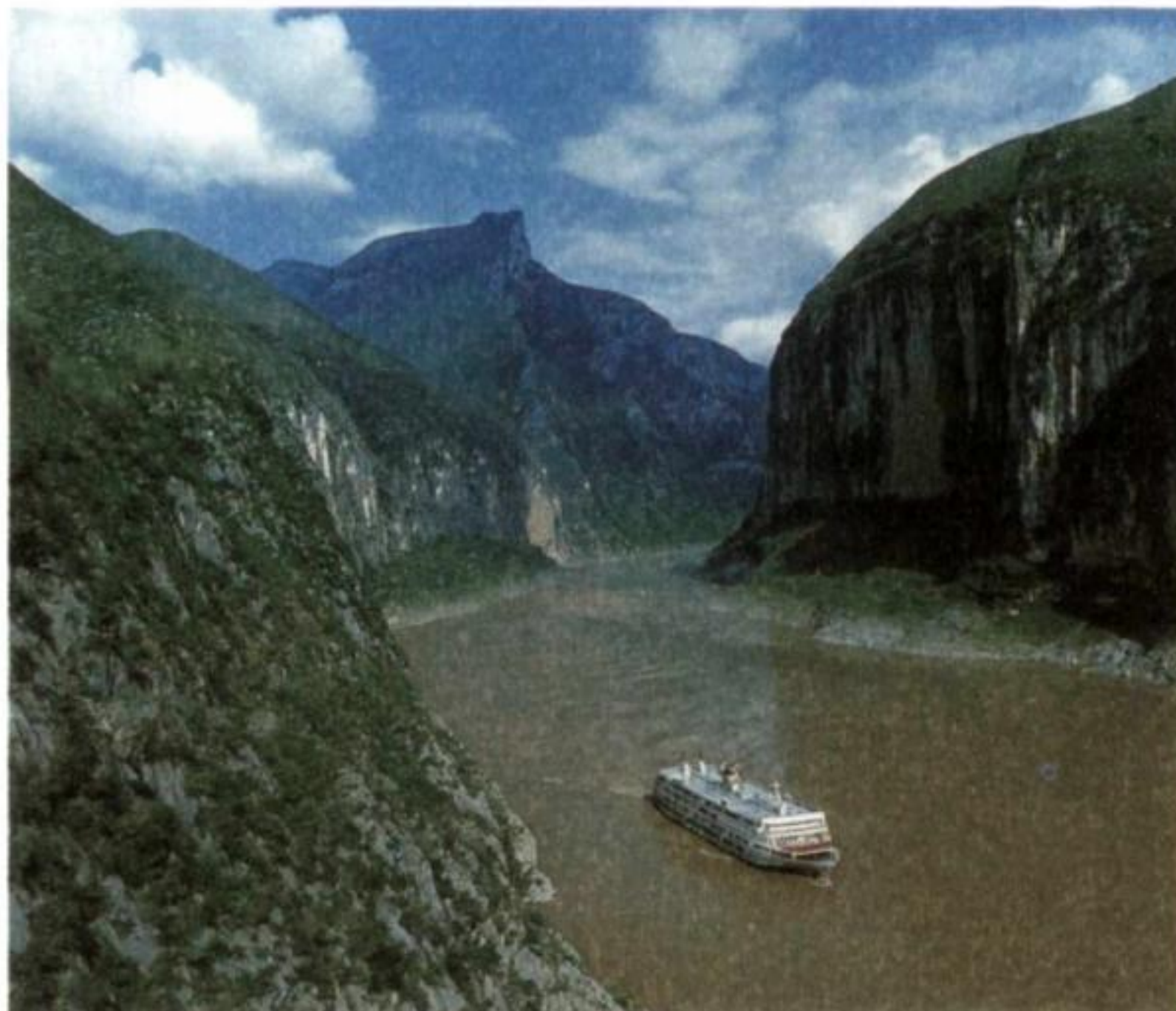
vùng lân cận Tây Hồ thuộc thành phố Hàng Châu tỉnh Triết Giang, hay trà Bích Loa Xuân được trồng ở núi Thái Hồ Động Đình thành phố Tô Châu tỉnh Giang Tô, trà Ngân Châm Quân Sơn trồng ở Quân Sơn, thành phố Nhạc Dương tỉnh Hồ Nam, và trà Kê Lục, Môn Hồng trồng ở gần thành phố Hoàng Sơn tỉnh An Huy v.v., đều là những loại trà nổi tiếng.

Trong lịch sử, trung lưu và hạ lưu Trường Giang luôn là nơi sản xuất đồ gốm sứ quan trọng của Trung Quốc. Thành phố Cảnh Đức Trấn tỉnh Giang Tây có công nghệ chế tạo gốm sứ rất cao siêu, gốm sứ được sản xuất ở nơi đây có chất lượng hảo hạng, kiểu dáng tinh tế, vì thế mà Cảnh Đức Trấn còn có tên gọi là “thành phố gốm sứ”.

Dòng kênh vàng

Tại vùng trung lưu, hạ lưu Trường Giang, có một tuyến đường thủy nhân tạo rất quan trọng và có lịch sử lâu đời, đó là kênh đào Kinh Hàng. Phía bắc của con kênh này bắt đầu từ Bắc Kinh, phía nam kéo dài đến Hàng Châu, chảy qua các tỉnh như Hà Bắc, Thiên Tân, Sơn Đông, Giang Tô, Triết Giang v.v., vượt qua 5 hệ thống nước lớn là sông Hải, sông Hoàng, sông Hoài, Trường Giang và sông Tiền Đường, tổng chiều dài là 1700km, là dòng kênh màu vàng nối liền Nam Bắc trong lịch sử của Trung Quốc xưa. Hiện nay, con kênh vàng ở đoạn phía bắc Hoàng Hà đã bị bỏ mặc, nhưng tuyến đường kênh từ Sơn Đông, Giang Tô đến Triết Giang vẫn phát huy được vai trò vận chuyển quan trọng. Sau khi kênh đào này được tu sửa lại, ngoài việc có thể nối liền

Đoạn Nao Môn đi vào Tam Hiệp Trường Giang, hai bên núi dựng đứng, như cánh cửa hé mở, vì thế mà có tên là “Nao Môn thiên hạ hùng”.



giao thông trong địa phương, còn là tuyến giao thông quan trọng có thể vận chuyển than từ phía bắc về phía nam, vận chuyển lương thực từ phía nam lên phía bắc.

Đối với Trung Quốc ngày nay, thực sự xứng đáng với cái tên “dòng nước vàng” có lẽ là Trường Giang dài vạn lý.

Trường Giang là dòng sông lớn nhất ở Trung Quốc, bắt nguồn từ dãy núi Đường Cổ La thuộc tỉnh Thanh Hải, chảy qua 11 tỉnh, thành phố trực thuộc và khu tự trị, đó là Thanh Hải, Tây Tạng, Tứ Xuyên, Vân Nam, Trùng Khánh, Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tây, An Huy, Giang Tô, Thượng Hải, cuối cùng đổ vào biển Đông, tổng chiều dài 6.300 km, là dòng sông lớn thứ 3 trên thế giới. Thượng lưu Trường Giang bắt đầu từ thành phố Nghi Xương, tỉnh Hồ Bắc, có chiều dài 4.529 km. Từ thành phố Nghi Xương đến huyện Hồ Khẩu tỉnh Giang Tây là đoạn trung lưu, chiều dài 931 km. Từ huyện Hồ Khẩu đến cửa sông đổ ra biển là đoạn hạ lưu, chiều dài 840 km. Diện tích lưu vực Trường Giang là 1,8 triệu km^2 , gần bằng 1/5 diện tích lãnh thổ lục địa Trung Quốc.

Lưu vực Trường Giang có lượng mưa phong phú, lượng nước dồi dào và rất nhiều phụ lưu. Mỗi năm, Trường Giang đổ ra biển một lượng nước gần 1000 tỷ m^3 , gấp 17,5 lần so với lưu lượng của Hoàng Hà, chiếm hơn 1/3 tổng lượng của toàn bộ sông ngòi trên cả nước. Trường Giang có hơn 700 nhánh sông chính, trong đó 10 nhánh phụ lưu có lưu lượng nước đạt trên mức 1.000 m^3 /giây.

Trường Giang là mạch giao thông quan trọng nhất của Trung Quốc. Nếu chỉ trừ Trường Giang rồi cộng tất cả các dòng sông trên cả nước mà tàu thuyền có thể qua lại, thì tổng chiều dài vẫn chưa bằng 1/2 tổng chiều dài của hệ thống dòng Trường Giang. Ví dụ, nếu chỉ lấy những sông nhánh chính và tính từ cửa dòng Trường Giang cho đến đoạn thượng lưu tại thành phố Nghi Tân, cả năm thuyền bè đều có thể qua lại. Trong đó, riêng đoạn từ phía dưới thành phố Nam Kinh, có thể thông tàu lớn cỡ 25.000 tấn, từ thành phố Vũ Hán đến thành phố Nam Kinh, có thể thông tàu cỡ 5000 tấn, từ thành phố Nghi Xương đến thành phố Vũ Hán có thể thông tàu cỡ 3000 tấn, từ thành phố Trùng Khánh đến thành phố Nghi Xương, có thể thông tàu cỡ 1500 tấn. Những sông nhánh quan trọng của Trường Giang như Hán Giang, Tương Giang, Cán Giang, Gia Lăng Giang, Dân Giang, Bồi Giang v.v. đều là những tuyến đường thủy quan trọng. Chính khả năng vận chuyển trên Trường Giang rất lớn nên đã không ngừng thúc đẩy phát triển kinh tế của những khu vực hai bên bờ Trường Giang.

Nước Trường Giang cuốn cuộn, mang lại nhiều lợi ích nhưng cũng đầy thảm họa. Lưu vực Trường Giang là khu vực thường bị lũ lụt nghiêm trọng ở Trung Quốc, nhất là vùng trung lưu và hạ lưu. Từ thế kỷ XX đến nay, Trường Giang đã xảy ra 4 trận lụt kinh hoàng, mấy trăm ngàn sinh mệnh đã bị dòng lũ nuốt chửng, tổn thất kinh tế khó mà lường nổi. Vì vậy, làm thế nào để ngăn chặn lũ lụt ở trung lưu, hạ lưu Trường Giang vẫn đang là vấn đề quan trọng trong công tác thủy lợi của Trung Quốc.

Hồ Khiêu Hiệp –
đèo đầu tiên ở
Trường Giang, thác
nước dũng mãnh
cuồn cuộn khiến
cho con người kinh
sợ.



Mặt khác, việc tận dụng khai thác nguồn năng lượng nước trên Trường Giang vẫn còn chưa đủ. Trên những sông nhánh chính của Trường Giang có chứa một nguồn thủy lực lên đến 26,8 tỷ KW, nguồn thủy lực có thể khai thác là 200 triệu KW, chiếm 1/2 tổng nguồn thủy lực trên cả nước, và đứng đầu cả thế giới. Thế nhưng, nguồn thủy lực nước được khai thác hiện nay trên Trường Giang vẫn chưa đạt đến 1/10, trạm thủy điện được xây dựng trên các sông nhánh chính hiện mới chỉ có một đập Cát Châu, công suất đạt mức 27.150 KW. Hai bên bờ của Tam Hiệp ở thượng lưu Trường Giang đều là núi cao sừng sững, trong vòng 200 km mà độ chênh lệch lên đến 200 m, lại cộng thêm lượng nước ở Trường Giang vô cùng phong phú, có chứa nguồn điện năng rất lớn, điều kiện để xây dựng các công trình cũng rất tốt, vì vậy, Tam Hiệp Trường Giang là một đoạn sông ưu việt hiếm có để xây dựng các công trình thủy điện quy mô lớn.

Công trình đập thủy điện Tam Hiệp mới được xây dựng ở Tam Đầu Bình trong đoạn Tây Lăng Hiệp. Nó được tạo bởi các công trình như đập ngăn nước sông, trạm thủy điện và các kiến trúc thông tàu v.v.. Đỉnh của đập lớn có chiều cao 185 m, hình thành một kho chứa nước khổng lồ với dung lượng gần 40 tỷ m³ nước, phát huy được tác dụng kiểm soát những trận lũ kinh hoàng ở vùng trung lưu và hạ lưu Trường Giang. Trạm thủy điện Tam Hiệp lắp đặt 26 máy phát, tổng công suất đạt 18,20 triệu

KW, công suất mỗi năm là 84,7 tỷ KWh, năng lượng điện có được ngoài việc cung cấp cho thành phố Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên và khu vực Hoa Trung, còn có thể tải điện đến các vùng Hoa Đông và Hoa Bắc, mang lại hiệu quả kinh tế vô cùng to lớn. Việc xây dựng công trình Tam Hiệp còn giúp cho lòng sông được cải thiện một cách căn bản nhất, từ đó giá thành vận chuyển được giảm xuống tối đa và khả năng thông tàu cũng được nâng cao.

Công trình Tam Hiệp Trường Giang là một công trình thủy điện thủy lợi có quy mô sầm uất và có hiệu quả mang tính tổng hợp, đó là khả năng ngăn lũ, phát điện, vận chuyển và bảo vệ môi trường. Tháng 12 năm 1994, công trình Tam Hiệp chính thức khởi công. Đến tháng 11 năm 1997, việc ngăn chặn dòng chảy trên sông lớn của công trình Tam Hiệp đã kết thúc giai đoạn 1. Theo kế hoạch, công trình Tam Hiệp sẽ được xây dựng hoàn tất vào năm 2009.

Lưu vực Trường Giang mênh mông rộng lớn chiếm một vị trí rất quan trọng trong kinh tế Trung Quốc. Có đến 1/3 dân số của Trung Quốc sinh sống trên lưu vực Trường Giang, nơi này cũng chiếm 1/4 diện tích đất canh tác trên lãnh thổ cả nước, đây cũng là nơi sản xuất lương thực chiếm 40% và sản xuất bông sợi chiếm 1/3 tổng sản lượng toàn quốc. Ngoài ra, khu vực này còn cung cấp một khối lượng lớn hạt giống rau cải, tơ tằm, các loại vừng, trà và sợi thuốc lá v.v.. Trên vùng đồi núi thuộc lưu vực Trường Giang có những cánh rừng rậm rạp, tài nguyên rừng chỉ đứng sau vùng Đông Bắc, nơi đây có những khu rừng kinh tế trồng cây thông, cây chè để lấy dầu, trà nổi tiếng cả nước. Khu vực đồng bằng nổi tiếng là quê hương lắm cá nhiều thóc, sản lượng cá nước ngọt chiếm 2/3 sản lượng toàn quốc, sản lượng gạo cũng đứng đầu cả nước. Tài nguyên dưới lòng đất ở lưu vực Trường Giang vô cùng phong phú. Trữ lượng của các kim loại màu như vonfram, antimon đều đứng đầu trên thế giới. Các tài nguyên khác như sắt, kẽm, đồng, than đá, dầu mỏ và muối giếng cũng có một vị trí hết sức quan trọng trên cả nước. Các thành phố lớn nằm hai bên lưu vực sông có dân số trên một triệu người như Trùng Khánh, Vũ Hán, Nam Kinh, Thượng Hải và vô số các thành phố nhỏ vừa khác, đều đã mang lại cho Trung Quốc 40% GDP cả nước.

Theo kế hoạch phát triển của quốc gia, lưu vực Trường Giang cũng giống như những miền duyên hải, đều là khu vực trọng điểm phát triển trong thời kỳ gần đây. Hiện nay, không ít cảng sông đã mở cửa hoạt động. Nhờ vào các sản vật phong phú ở lưu vực Trường Giang cũng như những điều kiện giao thông thuận lợi mà Trường Giang đã mang lại, rất nhiều thành phố bên dòng sông này đã và đang phát triển như vũ bão, đặc biệt là từ khi mở cửa khu Phố Đông Thượng Hải và công trình Tam Hiệp được xây dựng, đã mang lại một sức sống mới vô cùng mãnh liệt cho việc phát triển các vùng ven sông.

Nơi hội tụ những ngọn núi nổi tiếng

Giang Nam có nhiều ngọn núi nổi tiếng. Tuy những ngọn núi này không cao lắm, nhưng phong cảnh tuyệt đẹp đầy chất thi họa, chính vì thế nơi đây luôn có sức thu hút mãnh liệt đối với các du khách trong và ngoài nước.

Hoàng Sơn, nằm trong địa phận tỉnh An Huy, thuộc quần thể núi đá Hoa Cương, ngọn núi chính là Liên Hoa, Thiên Đô v.v. đều có chiều cao trên 1800m so với mực nước biển và là những ngọn núi có phong cảnh nổi tiếng ở Trung Quốc. Rừng thông, măng đá, suối nước nóng và những vầng mây được mọi người coi là "Hoàng Sơn tứ tuyệt". Trung Quốc cổ đại có một câu nói nổi tiếng: "Ngũ nhạc qui lai bất khán sơn, Hoàng Sơn qui lai bất khán nhạc", ý nói rằng, nếu bạn đã đến Hoàng Sơn, thì năm ngọn núi chính của Trung Quốc sẽ không còn được bạn nhắc đến nữa. Hiện nay, Hoàng Sơn đã được Tổ chức Văn hóa giáo dục của Liên hiệp quốc công nhận là di sản văn hóa và di sản thiên nhiên của thế giới.

Lư Sơn, nằm trong địa phận tỉnh Giang Tây, phía bắc giáp Trường Giang, phía đông giáp Hồ Phàn Dương, trên núi có nhiều ngọn thác. Nhà thơ đời Đường – Lý Bạch (701 – 762) khi đến nơi đây đã để thơ rằng: "Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên, Dao khan bộc bố quải tiền xuyên. Phi lưu trực há tam thiên xích, Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên"⁽¹⁾ (trong bài *Vọng Lư sơn bộc bố*). Lư Sơn là nơi nghỉ mát nổi tiếng ở vùng

(1) Dịch nghĩa:

Ánh nắng chiếu rọi trên sông Hương Lô sinh ra khói tía,
Từ xa ngắm cảnh thác núi treo trước con sông này.
Thác nước chảy như bay xuống từ ba nghìn trượng,
Ngờ như là dải Ngân Hà lạc khỏi chín tầng mây.

Dịch thơ của Tương Như:

Nắng rọi Hương Lô khói tía bay,
Xa trông dòng thác trước sông này.
Nước bay thẳng xuống ba nghìn thước,
Tưởng dải Ngân Hà tuột khỏi mây.

Hoàng Sơn ở An Huy, một bức tranh sơn thủy đầy chất thi họa của Trung Quốc cổ đại.



trung lưu Trường Giang. Mỗi khi hè đến, phía dưới núi, những nơi như thành phố Cửu Giang tỉnh Giang Tây, thành phố Vũ Hán tỉnh Hồ Bắc v.v. đều nóng như thiêu như đốt, nhưng trên Lư Sơn, tiết trời lại vô cùng mát mẻ dễ chịu.

Núi non Triết Giang vang danh thiên hạ. Di tích Cổ Hỏa Sơn ở dãy núi Nhạn Đãng, trên núi có nhiều đỉnh cao ngất và thác nước, trong đó thác nước Đại Long Tuyền có chiều cao lên đến 190 m, nước suối từ các đỉnh núi đổ xuống phối nên những làn sương mờ ảo và được mọi người gọi là kỳ quan của thiên hạ. Sông Tiền Đường còn gọi là sông Phúc Xuân, từ xưa đến nay luôn là một danh lam thắng cảnh. Từ huyện Đồng Lư (nằm ở thượng lưu sông Tiền Đường) đi lên phía trên khoảng hơn 100 km, hai bên sông đều là núi cao chót vót và các dòng thác chảy xiết, nước xanh màu ngọc bích, nhà thơ đời Đường – Bạch Cư Dị (772 – 846) đã từng nói rằng “Xuân lai giang thủy lục như lam” (Trời sang xuân nước sông xanh biêng biếc). Hiện nay, sông Tân Giang ở thượng lưu sông Phúc Xuân đã xây dựng một trạm thủy điện với quy mô lớn, phía trên trạm thủy điện ấy có một hồ nhân tạo chu vi lên đến mấy trăm kilômét, xưa vốn là những đỉnh núi thấp giờ trở thành các đảo nhỏ trên mặt hồ, giữa làn sóng xanh biếc được điểm xuyết bởi những hòn đảo màu ngọc bích, chẳng khác nào một bức tranh thiên nhiên hữu tình.

Khu vực phong cảnh Vũ Lăng Nguyên nằm ở vùng núi phía tây tỉnh Hồ Nam, là cảnh quan địa hình với những đỉnh núi đá ráp san sát nhau hiếm thấy trên thế giới. Trong khu phong cảnh này, những đỉnh núi cứ thi nhau để cho vẻ đẹp của mình được lan tỏa, các vách núi sâu uốn lượn đã thu hút biết bao lượt khách du lịch đến chiêm ngưỡng. Ngọn núi nổi tiếng nhất nằm trong vùng đồi núi Giang Nam có lẽ phải kể đến Nam nhạc Hoành sơn. Núi Hoành nằm chót vót bên bờ phía tây của sông Tương, trên núi cây cối rậm rạp, có rất nhiều danh lam thắng cảnh. Trong đó, Nam Nhạc Miếu là nơi các hoàng đế thờ tế Nam Nhạc.

Ngoài ra, núi Vũ Đang ở Hồ Bắc, núi Long Hồ ở Quý Khê tỉnh Giang Tây đều là những ngọn núi Đạo giáo nổi tiếng của Trung Quốc.

Khu kinh tế “Tam giác Trường Giang”

Khu kinh tế tam giác Trường Giang phía tây bắt đầu từ thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô, phía đông đến thành phố Thượng Hải, phía nam đến thành phố Hàng Châu tỉnh Triết Giang, nằm trên tuyến đường sắt Hồ Ninh (Thượng Hải – Nam Kinh) và Hồ Hàng (Thượng Hải – Hàng Châu), có hàng loạt các thành phố nhỏ vừa tràn đầy sức sống như thành phố Vô Tích, Trấn Giang, Thường Châu, Tô Châu của tỉnh Giang Tây và thành phố Gia Hưng, Thiệu Hưng, Ninh Ba v.v. của tỉnh Triết Giang. Từ thập niên 80, 90 của thế kỷ trước cho đến nay, các thành phố ở bờ phía bắc Trường Giang như Nam Thông, Dương Châu, Nghĩa Chỉnh, Thái Châu v.v. đều đang trỗi dậy nhanh chóng, những thành phố này cùng với Thượng Hải, Nam Kinh, Hàng Châu liên kết thành khu kinh tế phát triển “Tam giác Trường Giang”.

Thành phố Thượng Hải nằm sát hai bờ sông Hoàng Phố, trong ảnh là toàn cảnh đứng từ phía bờ tây nhìn sang khu Phố Đông mới.



Tam giác Trường Giang là khu mở cửa đối ngoại có tốc độ phát triển kinh tế nhanh nhất, quy mô tổng lượng kinh tế lớn nhất, giàu tiềm năng phát triển nhất hiện nay của Trung Quốc, chỉ với 2% diện tích lãnh thổ cả nước và 10% tổng dân số cả nước nhưng nơi đây đã mang về từ 1/5 cho đến 1/4 tổng giá trị sản phẩm trong nước (GDP) cũng như thu nhập tài chính và xuất khẩu ngoại thương của cả Trung Quốc.

Các thành phố thủ phủ của các tỉnh ở ven dòng Trường An như Vũ Hán của Hồ Bắc, Nam Xương của Giang Tây, Hợp Phì của An Huy v.v. đều có nền công nghiệp với quy mô nhất định. Trong đó, thành phố Vũ Hán đã tận dụng khoáng sản quặng sắt dồi dào ở địa phương để phát triển ngành công nghiệp gang thép, và ngành công nghiệp chế tạo ô tô ở thành phố Thập Yển của tỉnh này phát triển mạnh mẽ từ thập niên 60 của thế kỷ trước, đều có vị trí vô cùng quan trọng trên cả nước.

Tổng dân số của Thượng Hải là 13 triệu người, là một đô hội lớn đẳng cấp thế giới, thế nhưng diện tích toàn thành phố chỉ có 6.340 km². Trên diện tích rất hữu hạn này, Thượng Hải đã xây dựng nên một thành phố cảng và trung tâm kinh tế lớn nhất Trung Quốc. Tổng giá trị của các ngành công nghiệp trẻ, tổng ngạch sản phẩm xuất khẩu và tổng thông lượng hàng hóa của cảng ở Thượng Hải đều đứng đầu các khu vực tỉnh thành trên toàn quốc.

Thượng Hải nằm bên bờ phía nam của dòng Trường Giang, sông Hoàng Phố - dòng phụ lưu cuối cùng của Trường Giang chảy xuyên qua thành phố này. Tuy là một cảng lớn, nhưng thành phố Thượng Hải lại không nằm bên biển, trung tâm thành phố vẫn còn cách cửa sông Ngô Tùng hơn 20 km, nguyên khu vực cảng nằm gọn trong 80 km ven bờ sông Hoàng Phố. Chính con sông Hoàng Phố đã tạo nên cảng Thượng Hải ngày hôm nay, nếu không có cảng Thượng Hải, cũng không có một thành phố Thượng Hải lớn mạnh ngày nay.

Thượng Hải là cái nôi của các ngành công nghiệp hiện đại. Sau chiến tranh Nha phiến vào thập niên 40 của thế kỷ XIX, Thượng Hải được mở mang thành khu thương nghiệp, các nguồn vốn nước ngoài rót vào như nước, và Thượng Hải nhanh chóng phát triển thành trung tâm tài chính lớn nhất khu vực Viễn Đông. Cùng lúc đó, các ngành công nghiệp như dệt may, chế tạo máy móc, chế biến thực phẩm v.v. cũng nối nhau hình thành ở Thượng Hải. Thượng Hải trở thành một thành phố thương mại, nơi có hàng ngàn hàng vạn doanh nhân, cửa hàng và các dự án đầu tư lớn của cả trong và ngoài nước. Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, Thượng Hải luôn là căn cứ công nghiệp lớn nhất, là nơi mang lại nguồn lợi nhuận và thuế lớn nhất cả nước và phát huy được vai trò quan trọng trong việc xây dựng kinh tế của nước nhà.

Thượng Hải là thành phố thương nghiệp lớn nhất của Trung Quốc. Các ngành công nghiệp nhẹ đầy đủ, cơ sở hùng hậu, rất nhiều ngành công nghiệp đều có vị trí quan trọng trên cả nước. Công nghiệp gang thép là ngành công nghiệp truyền thống của Thượng Hải, Công ty Gang thép Bảo Sơn có vị trí quan trọng trong nước. Ngành công nghiệp lọc hóa dầu của Thượng Hải cũng vô cùng quan trọng, Công ty Lọc hóa dầu Kim Sơn nằm ở ngoại ô phía đông nam Thượng Hải là một trong những công ty lọc hóa dầu có quy mô lớn trên cả nước. Từ thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, sáu ngành công nghiệp chủ chốt nhất như ngành công nghiệp chế tạo ô tô, ngành công nghiệp chế tạo thiết bị điện tử thông tin, ngành công nghiệp gang thép, công nghiệp lọc hóa dầu và công nghiệp gia công chế biến tinh tế, công nghiệp chế tạo thiết bị xây lắp trạm điện và thiết bị cơ điện quy mô lớn cũng như chế tạo điện khí gia dụng v.v. có một vị trí chủ đạo trong kinh tế công nghiệp ở Thượng Hải và vẫn đang từng bước lớn mạnh thêm. Đồng thời, ba ngành công nghiệp kỹ thuật cao như vi mạch điện tử và máy tính, sinh học và y dược hiện đại, cũng như nguyên liệu mới (new material) đều có sự phát triển tốt và đang dần dần hình thành quy mô.



Tháp truyền hình truyền thanh "Đông phương minh châu" (Viên ngọc sáng của phương Đông) của Thượng Hải trong đêm lễ hội.

Công cuộc cải cách mở cửa đã mang lại cho Thượng Hải một sức sống mới. Tốc độ phát triển kinh tế của Thượng Hải không ngừng được đẩy nhanh, đặc biệt là vào năm 1990, chính phủ Trung Quốc quyết định mở cửa và khai phá khu Phố Đông Thượng Hải, coi Thượng Hải là một chiến trường nòng cốt cho việc mở cửa đối ngoại của Trung Quốc, đồng thời từ đó đẩy nhanh phát triển khu vực ven dòng Trường Giang với Thượng Hải là đầu tàu, rồi từ đó lan tỏa trên cả nước, lôi kéo cả nền kinh tế Trung Quốc cùng phát triển theo.

Khu Phố Đông mới ở Thượng Hải là một khu vực hình tam giác ở phía đông sông Hoàng Phố, phía tây cửa sông Trường Giang, nằm ngay trên giao điểm giữa tuyến đường bờ biển Trung Quốc và nơi dòng Trường Giang đổ ra biển, giáp ranh với khu phố Thượng Hải cũ với một nền tảng hùng hậu. Khu Phố Đông mới phát triển nhanh chóng, nhiều ưu thế mạnh, quy mô đầu tư nước ngoài khá lớn, có không ít các công ty đa quốc gia nổi tiếng kéo nhau đến Phố Đông đầu tư. Cùng lúc đó, các xí nghiệp trong nước cũng đến khu Phố Đông đặt nền móng mới, phát triển các hoạt động kinh tế. Khu vực tài chính mạo dịch Lục Gia Chủy nối liền với tuyến đường tài chính Bến Thượng Hải đã và đang xây dựng nên một khu thương mại trung ương phồn hoa nhất Trung Quốc. Khu gia công xuất khẩu Kim Kiếu lại mang đặc điểm của những ngành công nghệ cao và khai thác những ngành sản xuất hiện đại. Tại khu kỹ thuật cao Trường Giang, các hạng mục kỹ thuật cao ồ ạt khởi động, trong đó các công trình y dược sinh học hiện đại là nổi trội nhất. Tại khu vực miễn thuế quan Ngoại Cao Kiếu, các ngành thương mại gia công, thương mại dịch vụ và thương mại chuyển khẩu cũng phát triển nhanh chóng.

Chính quyền thành phố Thượng Hải đã đưa ra quy hoạch phát triển khu Phố Đông, đồng thời đầu tư vào đó một số vốn lớn, tiến hành thi công xây dựng những cơ sở nền tảng với quy mô lớn. Hai cây cầu lớn Dương Phố và Nam Phố bắc ngang qua sông Hoàng Phố, mở ra giao thông giữa hai phía bờ sông. Những tòa cao ốc hiện đại hóa mọc lên liên tục, cảng hàng không, cảng nước sâu, cảng thông tin v.v. liên tục đi vào hoạt động.

So với một số thành phố khác ở Trung Quốc, lịch sử hình thành của Thượng Hải tương đối muộn, nơi đây có khá ít dấu tích truyền thống, và có nhiều hơn những nét của một thành phố hiện đại. Trong khoảng thời gian 100 năm, từ một thị trấn ven biển nhỏ bé, Thượng Hải thoáng chốc phát triển thành một nơi đô hội với hơn 10 triệu dân, dân số đến từ các nơi khác nhiều hơn nhiều so với dân số bản địa mà Thượng Hải vốn có. Dân số ở nơi khác đến Thượng Hải chủ yếu là từ phía nam tỉnh Giang Tô và phía đông bắc tỉnh Triết Giang, ngoài ra cũng có một phần nhỏ đến từ nước ngoài. Những cư dân mới và cũ ở Thượng Hải cùng giao lưu tiếp xúc với nhau trong một quá trình dài, sự hòa hợp của họ đã dần dần hình thành nên một Thượng

Hải với những nét văn hóa mang tính địa phương rất riêng biệt. Trong tiếng Thượng Hải phảng phất nét của ngôn ngữ vùng Triết Giang, thói quen sống cũng không khác xa mấy so với những nơi này. Việt kịch, bình đàn là những dòng hý khúc thịnh hành ở Thượng Hải, nhưng thực tế thì các loại hình nghệ thuật sân khấu này đều được bắt nguồn từ nền tảng hý khúc truyền thống địa phương, thịnh hành ở những vùng Tô Châu, Thiệu Hưng thuộc tỉnh Triết Giang, rồi được “gia công”, lai tạo những cái mới mà phát triển thành. Trong đời sống kinh tế và xã hội hiện đại, nếu so sánh với những người ở các nơi khác của Trung Quốc, thì người Thượng Hải thường coi trọng hiệu quả, họ rất có đầu óc kinh tế, và cũng rất coi trọng, theo đuổi đời sống vật chất, trình độ văn hóa của họ cũng khá cao.



VÙNG TÂY NAM

Vùng Tây Nam của Trung Quốc bao gồm ba tỉnh Tứ Xuyên, Vân Nam, Quý Châu và thành phố trực thuộc trung ương Trùng Khánh. Phía tây vùng này giáp với “nóc nhà thế giới” – cao nguyên Thanh Tạng, những dãy núi lớn trùng trùng điệp điệp ở phía đông và phía bắc đã tạo thành dải ngăn cách vùng Tây Nam với vùng Đông Bắc, vì thế mà điều kiện tự nhiên có sự khác biệt rõ nét so với những khu vực khác. Vùng Tây Nam có thể chia ra làm hai khu vực: tỉnh Tứ Xuyên và thành phố Trùng Khánh

Khu phong cảnh Hoàng Long nằm ở tỉnh Tứ Xuyên nổi tiếng thế giới với cảnh quan đá vôi hiểm thấy trên thế giới.



là một thung lũng được núi non bao bọc một cách hoàn chỉnh, về mặt địa hình nó tạo thành một đơn vị địa lý rất độc đáo; tỉnh Vân Nam và tỉnh Quý Châu là một cao nguyên nổi dài, cũng được gọi là cao nguyên Vân Quý. Do địa hình cao thấp khúc khuỷu, nên giao thông ở vùng Tây Nam khá ách tắc. Từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập đến nay, điều kiện giao thông ở nơi đây đã được cải thiện nhiều, kinh tế khu vực có sự phát triển lớn, thế nhưng, vấn đề chủ yếu nhất khiến cho việc phát triển kinh tế ở vùng Tây Nam vẫn bị trì trệ cũng chính là giao thông.

Địa hình và giao thông

Sự ách tắc giao thông ở thung lũng Tứ Xuyên (bốn địa Tứ Xuyên) "nổi tiếng" xưa nay, nên nơi này còn được nói là "Thục đạo chi nan, nan vu thượng thanh thiên" (Đường đi Thục khó, khó hơn đường lên trời)¹. Bốn bể thung lũng Tứ Xuyên được bao quanh bởi hàng loạt cao nguyên và đồi núi: phía bắc là núi Tần, núi Đại Ba; phía đông là núi Oa; phía tây là núi Hoành Đoạn và cao nguyên Thanh Tạng; phía nam là núi Đại Lô và cao nguyên Vân Quý. Những dãy núi và cao nguyên này đều khá cao, độ cao bình quân so với mực nước biển vào khoảng trên 1 đến 2.000 m, gây nên sự cản trở giao thông giữa thung lũng và bên ngoài. Trước thập niên 50 của thế kỷ XX, liên hệ giữa Tứ Xuyên và bên ngoài chỉ thông qua vài tuyến đường bộ rất thấp kém và đoạn đường thủy trên Trường Giang vô cùng nguy hiểm.

(1) Trích trong bài thơ "Thục đạo nan" của Lý Bạch.

Cao nguyên Vân Quý tuy được gọi là “cao nguyên”, nhưng lại có diện mạo khác hẳn với cao nguyên Nội Mông. Địa hình nơi đây gập ghềnh hiểm trở, phân bố không ít dãy núi cao lớn. Ở Quý Châu có một câu nói rằng “Thiên vô tam nhật thanh, địa vô tam lý bình” (Trời chưa bao giờ nắng quá 3 ngày, đất không chỗ nào có được 3 dặm bằng phẳng), quả đúng là một sự tả thực hay nhất đối với nơi đây. Trước kia, tình hình giao thông ở cao nguyên Vân Quý vô cùng lạc hậu, ngoài tuyến đường ray rất hẹp nối từ thủ phủ tỉnh Vân Nam là Côn Minh sang đến Hà Nội của Việt Nam, thì không có một tuyến đường bộ, đường sắt nào gọi là đường hoàng. Từ Côn Minh đi đến lục địa luôn phải đi qua Việt Nam, rồi mới đi thuyền vòng qua phía bắc, giao thông vô cùng bất tiện.

Để giải quyết vấn đề giao thông ở vùng Tây Nam, từ thập niên 50 đến nay, nhà nước đã đầu tư một số vốn rất lớn, và trong điều kiện vô cùng khó khăn đó, lần lượt xây dựng các tuyến đường sắt Thành Du (thành phố Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên – thành phố Trùng Khánh), tuyến đường sắt Bảo Thành (thành phố Bảo Khê tỉnh Thiểm Tây – thành phố Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên), tuyến đường sắt Xuyên Kiếm (thành phố Trùng Khánh – thành phố Quý Dương tỉnh Quý Châu), tuyến đường sắt Tương Kiếm (thành phố Chu Châu tỉnh Hồ Nam – thành phố Quý Dương tỉnh Quý Châu), tuyến đường sắt Quý Côn (thành phố Quý Dương tỉnh Quý Châu – thành phố Côn Minh tỉnh Vân Nam), tuyến đường sắt Thành Côn (thành phố Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên – thành phố Côn Minh tỉnh Vân Nam), tuyến đường sắt Tương Du (thành phố Tương Phàn tỉnh Hồ Bắc – thành phố Trùng Khánh), nhiều tuyến đường sắt đã cho lắp đặt thêm các đầu kéo xe điện, từ đó đã cải thiện đáng kể tình hình giao thông lạc hậu ở vùng Tây Nam. Năm 1997 xây dựng tuyến đường sắt Nam Côn (thành phố Nam Ninh khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây – thành phố Côn Minh tỉnh Vân Nam) xuyên qua phía tây nam tỉnh Vân Nam, phía tây nam tỉnh Quý Châu và phía tây bắc tỉnh Quảng Tây, sau đó chạy thẳng đến thành phố cảng Bắc Hải ở vùng duyên hải tỉnh Quảng Tây, là đầu mối giao thông quan trọng dẫn ra biển ở vùng Tây Nam.

Việc xây dựng các tuyến đường bộ ở vùng Tây Nam cũng có sự phát triển nhanh chóng, các thành phố huyện thị giữa các tỉnh trong vùng và giữa một số tỉnh thành ở bên ngoài đều có nhiều tuyến đường có thể thông nhau, trong đó cũng bao gồm một số tuyến đường bộ có đẳng cấp khá cao. Sau thập niên 50 của thế kỷ XX, tuyến đường bộ Xuyên Tạng nối liền Thành Đô Tứ Xuyên đến Lhasa Tây Tạng và tuyến đường bộ Điện Tạng từ Côn Minh tỉnh Vân Nam đến Lhasa liên tục được xây dựng, quá trình xây dựng công trình này vô cùng gian khổ, núi cao đường xa hiểm trở, nhưng nó đã phát huy tác dụng vô vùng quan trọng trong việc tăng cường liên kết giữa Tây Tạng và nội địa. Ở Thành Đô, Trùng Khánh, Côn Minh, Quý Dương đều có những sân bay dân dụng quy mô lớn, có thể thông nhiều đường bay đến nhiều thành phố trong và ngoài nước.

📖 Tài liệu trích dẫn

CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒ GIANG YẾN

Công trình thủy lợi đập Đồ Giang nằm trên sông Dân, phía tây thành phố Đồ Giang Yến tỉnh Tứ Xuyên, được xây dựng từ năm 256 trước Công nguyên, là một công trình thủy lợi với quy mô lớn được Lý Băng – quan khâm sai quận Thục của nước Tần lệnh cho xây dựng. Điều vĩ đại của công trình này là tuy đã được xây dựng từ hơn 2200 năm trước, nhưng công trình vẫn không hề bị hư hại, mà còn phát huy được hiệu quả càng ngày càng cao.

Dựa vào thực địa địa mạo khu vực và dòng chảy của dòng sông, Lý Băng đã quyết định chia dòng chảy con sông ra hai dòng để khiến cho một dòng nước tiếp tục chảy theo dòng bình thường của nó còn dòng kia chảy vào đồng ruộng của người dân. Nhưng đã có một vấn đề lớn. Ngọc Lũy Sơn là một đồi đá đã cản lối đi đến đồng bằng Thành Đô. Ông đã cho cắt một lối xuyên qua đồi này. Nhưng đá của đồi này quá cứng nên không đào được. Do đó ông đã cho chất củi và cỏ lên trên đá và đốt, sau đó tưới nước lạnh lên. Việc thay đổi nhiệt độ này khiến đá nứt ra và họ đã có thể đào được đá. Công việc này mất 7 năm và cuối cùng họ đã đào được một lối xuyên qua đồi đến vùng đồng bằng với chiều rộng 20 m. Nông dân ở đây gọi nó là Bào Bình Khẩu (cổ chai). Ngày nay công trình này vẫn đang được sử dụng và giúp tưới tiêu hơn 5.300 km² đất của khu vực này.

Đường thủy trên dòng Trường Giang nối liền Tứ Xuyên và Trùng Khánh với bên ngoài được gọi là tuyến Xuyên Giang, trong suốt một thời gian dài, do dòng nước trên sông chảy xiết, dưới lòng sông vô cùng nguy hiểm nên tuyến đường thủy này luôn khiến thuyền bè chỉ nhìn thôi đã thấy sợ hãi. Từ khi dựng nước đến nay, nhà nước đã tiến hành trị thủy toàn diện ở dòng nước này, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho tàu thuyền qua lại. Từ đầu thập niên 80 thế kỷ XX, cùng với việc xây dựng trạm thủy điện đập Cát Châu, điều kiện thông tàu thuyền ở đoạn Tam Hiệp Trường Giang vốn dĩ rất nguy hiểm này đã được nâng cao hơn. Công trình thủy lợi Tam Hiệp đang được xây dựng hiện nay, sau khi xây dựng xong sẽ hình thành một hồ nhân tạo dài mà phía trên có thể đi đến Trùng Khánh, phía dưới có thể đi đến Nghi Xương, đến khi đó, Tam Hiệp sẽ trở thành một mạch giao thông dưới nước không gì có thể ngăn cản.

Thiên phủ chi quốc và khu kinh tế Thành Du

Tứ Xuyên được khai phá tương đối sớm, trình độ kinh tế cao hơn so với Vân Nam và Quý Châu, từ xưa nơi đây đã được gọi là “thiên phủ chi quốc” (đất nước thiên đường). Đồng bằng Thành Đô nằm ở phía tây Tứ Xuyên có địa hình bằng phẳng, đất đai phì nhiêu màu mỡ. Hơn 2000 năm trước, người dân ở địa phương nơi đây đã tận dụng độ dốc tự nhiên trên đoạn sông Dân chảy qua hang núi cao trên núi Sùng để xây dựng công trình thủy lợi Đồ Giang Yến, để dẫn nước sông Dân lên những vùng đồng bằng. Từ đó, đồng bằng Thành Đô không còn bị hạn hán hoành hành, mùa màng bội thu, cho đến nay nơi này vẫn là khu vực nông nghiệp phát triển quan trọng trong cả nước. Tứ Xuyên là một tỉnh đông dân, cũng là một tỉnh có sản lượng lương thực rất lớn.

Do ảnh hưởng của địa hình, điều kiện nhiệt lượng của thung lũng Tứ Xuyên đều ưu việt hơn so với những tỉnh có cùng vĩ độ như Hồ Bắc, An Huy và Giang Tô.



Đồng bằng Thành Đô khi hậu ấm áp, dân số đông đúc, nông nghiệp phát triển, từ trước đến nay là khu vực canh tác nông nghiệp quan trọng của Trung Quốc.

Tuy những sản phẩm nông nghiệp của Tứ Xuyên cũng gần giống với những nơi kể trên, nhưng vì điều kiện nhiệt lượng tốt, nên sản lượng cao hơn, các sản phẩm nông nghiệp cũng phong phú hơn. Tứ Xuyên có thể trồng những loại hoa quả của vùng nhiệt đới Nam Á như vải, nhãn lồng, và những sản phẩm này chỉ có thể thấy ở Quảng Đông, Quảng Tây và Phúc Kiến.

Nguồn tài nguyên dưới lòng đất ở Tứ Xuyên cũng rất phong phú, có rất nhiều loại kim loại màu và các loại mỏ quặng như sắt, than, khí thiên nhiên và dầu mỏ. Ở Phàn Chi Hoa bên bờ sông Kim Sa tại Tứ Xuyên, có mỏ quặng sắt lớn nhất khu vực Tây Nam của Trung Quốc. Những quặng sắt này có những kim loại màu có chứa vanadium, titan v.v., trữ lượng đứng đầu thế giới. Nơi đây có xưởng gang thép quy mô lớn, ngoài việc có thể sản xuất mấy triệu tấn sắt, còn có thể luyện các kim loại màu như vanadium, titan v.v.. Xung quanh vùng khai thác và luyện kim ở Phàn Chi Hoa, một thành phố công nghiệp mới hiện đại hóa đã được xây dựng ở vùng núi cao bên bờ sông Kim Sa, đó là thành phố Phàn Chi Hoa.

Tứ Xuyên là nơi khai thác khí thiên nhiên quan trọng của Trung Quốc, thành phố Tự Cổ từ xưa đã nổi tiếng từ ngành sản xuất muối giếng, được đặt tên là "diêm đô" (thành phố của muối). Người địa phương nơi đây tận dụng ngay khí thiên nhiên có được trong quá trình khai thác muối giếng để nấu muối, những công việc này đã có hơn 1000 năm lịch sử. Hiện nay khí thiên nhiên đã được khai thác toàn diện hơn, và được sử dụng vào ngành công nghiệp hóa học một cách rộng rãi hơn.

Tài nguyên thủy lực của tỉnh Tứ Xuyên vô cùng phong phú. Nhánh sông chính của Trường Giang – sông Kim Giang, cũng như những dòng phụ lưu như sông Đại Độ, sông Nhã Lung, sông Ô, sông Dân v.v. đều chứa một nguồn tài nguyên thủy lực dồi dào,

tổng trữ lượng đứng đầu cả nước. Những công trình thủy điện đã được khai thác và xây dựng gồm có: trạm thủy điện Cống Chủy trên sông Đại Độ, trạm điện Ô Giang Độ trên sông Ô (nằm trong địa phận tỉnh Quý Châu) và trạm điện Nhị Than trên sông Nhã Lung.

Hai thành phố có quy mô lớn ở thung lũng Tứ Xuyên là Thành Đô và Trùng Khánh, một thành phố ở phía tây bắc thung lũng, một thành phố ở phía đông nam thung lũng, có một tuyến đường sắt – Thành Du (thành phố Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên – thành phố Trùng Khánh) đi ngang qua. Bốn phía của Thành Đô và bốn phía của Trùng Khánh cũng như trên tuyến đường sắt Thành Du có nhiều thành phố lớn nhỏ khác, ví dụ như thành phố Tự Cống, Nội Giang, Lô Châu, Nghi Tân, Đức Dương, Miên Dương v.v., hầu như mỗi thành phố đều có đặc điểm riêng của mình, một số ngành sản xuất có vai trò quan trọng trong vùng phía tây của Trung Quốc. Những thành phố này luôn liên kết và bổ sung cho nhau, tạo thành khu kinh tế Thành Du rất giàu thực lực.

Thành phố trực thuộc trung ương – Trùng Khánh được thành lập vào năm 1997, đây là thành phố “nhỏ tuổi” nhất trong 4 thành phố trực thuộc trung ương của Trung Quốc, thế nhưng đây lại là thành phố tiềm lực nhất. Trùng Khánh có diện tích 82.000 km², tổng dân số lên đến 30,02 triệu người.

Trùng Khánh nằm ở đoạn giao của dòng Trường Giang và sông Gia Lăng, cũng là điểm giao của ba tuyến đường sắt Thành Du, Tương Du và Xuyên Kiếm, là đầu mối giao thông quan trọng của khu vực Tây Nam. Trùng Khánh còn là trung tâm kinh tế lớn nhất ở vùng Tây Nam và khu vực thượng lưu Trường Giang của Trung Quốc. Công nghiệp có vai trò chủ đạo nhất trong kinh tế của Trùng Khánh, ba ngành công nghiệp chủ lực nhất là công nghiệp ô tô xe máy, công nghiệp hóa học và công nghiệp luyện kim, trong đó sản lượng ô tô xe máy chiếm 1/3 tổng sản lượng toàn quốc. Trùng Khánh còn có các ngành công nghiệp chiếm ưu thế khác như thiết bị điện máy, điện tử thông tin v.v..

Trùng Khánh có nguồn tài nguyên thiên nhiên rất phong phú. Ngoài những mặt hàng nông sản và nguồn tài nguyên nước rất đầy đủ, còn có các kim loại và phi kim có giá trị khai thác như than, khí thiên nhiên, sắt v.v.. Trùng Khánh là một trong rất ít thành phố lớn ở Trung Quốc có thể tự cung tự cấp các nguồn năng lượng.

Trùng Khánh có mối liên hệ rất mật thiết với các tỉnh ở Tây Nam và khu vực thượng lưu Trường Giang. Ở khu vực phía tây của Trung Quốc, Trùng Khánh có sức lan tỏa và sức thu hút rất mạnh. Với Trùng Khánh là trung tâm, trong phạm vi bán kính 500 km có dân số hơn 100 triệu dân, có 3 thành phố thủ phủ và thành phố lớn với dân số trên 2 triệu người, có hơn 30 thành phố vừa với dân số hơn 300.000 người, có công trình thủy điện lớn nhất Trung Quốc – công trình Tam Hiệp. Trùng Khánh với vai trò là một trung tâm kinh tế lớn, phát huy được vai trò này, sẽ mang lại ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và xã hội của khu vực Tây Trung Bộ ở Trung Quốc.

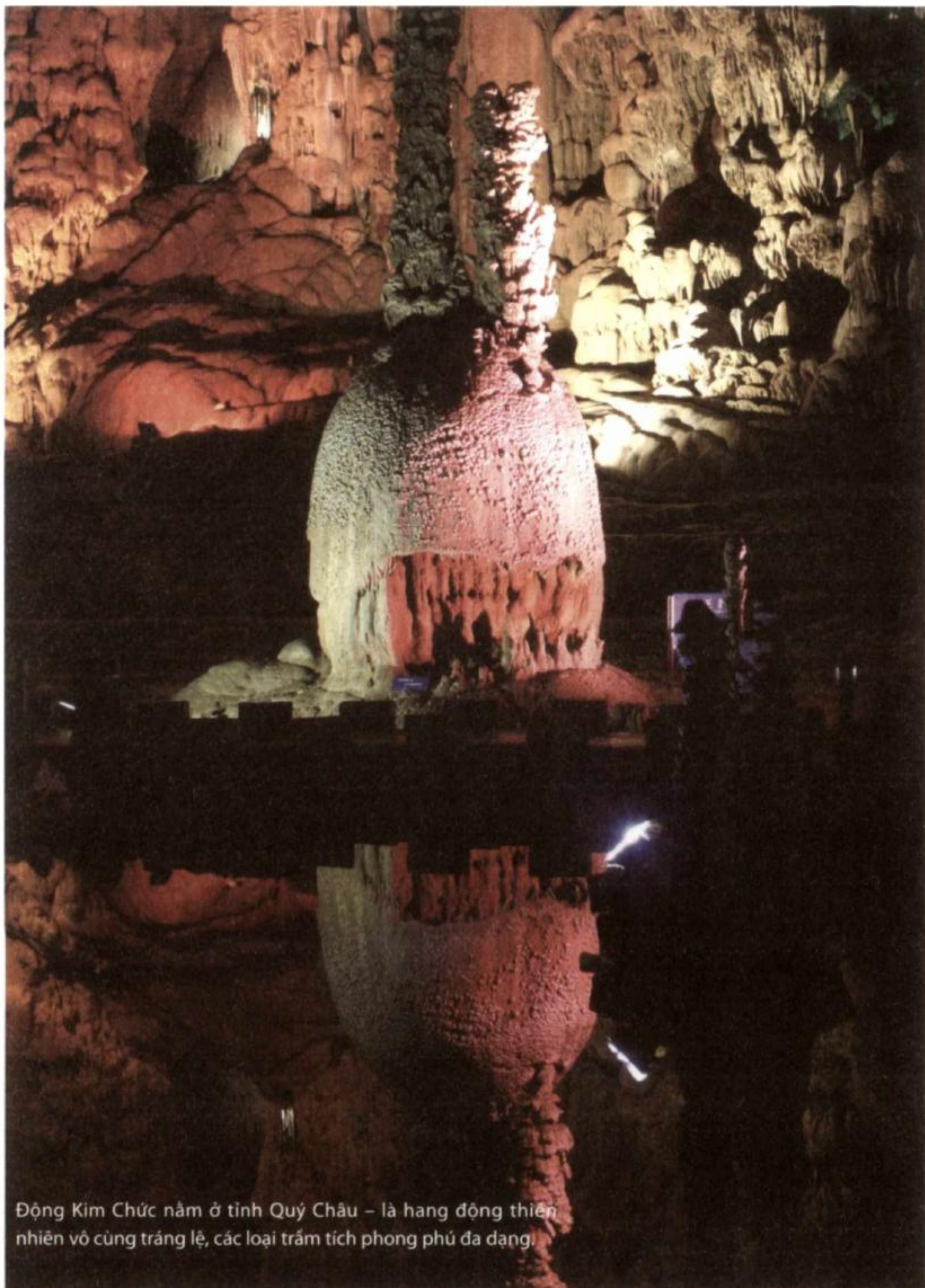
Địa hình karst⁽¹⁾

Vùng Tây Nam Trung Quốc có một khu vực núi đá vôi, trong đó, phân bố ở địa phận tỉnh Quý Châu chiếm đến 80% diện tích toàn tỉnh; ở phía đông của Vân Nam đá vôi phân bố trên địa bàn tỉnh chiếm hơn một nửa diện tích toàn tỉnh. Do khí hậu nóng và bị nước xói mòn trong thời gian dài, nên nơi đây đã hình thành một địa hình karst trên một bề mặt rất rộng lớn. Địa hình karst chia thành măng đá, rừng đá, các lỗ hổng do xói mòn, các vũng do xói mòn, các hang động, các hang động dưới nước và các dòng sông dưới lòng đất v.v.. Các hình thái địa hình này tiêu biểu cho từng giai đoạn khác nhau trong quá trình sinh trưởng của đá vôi, ở Vân Nam và Quý Châu, đâu đâu cũng có thể thấy được địa hình karst. Ở khu vực Lộ Nam của tỉnh Vân Nam có rất nhiều các "rừng đá", tại một khu vực không lớn lắm, những tảng đá vôi cao từ vài mét cho đến vài chục mét tạo thành những cột đá cao thấp đan xen, hình thành nên một "khu rừng" toàn bằng đá, hiện nay, "rừng đá" đã được khai thác thành một khu phong

(1) Karst là hiện tượng phong hóa đặc trưng của những miền núi đá vôi bị nước chảy xói mòn. Sự xói mòn không phải do cơ chế lực cơ học, mà chủ yếu là do khí đioxit các bon (CO_2) trong không khí hòa tan vào nước, cộng với các ion dương của hydro (H^+) tạo thành axit cacbonic. Axit cacbonic là thủ phạm chính trong quá trình ăn mòn đá vôi. Sản phẩm tự nhiên của quá trình phong hóa karst là các hang động vôi các nhũ đá, măng đá, sông suối ngầm,...



Rừng đá Lộ Nam nằm ở tỉnh Vân Nam là dạng địa mạo đá xói mòn điển hình, rừng đá đứng sừng sững trên mặt đất khiến mọi người mỗi lần ngược mắt trông lên đều không khỏi kinh ngạc.



Động Kim Chức nằm ở tỉnh Quý Châu – là hang động thiên nhiên vô cùng tráng lệ, các loại trầm tích phong phú đa dạng.

cảnh du lịch. Ngoài ra, khu phong cảnh Li Giang Quế Lâm nằm ở địa phận ngoại ô tỉnh Quảng Tây lại là một loại hình khác biệt trong địa mạo karst, đó là địa hình phong lâm (cánh rừng của những đỉnh núi cao).

Địa hình karst có giá trị du lịch quan trọng. Ngoài rừng đá Lô Nam đã nói trên, thác nước Hoàng Quả Thụ ở địa phận Quý Châu cũng là sản vật của karst. Thác nước này có chiều cao hơn 60m, nước chảy từ vách đá cao rồi đổ xuống, hình thành nên một bức rèm bằng nước, phát ra âm thanh vang dội một vùng, tạo nên cảnh tượng vô cùng khí thế và hùng vĩ. Ở vùng lân cận với thác nước Hoàng Quả Thụ còn có không ít thác nước nhỏ khác, hình thành một quần thể thác nước với phạm vi rất lớn, có giá trị khai thác cao.

Khu vực núi đá vôi là một trong những vùng nghèo nhất ở Trung Quốc. Đó là do bên dưới của những dãy núi đá thường có rất nhiều vết nứt và động đất, nên khi nước mưa rơi xuống mặt đất không giữ lại được, vì thế mà làm cho các khu vực ở đây đều bị thiếu nước, do vậy gây ra những hạn chế và trở ngại rất lớn cho việc phát triển nông nghiệp. Những năm gần đây, khu vực này luôn là khu vực trọng điểm cần phải đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo. Giữa vùng núi đá vôi này có những vùng trũng do xói mòn diện tích tương đối lớn, hoặc những thung lũng khá rộng, điều kiện tự nhiên khá tốt, địa hình thấp, bằng phẳng, có những thôn xóm tương đối lớn phát triển mạnh về nông nghiệp và công nghiệp. Người dân nơi đây gọi những vũng nước do xói mòn này là “bá tử” (máng nước), có một số máng nước diện tích có thể lên đến hơn 100km², ở đó có những đường ngang ngõ hẻm, từ thôn nọ nhìn sang thôn kia, chính là những tinh hoa của khu vực đá vôi này. Côn Minh – thủ phủ của tỉnh Vân Nam và Quý Dương thủ phủ của tỉnh Quý Châu đều nằm ở những thung lũng lớn nhất giữa những dãy núi trong địa bàn tỉnh.

Việc nghiên cứu và xử lý địa hình karst có liên quan mật thiết đến sự phát triển kinh tế của khu vực, cũng là một vấn đề nghiên cứu quan trọng của khoa học địa chất. Trung Quốc nghiên cứu địa hình karst đã có lịch sử lâu đời. Ngay vào cuối đời Minh từ 400 năm trước, nhà lý hành Trung Quốc Từ Hà Khách đã từng dốc hết tâm sức của mình để tiến hành hàng loạt các khảo sát đối với địa hình karst ở nơi này. Những ghi chép đặc sắc của ông về khu địa hình karst ở Vân Nam và Quý Châu trong tác phẩm “Từ Hà Khách du ký”, cho đến nay vẫn còn những giá trị khoa học rất quan trọng.

Nhiều dân tộc

Vùng Tây Nam là khu vực tập trung đông nhất các dân tộc thiểu số. Trong những dân tộc thiểu số này, dân tộc Di và dân tộc Miêu có dân số đông nhất, khoảng trên 5 triệu người; dân tộc Bố Y, Đổng, Bạch, Hà Nhì, Tạng v.v. đều có dân số khoảng trên 1 triệu người; các dân tộc thiểu số còn lại thường có dân số từ mấy chục ngàn

cho đến mấy trăm ngàn người; một số dân tộc cá biệt có dân số ít hơn, ví dụ như dân tộc Độc Long, dân số chỉ có vài ngàn người.

Dân tộc thiểu số ở tỉnh Tứ Xuyên chủ yếu phân bố ở dãy núi Hoàng Đoạn của phía tây tỉnh này. Dân tộc Khương và dân tộc Di tập trung ở các thung lũng khe núi Hoàng Đoạn, dân tộc Tạng lại sống ở vùng cao nguyên phía tây Tứ Xuyên, thói quen sống về cơ bản giống như dân tộc Tạng trên cao nguyên Thanh Tạng.

Sự phân bố của các dân tộc thiểu số ở hai tỉnh Vân Nam và Quý Châu có đặc điểm "đại tạp cư, tiểu tụ cư"⁽¹⁾, chung sống đan xen lẫn nhau. Theo thống kê, hai tỉnh Vân Nam và Quý Châu có đến 2/3 thôn xã là nơi các dân tộc tạp cư, nhưng trong mỗi một khu cư trú riêng thì lại có sự phân bố khá quy luật, mỗi dân tộc khác nhau dựa vào cách sống của riêng mình mà tự dựng lên cho mình một điểm cư trú tương đối độc lập. Có dân tộc cư trú trên vùng máng bằng phẳng, có dân tộc cư trú trên sườn núi, cũng có những dân tộc lại sống trên vùng núi cao, hình thành nên một bố cục cư trú có tên là cư trú kiểu "bậc thang".

Các dân tộc thiểu số ở vùng cao nguyên Vân Quý đều có lịch sử lâu đời và văn hóa dân tộc rất độc đáo. Đến cao nguyên Vân Quý du lịch, nơi nào cũng sẽ cảm nhận được các phong tục đậm đà bản sắc dân tộc.

Dân tộc Miêu và dân tộc Bố Y ở Quý Châu chủ yếu tập trung sinh sống ở phía nam tỉnh Quý Châu, có trình độ văn hóa khá cao. Nghề thêu thùa của dân tộc Miêu và nghề dệt in của dân tộc Bố Y là nghề thủ công truyền thống mà các phụ nữ của dân

(1) Là tình hình cư trú của các dân tộc ở Trung Quốc. Nếu nhìn từ việc cư trú của mỗi dân tộc, thì các dân tộc đều cư trú phân tán ở mọi tỉnh thành trên cả nước, như thế gọi là "đại tạp cư". Nhưng nếu nhìn từ mỗi tỉnh thành khu vực, thì người dân tộc thiểu số lại cư trú theo từng nhóm, từng thôn, hoặc từng huyện, như vậy gọi là "tiểu tụ cư".

"Đông Ba Kinh", là kinh thư của đạo Đông Ba – một tôn giáo nguyên thủy chỉ có riêng của dân tộc Nạp Tây. Văn tự viết trong sách là chữ tượng hình đồ họa nguyên thủy. Nó có một giá trị học thuật quan trọng trong lịch sử phát triển chữ viết của nhân loại.



tộc này ai cũng phải học và nắm được nghề. Đây cũng là hai nghề truyền thống có trình độ nghệ thuật khá cao và nổi tiếng trong nước.

Dân tộc thiểu số ở Vân Nam phần nhiều là các dân tộc Nạp Tây, dân tộc Bạch, dân tộc Hà Nhì và dân tộc Thái. Dân tộc Nạp Tây tập trung cư trú ở vùng Lệ Giang của Vân Nam, có ngôn ngữ và chữ viết riêng. "Đông Ba Kinh" được viết bằng chữ Nạp Tây có rất nhiều trong sách vở, có một giá trị lịch sử và giá trị văn học rất cao. Trong lịch sử của dân tộc Nạp Tây đã từng xuất hiện không ít các chuyên gia học giả nổi tiếng.

Người Moso sống ở ven hồ Lô Cô phía tây tỉnh Vân Nam, là một chi thuộc dân tộc Nạp Tây, cũng là dân tộc duy nhất của Trung Quốc còn bảo tồn xã hội mẫu hệ truyền thống. Ở đây, hôn nhân của thanh niên nam nữ vô cùng tự do, chỉ cần nam có tình, nữ có ý là họ có thể sống chung với nhau, hôn nhân của thanh niên nam nữ cũng không ổn định, họ có thể giải thoát mối quan hệ bất cứ lúc nào. Hôn nhân kiểu này gọi là "hôn nhân A Chú". Trong hôn nhân A Chú, con cái sinh ra sẽ thuộc về người phụ nữ, người đàn ông không chịu bất cứ nghĩa vụ gì. Sự di tồn xã hội mẫu hệ của người Moso, đã được sự chú ý rộng rãi của các học giả trong và ngoài nước.

Dân tộc Bạch sống ở giữa Thương Sơn và Nhĩ Hải tỉnh Vân Nam, hơn 1000 năm trước đã từng xây dựng ở nơi đây nước Nam Chiếu và nước Đại Lý rồi cứ thế mà theo đó mấy trăm năm. Ngày nay, di chỉ Thái Hòa Thành, ba tháp chùa Sùng Thánh và bia Đức Hóa Nam Thiệu ở gần thành phố Đại Lý chính là biểu tượng văn hóa trong thời kỳ phát triển cao của dân tộc Bạch. "Tam Nguyệt nhai" là ngày lễ truyền thống của dân tộc Bạch, mỗi khi đến ngày mùng 3 tháng 3 âm lịch, trên đường Đại Lý nằm giữa Thương Sơn và Nhĩ Hải, từng dòng người đông như kiến, nam nữ thanh niên dân tộc Bạch mặc trang phục truyền thống vừa hát vừa nhảy múa tạo nên một bầu không khí thật vui tươi.

Dân tộc Thái sống ở Tây Song Bản Nạp thuộc biên thủy tây nam tỉnh Vân Nam, cư trú ở ven sông Lan Thương, nơi có địa thế tương đối thấp. Dân tộc này nổi tiếng từ những vũ điệu tuyệt đẹp và những phong tục tập quán rất đặc sắc. Nơi đây thuộc vùng nhiệt đới, từng dải cao su, cà phê và những gian nhà sàn dựng bằng tre đan xen, tạo nên một phong cảnh miền nhiệt đới vô cùng đặc sắc. Dân tộc Thái theo giáo phái Tiểu thừa trong đạo Phật, những em bé ngay từ nhỏ đã phải vào chùa xuất gia.

Tháp Phật của dân tộc Thái có dáng tròn nhưng nhọn đỉnh, đây chính là biểu tượng nổi bật nhất của những gia đình dân tộc Thái. Vào năm mới của người Thái, nhà nhà người người Thái đều chung vui một lễ hội rất đặc biệt, đó là "Lễ Tạt nước" để cầu chúc cho con người mạnh khỏe, mùa màng bội thu.

Dân tộc Hà Nhì chủ yếu tập trung sinh sống ở vùng núi Ai Lao miền Nam Vân Nam và hai bên bờ sông Hồng. Dân tộc Hà Nhì có nghề canh tác nông nghiệp phát triển, trên sườn núi cao thuộc núi Ai Lao, họ làm thành ruộng bậc thang, tạo thành cảnh quan nhân sinh rất nổi tiếng.

● Liên kết tư liệu

LỄ TẠT NƯỚC

Lễ Tạt nước là ngày lễ long trọng nhất của dân tộc Thái, cũng là ngày lễ có ảnh hưởng lớn nhất, có số người tham gia đông nhất trong những ngày lễ của các dân tộc thiểu số ở Vân Nam. Lễ Tạt nước diễn ra vào năm mới của người Thái, vào trung tuần tháng 4 dương lịch, lễ hội thường kéo dài từ 3 đến 7 ngày. Ngày thứ nhất tiếng Thái gọi là "Mạch nhật", có nét tương đồng với đêm giao thừa tết âm lịch; ngày thứ hai tiếng Thái gọi là "Nã nhật" (không nhật); ngày thứ ba là năm mới, gọi là "Bá vòng mã", tức là ngày đầu năm, mọi người coi đây là ngày tốt đẹp nhất, ngày may mắn nhất. Vào sáng sớm ngày lễ, già trẻ gái trai dân tộc Thái đều mặc những bộ lễ phục đi gánh nước trong, trước tiên họ đến tháp Phật để tắm Phật, sau đó bắt đầu tạt nước lên người nhau, cùng chúc nhau cát tường như ý, hạnh phúc và khỏe mạnh. Mọi người vừa nhảy múa hát ca, vừa la hét "nước! nước! nước", tiếng chiêng tiếng trống vang dội trời xanh, nước bắn tung tóe như rắc hoa, cảnh tượng vô cùng ngoạn mục.

Động thực vật quý hiếm

Cho đến nay, vùng Tây Nam Trung Quốc vẫn bảo tồn được không ít các loại động thực vật quý hiếm trên thế giới.

Gấu trúc là động vật quý hiếm của thế giới còn sót lại ở Trung Quốc, vì thế mà nó được mọi người gọi là "quốc bảo" của nước này. Các hóa thạch cổ đã chứng minh rằng, trong mấy triệu năm trước, gấu trúc đã từng rất sinh sôi, và phạm vi sinh sống của chúng gần như có ở khắp các tỉnh thành ở miền Nam Trung Quốc, thậm chí ở Châu Khẩu Điểm – Bắc Kinh, là nơi thuộc vùng Hoa Bắc mà cũng có dấu tích của loài động vật này. Về sau, do thời tiết khí hậu thay đổi nhiều lần, đặc biệt là những lần nhiệt độ khí hậu quá thấp trong thời kỳ băng hà, đã làm chủng loại và số lượng của gấu trúc bị giảm đi một cách nhanh chóng, gần như đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Hiện nay, gấu trúc chỉ sống ở khu vực ranh giới giữa Tứ Xuyên, Cam Túc và Thiểm Tây. Nơi này đã

Gấu trúc, loài động vật hoang dã đang sinh sống ở khu bảo tồn thiên nhiên.



cho xây dựng nhiều khu bảo tồn thiên nhiên với mục đích chủ yếu là bảo vệ gấu trúc. Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọa Long ở vùng núi phía tây tỉnh Tứ Xuyên là khu tiêu biểu trong số đó. Khu bảo tồn này được xây dựng vào năm 1975 với diện tích 2.000 km². Nơi đây núi cao rừng sâu, lượng mưa dồi

dào, thực vật phát triển tốt; đặc biệt là món ăn khoái khẩu của loài gấu trúc – cây tre, sinh trưởng rất tốt tươi, vì thế mà đã cung cấp cho gấu trúc một nguồn thực phẩm vô cùng dồi dào. Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọa Long là nơi có loài gấu trúc tập trung nhiều nhất của Trung Quốc, hiện có khoảng 100 con gấu trúc đang sinh sống ở đây.

Quỹ Động vật hoang dã Thế giới của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế đặc biệt quan tâm đến công tác bảo vệ loài gấu trúc của Trung Quốc nên đã cùng các nhà khoa học của Trung Quốc xây dựng một trạm quan sát các sinh thái của loài gấu trúc tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên Ngọa Long, từ đó tiến hành nghiên cứu kỹ lưỡng về nhiều vấn đề như môi trường hoạt động, thói quen sinh hoạt, quá trình phồn thực và phát triển chủng loài của gấu trúc, cũng như những ảnh hưởng của hoạt động con người đối với loài động vật này, rồi từ đó đưa ra thêm nhiều các biện pháp bảo vệ gấu trúc một cách hiệu quả hơn.

Tây Song Bản Nạp nằm ở phía nam của tỉnh Vân Nam, nơi đây khí hậu quanh năm nóng bức mưa nhiều, trên núi có cánh rừng nhiệt đới hiếm hoi của Trung Quốc. Trong rừng mưa nhiệt đới này cây cối xanh tươi rậm rạp, rễ cây chằng chịt, quanh năm cây lá xanh tươi, hoa nở bạt ngàn. Các loài cây cối trong rừng cũng rất đa dạng, những loài thực vật cao cấp đã được tìm thấy có hơn 4000 loài, trong đó có không ít loài thực vật đều nằm trong danh sách bảo vệ trọng điểm cấp một, cấp hai của nhà



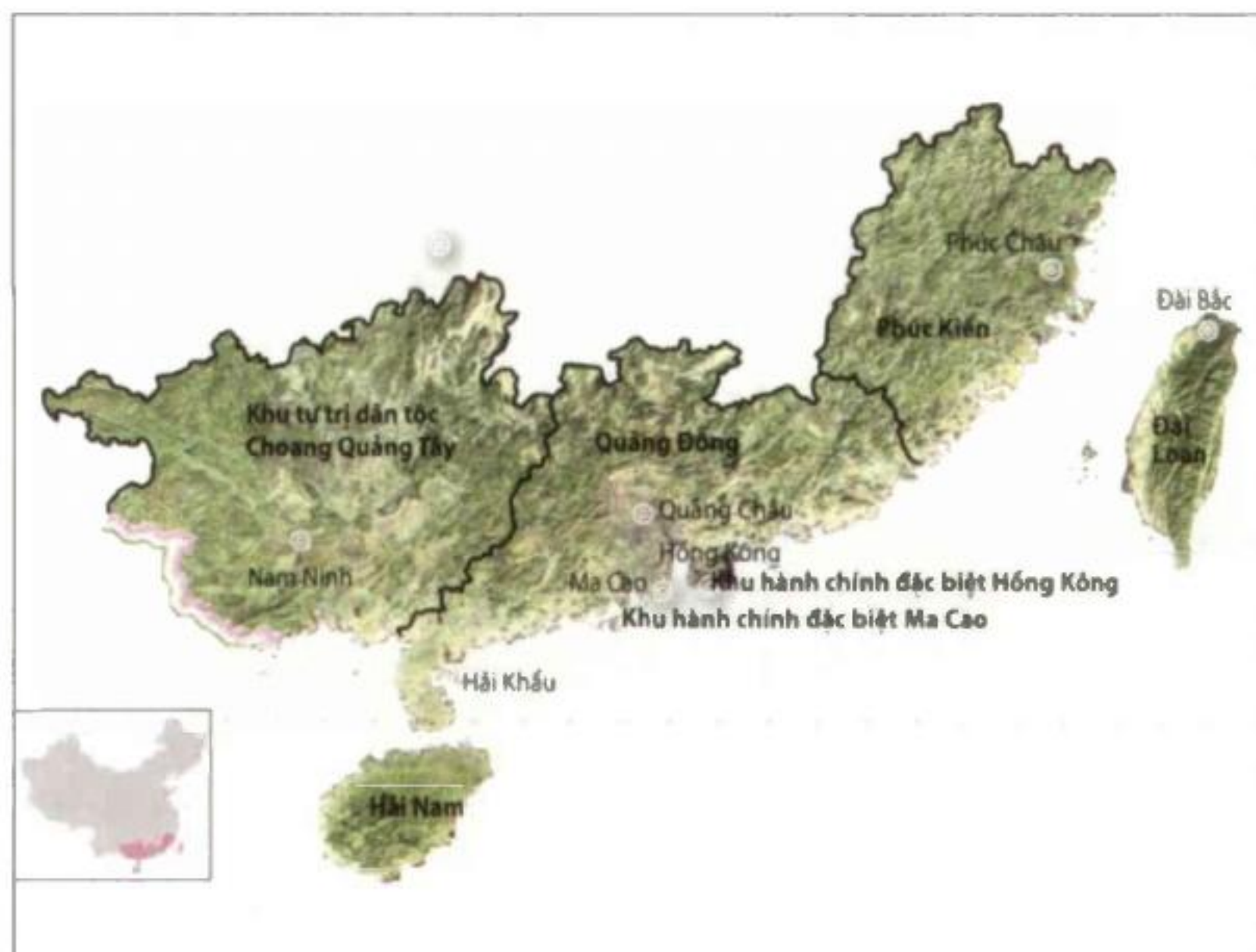
Cây đa bộp cổ (Strangler fig) – loài cây thường thấy ở khu rừng mưa nhiệt đới. Từ một hốc cây, hạt của chúng nảy mầm thành cây non, chúng dần thả bộ rễ xuống bao phủ thân và che khuất ngọn cây chủ, trong khi ngọn không ngừng vươn lên cao để đón ánh sáng. Cây chủ bị cạnh tranh dinh dưỡng, đồng thời bị siết chặt và bị thiếu ánh sáng nên suy yếu và chết dần.

nước. Có loại thực vật có giá trị kinh tế rất cao, có loại cây cối có thể ép lấy dầu, có loại cây có thể ép để lấy hương liệu, có loại lại là nguyên liệu thuốc Đông y quan trọng và quý hiếm. Cây tam thất, là thành phần chủ yếu trong Bạch Dược Vân Nam có hiệu quả cầm máu, chống viêm tiêu sưng... chính là loại cây sống trong khu rừng mưa nhiệt đới Tây Song Bản Nạp. Trong rừng mưa nhiệt đới này, có không ít loài động vật quý hiếm sinh sống nơi đây, voi châu Á, loài công xanh, hổ Bengal v.v. đều là những loài động vật khá nổi tiếng.

Do kinh tế phát triển và sự gia tăng dân số, thực vật cây cối nhiệt đới ở Tây Song Bản Nạp không ngừng bị chặt phá hủy hoại. Để bảo vệ rừng mưa nhiệt đới cũng như các loài động vật quý hiếm sinh sống trong rừng của Tây Song Bản Nạp, Trung Quốc đã cho xây dựng tại nơi này một khu bảo tồn thiên nhiên. Đồng thời, điều động và tập trung các chuyên gia cùng thành lập Sở Nghiên cứu động thực vật nhiệt đới ở Tây Song Bản Nạp, chuyên tiến hành công tác nghiên cứu tận dụng và bảo vệ động thực vật ở Tây Song Bản Nạp. Nhà nước đã tiến hành nghiên cứu và gây giống các loại thực vật kinh tế nhiệt đới ở Tây Song Bản Nạp trong một thời gian dài, các loại cây được gây giống ở đây như cây cao su, cây ca cao, cây cà phê v.v. đều đã thành rừng và gặt hái được hiệu quả kinh tế rất cao.

VÙNG HOA NAM

Vùng Hoa Nam bao gồm 5 tỉnh, khu tự trị là Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, Hải Nam, Đài Loan và hai khu hành chính đặc biệt là Hồng Kông và Ma Cao. Vì vùng



này nằm ở cực nam của Trung Quốc, do vậy hầu hết các tỉnh thành đều thuộc khu vực nhiệt đới và á nhiệt đới, điều kiện tự nhiên, cảnh quan nhân sinh có sự khác biệt rõ nét so với khu vực trung và hạ lưu Trường Giang.

Lịch sử quan hệ đối ngoại lâu đời, số lượng Hoa kiều đông

Vào thời cổ đại, vùng Nam Hoa của Trung Quốc thuộc khu vực miền Nam xa xôi, trong lịch sử phát triển lâu dài, đã hình thành nên những đặc điểm nhân sinh khác hẳn so với vùng trung nguyên. Do khu vực này bị chia tách trong thời gian dài, nên cư dân giữa các nơi cũng có sự khác biệt rõ nét, mỗi nơi có phương ngữ khác nhau, như vùng Hạ Môn, Tuyền Châu – Phúc Kiến sử dụng tiếng Phúc Kiến (Minnan), ở khu vực Triều Châu, Sán Đầu – Quảng Đông thông dụng tiếng Triều Châu, ở khu vực Hạ Môn lại nói tiếng Quảng Châu. Dân cư ở Hoa Nam có truyền thống lâu đời trong việc làm ăn buôn bán với bên ngoài. Tại các tỉnh, khu vực trong vùng đều có đường biển dài nhất định, đặc biệt là hai tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, không những đường biển dài, mà còn có rất nhiều cảng vịnh ven biển với điều kiện ưu việt, trong đó có các nơi như Tuyền Châu, Quảng Châu từ xưa đã là cửa khẩu quan trọng trong thương mại đối ngoại của Trung Quốc. Vào thời kỳ Nam Tống từ 1000 năm trước, Tuyền Châu đã phát triển thành một thương cảng lớn với quy mô thế giới, các doanh nhân, nhà buôn đến từ khắp nơi trên thế giới nườm nượp kéo đến Tuyền Châu buôn bán làm ăn và sinh sống. Cùng lúc đó, cũng có không ít người Trung Quốc theo thuyền bè di cư đến khu vực Đông Nam Á. Sau Chiến tranh Nha phiến vào năm 1840, Trung Quốc mở rộng cánh cửa, người dân ở vùng Hoa Nam đi đến nước khác để mưu sinh cũng càng nhiều thêm. Các kiểu bào mang theo ngôn ngữ địa phương của mình ra nước ngoài.



Thành phố Quảng Châu nằm ngay trung tâm khu vực tam giác Châu Giang, mức độ tụ hợp và lan tỏa của kinh tế vùng này có ảnh hưởng đến khắp mọi nơi trên cả nước cũng như khu vực Đông Nam Á và thế giới.

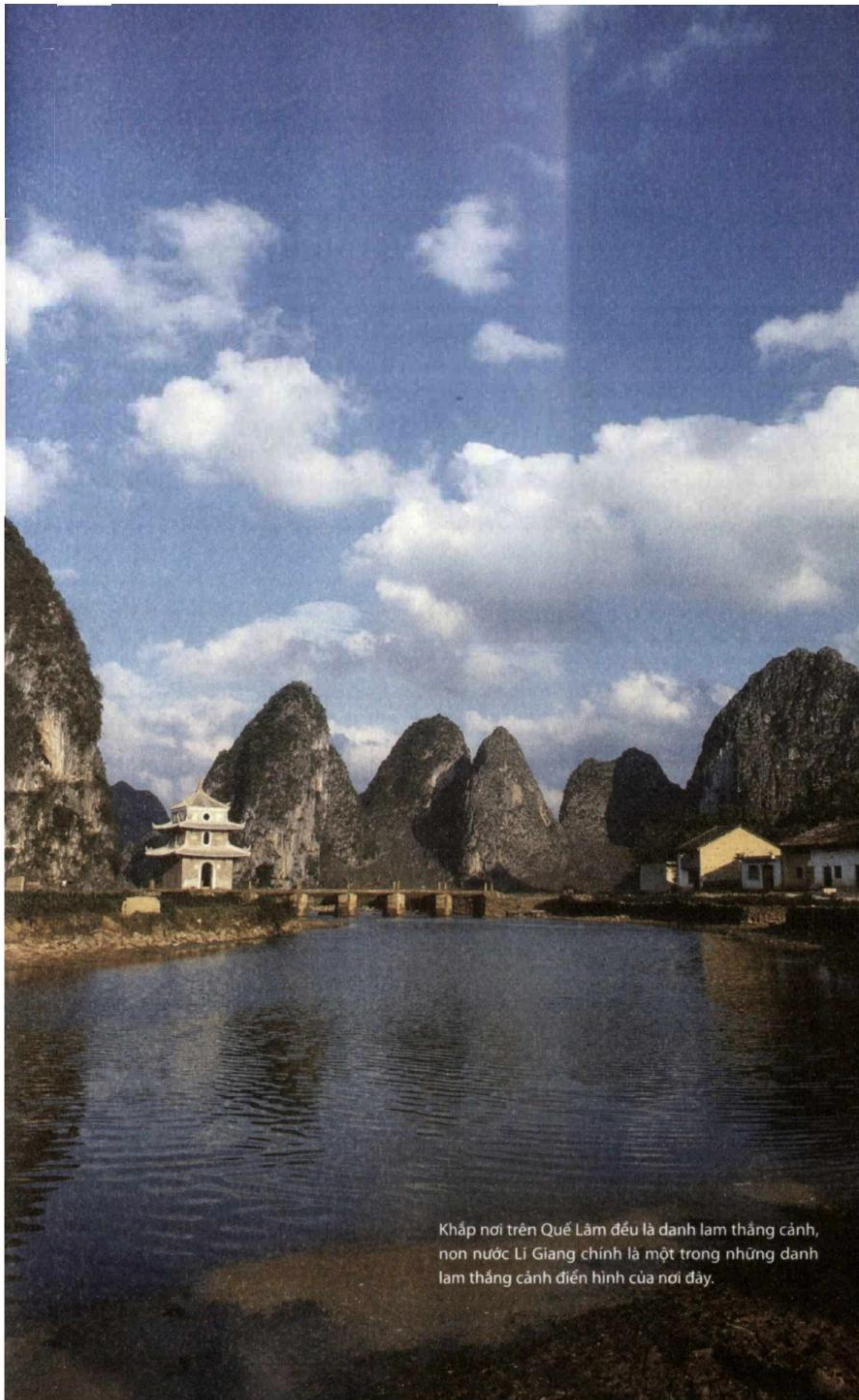
Cho đến ngày nay, tiếng Phúc Kiến, tiếng Triều Châu, tiếng Quảng Đông vẫn là ngôn ngữ thông dụng của người Hoa kiều ở một số quốc gia và khu vực.

Theo thống kê, trong số Hoa kiều sống ở khắp nơi trên thế giới, có đến hơn 15 triệu người đến từ vùng Hoa Nam (chủ yếu tập trung ở những nơi thuộc tỉnh Phúc Kiến như thành phố Tuyền Châu, thành phố Hạ Môn, thành phố Chương Châu và những nơi thuộc tỉnh Quảng Đông như thành phố Triều Châu, thành phố Sán Đầu và cửa dòng Châu Giang v.v.), chiếm hơn một nửa tổng dân số Hoa kiều của Trung Quốc. Ngoài ra, khu vực này còn có hơn 6 triệu Hoa kiều trở về với thân nhân của họ, vì vậy mà nơi đây được Trung Quốc gọi là “quê hương của Hoa kiều”.

Tuy rằng Hoa kiều sống ở nước khác, nhưng họ vẫn rất yêu tổ quốc và yêu quê hương mình. Họ dùng tiền bạc của cải có được bằng sức lao động của mình để giúp cho quê hương phát triển. Ngay từ thập niên 70 của thế kỷ XIX, Hoa kiều ở Tuyền Châu đã quyên góp và xây dựng trường tiểu học Trù Anh trên quê hương, đây là một trong những trường học kiểu mới sớm nhất của Trung Quốc. Trần Gia Canh – một Hoa kiều yêu nước đã sáng lập nên trường Tập Mỹ vào năm 1913 và đến năm 1919 tiếp tục sáng lập nên trường Đại học Hạ Môn, cả hai trường học đều có sự ảnh hưởng rất lớn ở trong nước. Kể từ khi cải cách mở cửa vào năm 1978 đến nay, nhà nước đã xây dựng các đặc khu kinh tế ở những nơi như Thâm Quyến, Chu Hải, Sán Đầu của tỉnh Quảng Đông, Hạ Môn của tỉnh Phúc Kiến và tỉnh Hải Nam, mở cửa các thành phố ở vùng duyên hải như Phúc Châu của tỉnh Phúc Kiến, Quảng Châu, Tràm Giang của tỉnh Quảng Đông, Bắc Hải của khu tự trị dân tộc Choang – Quảng Tây v.v., đồng thời cũng mở cửa các khu vực như tam giác Châu Giang và khu tam giác Mân Nam: Hạ Chương Tuyền (thành phố Hạ Châu tỉnh Phúc Kiến; thành phố Chương Châu tỉnh Phúc Kiến và thành phố Tuyền Châu tỉnh Phúc Kiến), từ đó tiếp tục thu hút được nguồn vốn rất lớn từ Hoa kiều cũng như khu vực Hồng Kông, Đài Loan, phát triển mô hình kinh tế hướng ngoại. Vùng Hoa Nam trở thành đội quân tiên phong trong việc mở cửa đối ngoại của Trung Quốc.

Sông lớn vùng Lĩnh Nam

Châu Giang là con sông lớn nhất của vùng Hoa Nam, ba con sông Tây Giang, Đông Giang và Bắc Giang đều chảy vào cửa dòng Châu Giang từ ba hướng nên gọi chung là Châu Giang. Chiều dài của Châu Giang không quá dài, Tây Giang là dòng dài nhất cũng chỉ có 2.200 km. Châu Giang nằm trong khu vực nhiệt đới Nam Á nên nhiệt độ cao, mưa nhiều, trung bình lượng mưa hàng năm có thể vượt quá 1000mm, do đó lượng nước dưới sông rất nhiều, tổng lưu lượng một năm xấp xỉ 336 tỷ m³. Chính vì thế mà trong các con sông lớn của Trung Quốc, Châu Giang được coi là dòng có lưu lượng nước đứng thứ hai cả nước, chỉ sau Trường Giang.



Khắp nơi trên Quế Lâm đều là danh lam thắng cảnh, non nước Li Giang chính là một trong những danh lam thắng cảnh điển hình của nơi đây.

Dòng Tây Giang bắt nguồn từ địa phận tỉnh Vân Nam, chảy qua khu vực bốn tỉnh là Vân Nam, Quý Châu, Quảng Tây và Quảng Đông, trong dòng chảy có giao với các sông lớn như Kiêm Giang, Quý Giang v.v., lưu lượng nước sông càng ngày càng lớn lên, đến đoạn ở cửa dòng Châu Giang thì đã trở thành một con sông lớn với dòng nước cuốn chảy xiết. Sông Nam Bàn và sông Hồng Thủy nằm ở thượng lưu dòng Kiêm Giang – tức phụ lưu của dòng Tây Giang, có nguồn thủy lực rất phong phú. Trung Quốc đã cho xây dựng 11 trạm điện trên dòng sông Hồng Thủy như trạm điện Lỗ Bộc Cách, Thiên Sinh Kiều cấp 1 và cấp 2, trạm điện Bình Ban, Long Than, Nhan Than, Đại Hóa, Bạch Long Than, Ổ Than, Kiều Củng và Đại Đằng Hiệp v.v., tổng công suất là 13,13 triệu KW, năng lượng phát điện mỗi năm đạt mức trên 53 tỷ KWh. Trong đó, các trạm điện như Lỗ Bộc Cách, Thiên Sinh Kiều, Đại Hoa v.v. đã được xây dựng xong và đi vào sản xuất, cung cấp nguồn năng lượng quan trọng cho việc xây dựng kinh tế ở vùng Hoa Nam.

Sông nhánh quan trọng của dòng Châu Giang là Quý Giang, còn có tên gọi là Li Giang. Đầu nguồn của dòng Li Giang có khoảng cách rất gần với đầu nguồn của dòng Tương Giang – sông nhánh của dòng Trường Giang. Ngay vào đời nhà Tần từ 2000 năm về trước, một con kênh nối liền hai dòng Tương Giang và Li Giang đã được đào và lấy tên là “kênh Linh”. Trong lịch sử, kênh Linh luôn là tuyến đường thủy quan trọng thông sông nhánh của Trường Giang và sông nhánh của Châu Giang, cho đến nay di tích này vẫn được bảo tồn.

Hai bên dòng Li Giang phần nhiều là địa hình rừng đá nhọn, đá vôi, phong cảnh tươi đẹp. Nếu xuất phát từ Quý Lâm men theo dòng Li Giang đi xuống mãi đến Dương Sóc chính là khu vực sở hữu nhiều vẻ đẹp tinh hoa nhất của dòng Li Giang. Lên một chiếc thuyền mỏng, đi dọc theo dòng sông, sẽ chỉ thấy một dòng sông nước xanh màu ngọc bích, núi cũng xanh như ngọc, bóng trúc nghiêng nghiêng, nhà cửa san sát nhau, thực sự là một khung cảnh khó thấy được ở nơi nào khác. Trung Quốc có câu thơ cổ để rằng: “Thủy thị thanh la đài, sơn thị bích ngọc trâm” (Nước như một dải lụa màu xanh, núi như những chiếc trâm màu ngọc bích), chính là một câu thơ tả thực đối với phong cảnh Li Giang. Quý Lâm là khu du lịch phong cảnh nổi tiếng của Trung Quốc, mỗi năm đón tiếp hàng tỷ lượt người ở khắp nơi trên thế giới đến thưởng ngoạn. “Quý Lâm sơn thủy giáp thiên hạ” (Phong cảnh Quý Lâm nhất thiên hạ) đã càng ngày càng được mọi người hiểu và biết đến nhiều hơn.

Khu kinh tế “Tam giác Châu Giang”

Tam giác Châu Giang nằm ở phía đông nam tỉnh Quảng Đông, thuộc hạ lưu dòng Châu Giang, giáp với Hồng Kông và Ma Cao, đối diện với khu vực Đông Nam Á qua biển. Khu vực này có đường biển, đường bộ thuận lợi, vì thế mà được gọi là “Nam đại môn” (cánh cửa lớn phía Nam) của Trung Quốc.

Khu tam giác Châu Giang có nhiệt lượng đầy đủ, điều kiện thủy lợi tưới tiêu rất phát triển, dân số tập trung đông đúc, các thành phố lớn nhỏ san sát nhau, từ xưa đã là khu vực giàu có nhất ở vùng Hoa Nam. Người dân địa phương đã khéo léo tận dụng điều kiện tự nhiên để đào ao thả cá, hai bên bờ các ao cá là những vùng đất cao trồng dâu nuôi tằm, trồng mía và các loại hoa quả á nhiệt đới. Mỗi năm, dân địa phương nơi đây lại đào đất màu mỡ phì nhiêu từ lòng ao cá để đắp cho bờ ao thêm cao lên, rồi lại dùng phân tằm, nhộng tằm, lá mía v.v. đổ xuống ao, trở thành thức ăn quan trọng để nuôi cá, hình thành nên một hệ thống sinh thái nhân tạo rất hoàn chỉnh gọi là "nông nghiệp ao bờ" (dike-pond system). Nông nghiệp ao bờ có đặc điểm là luôn mang lại sản lượng và hiệu quả cao. Khu vực trồng dâu tằm ở tam giác Châu Giang mỗi năm có thể thu hoạch 7 đến 8 lần, lượng tơ tằm phần lớn đều dùng để xuất khẩu, từ đó gặt hái được hiệu quả kinh tế và hiệu quả môi trường sinh thái rất cao.

Năm 1980, Trung Quốc đã thành lập 4 đặc khu kinh tế, bắt đầu hành trình mở cửa đối ngoại. Trong đó, hai đặc khu kinh tế Thâm Quyển và Chu Hải nằm ngay vùng tam giác Châu Giang. Năm 1985, nguyên khu vực tam giác Châu Giang được mở cửa



Điều kiện tự nhiên ở khu tam giác Châu Giang rất ưu việt, các thành phố san sát nhau, kinh tế vô cùng phát triển.

thành khu kinh tế mở vùng duyên hải. Nơi đây đã tận dụng vị trí địa lý ưu việt – đó là giáp ranh với Hồng Kông và Ma Cao nên đã trực tiếp nhận sự lan tỏa kinh tế từ Hồng Kông và Ma Cao ở cự ly gần, từ đó thu hút một nguồn vốn đầu tư nước ngoài lớn, đồng thời cũng thu hút được những thiết bị kỹ thuật tiên tiến, biện pháp quản lý kinh doanh và thông tin về khoa học kỹ thuật công thương mới nhất. Từ đó, khu vực này đã thành lập nên những ngành chuyên về chế biến gia công cần đến một lực lượng lao động lớn như nghề dệt may, chế tạo thiết bị điện tử và thông tin, chế tạo máy móc điện khí và nguyên liệu máy móc, chế tạo đồ chơi v.v.. Khu vực này đã trở thành một trong những cơ sở xuất khẩu cá, sản phẩm tiêu dùng hàng ngày và điện tử lớn nhất toàn cầu.

Quảng Châu nằm ở ngay đoạn cửa dòng Châu Giang đổ ra biển. Trong các tỉnh thành và khu vực vùng Hoa Nam, Quảng Châu là thành phố lớn nhất, là trung tâm kinh tế quan trọng, cũng là cửa khẩu mậu dịch lớn nhất ở miền Nam Trung Quốc. Mỗi năm hai lần, Hội chợ Thương mại Quảng Châu với quy mô rất lớn lại được tổ chức ở đây, trở thành cánh cửa quan trọng đối với việc mở cửa đối ngoại của Trung Quốc.

Quảng Châu mang đậm nét đặc điểm và phong tục của miền Nam Trung Quốc, bốn mùa trong năm cây cối tươi tốt, hoa nở khắp nơi, vì thế mà nơi này còn được đặt cho một cái tên mỹ miều là “hoa thành” (thành phố của hoa). Thương nghiệp ở Quảng Châu phát triển rất mạnh, cơ sở công nghiệp cũng tốt đặc biệt là các ngành công nghiệp nhẹ như dệt may, công nghiệp chế biến thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng cũng như công nghiệp điện tử v.v. đều tương đối phát triển. Ngành công nghiệp máy móc đóng thuyền cũng có cơ sở nhất định. Từ khi cải cách mở cửa đến nay, kinh tế của Quảng Châu vừa có sự tiến bộ vượt bậc, mà diện mạo thành phố cũng ngày một thay đổi.

Đặc khu Thâm Quyến nằm ở phía bắc cửa dòng Châu Giang, phía nam chỉ cách Hồng Kông một con sông Thâm Quyến, đặc khu này có diện tích 327,5km². Phía sau của Thâm Quyến là tam giác Châu Giang, phía nam giáp Hồng Kông, Ma Cao, vị trí địa lý rất ưu việt. Từ khi được xây dựng thành đặc khu vào năm 1980 đến nay, Thâm Quyến đã từ một thị trấn biên thùy nhỏ phát triển thành một thành phố hiện đại hóa rất lớn. Thâm Quyến là thành phố của dân di cư, họ có một quan niệm thương mại và ý thức cạnh tranh rất lớn, vì thế mà cũng hình thành nên một bầu không khí văn hóa rất cởi mở, khoan dung và mới mẻ.

Cùng với sự đẩy mạnh không ngừng của cải cách mở cửa, khu kinh tế tam giác Châu Giang với trung tâm là tam giác Châu Giang (gọi tắt là tam giác Châu Giang) đã dần dần hình thành. Khu vực này bao gồm hơn 10 huyện thị của tỉnh Quảng Đông

như Quảng Châu, Thâm Quyến, Phật Sơn, Đông Hoan, Chu Hải v.v.. cũng bao gồm cả hai đặc khu Hồng Kông và Ma Cao. Diện tích khu vực hơn 40.000 km², tổng dân số lên đến 20,34 triệu người, trở thành khu vực các thành phố kinh tế có mức độ thị trường hóa và quốc tế hóa cao nhất của Trung Quốc.

Khu kinh tế “Tam giác Châu Giang” đã thể hiện một đặc điểm kinh tế rõ nét nhất, đó là mô hình thu hút xuất khẩu, nhờ vào vị trí địa lý độc đáo của Hồng Kông và Ma Cao, phát huy ưu thế thông tin và ưu thế đông đảo kiều bào nước ngoài để thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp rất lớn, nhất là đã thu hút được sự chuyển giao các ngành công nghiệp chế tạo của Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan với quy mô lớn, khiến cho những doanh nghiệp định hướng xuất khẩu với hình thức chủ yếu là “tam lai nhất bổ” (tam lai – tức ba hình thức phát triển kinh tế trong hoạt động hợp tác kinh tế với nước ngoài của Trung Quốc: sản xuất gia công với nguyên vật liệu của nước ngoài, sản xuất theo mẫu mã của nước ngoài và hoạt động lắp ráp sản phẩm theo đại kiện; nhất bổ – tức hoạt động mậu dịch bồi hoàn) cứ thế mọc lên khắp nơi.

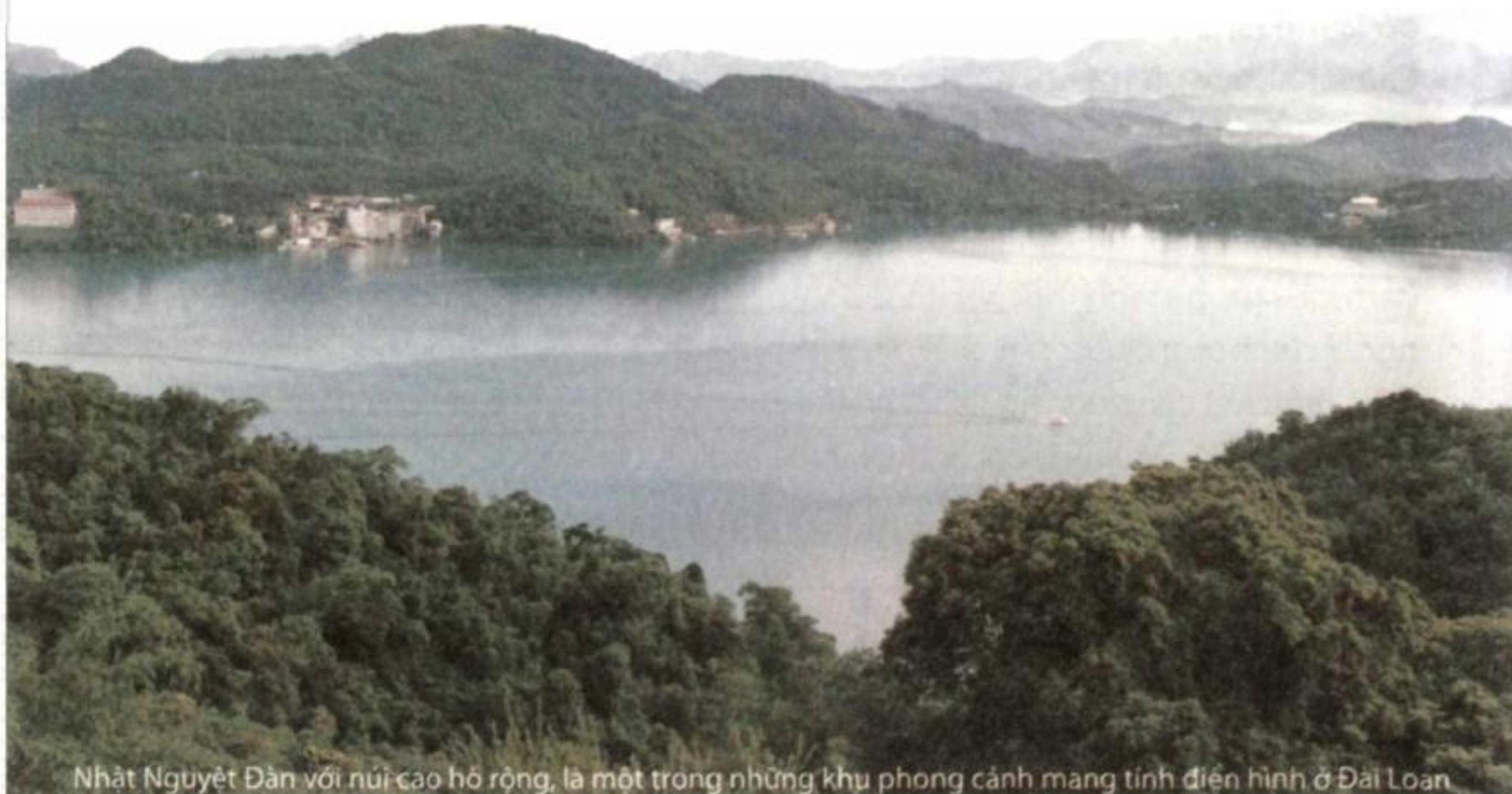
Các ngành sản xuất trong thời kỳ đầu ở khu kinh tế tam giác Châu Giang chủ yếu là những ngành sản xuất cần tập trung nhiều lao động như may mặc, chế tạo đồ chơi, chế tạo đồ điện gia dụng v.v.. Những năm gần đây, cùng với quá trình điều chỉnh liên tục và quá trình thăng cấp tối ưu hóa đối với cơ cấu ngành nghề, sản phẩm kỹ thuật cao tăng lên nhanh chóng, các ngành sản xuất như mạch điện tích hợp bán dẫn, thiết bị truyền thông, thiết bị thông tin di động, máy tính xách tay, điện thoại di động, ống hình ảnh màu (color picture tube - CPT) đã trở thành nòng cốt trong những ngành sản xuất mới.

● Liên kết tư liệu

VIỆN BẢO TÀNG CỔ CUNG ĐÀI LOAN

Nằm ở phía bắc Song Khê, ngoại ô thành phố Đài Bắc tỉnh Đài Loan, bắt đầu được xây dựng từ năm 1962, là một kiến trúc kiểu cung điện xây dựng phòng theo mô hình Cổ cung ở Bắc Kinh, đến năm 1965 công trình này hoàn tất và bắt đầu đi vào sử dụng từ năm 1966. Trước đây, Cổ cung – Đài Loan có tên là Viện bảo tàng Trung Sơn, sau được đổi tên thành “Viện bảo tàng Cổ cung công lập”.

Những sản phẩm được trưng bày trong Viện bảo tàng Cổ cung Đài Loan đều là những tinh hoa của triều đại nhà Thanh lấy từ Cổ cung Bắc Kinh, Cổ cung Thẩm Dương và Hành cung Nguyên Nhiệt Hà v.v., cũng như những sản phẩm có giá trị văn hóa do các nhân sĩ trong và ngoài nước hiến tặng, tổng cộng khoảng 700.000 sản phẩm. Các sản phẩm trưng bày trong Cổ cung Đài Loan được chia thành 14 loại, đó là: thư pháp, cổ họa (tranh cổ), chữ khắc, đồ đồng, đồ ngọc, gốm sứ, văn phòng phẩm, sơn mài, đồ men (men pháp lang – loại men đặc biệt tráng lên các vật bằng đồng, bằng bạc rồi đem nung, lớp men bóng và nhiều màu sắc), điêu khắc, các sản phẩm hỗn hợp, hàng thêu và hàng dệt lụa, sách, văn bản tài liệu v.v..



Nhật Nguyệt Đàn với núi cao hồ rộng, là một trong những khu phong cảnh mang tính điển hình ở Đài Loan

Đài Loan và Hải Nam

Trong 34 tỉnh thành, khu tự trị của Trung Quốc, chỉ có Đài Loan và Hải Nam là hai tỉnh được tạo bởi các hòn đảo, nằm ngoài đại lục Trung Quốc. Tỉnh Đài Loan bao gồm đảo Đài Loan, đảo Bình Hồ Liệt và các đảo lân cận. Diện tích khoảng 36.000 km², dân số khoảng hơn 22 triệu người. Các đảo tạo thành hình như chiếc chùy, chạy dài theo hướng đông bắc – tây nam, ở giữa là dãy núi Đài Loan có độ cao bình quân là hơn 2000 m so với mặt nước biển và trở thành dãy núi chia tách trên đảo. Phía tây dãy núi tương đối bằng phẳng, vùng duyên hải là một đồng bằng phù sa, các thành phố lớn của Đài Loan hầu như đều phân bố ở khu vực này. Phía đông dãy núi có địa hình dốc đứng, kéo dài đến tận Thái Bình Dương.

Khí hậu ở Đài Loan ấm áp và ẩm ướt, ngoài những vùng núi, các nơi còn lại nhiệt độ trung bình năm không vượt quá 20°C, nhưng lượng mưa lại đạt mức trên 2.000 mm. Riêng Hòa Thiêu Liêu nằm ở phía đông bắc đảo Đài Loan, lượng mưa trung bình năm lên đến 6.572 mm, là nơi có lượng mưa lớn nhất của Trung Quốc. Khắp đảo Đài Loan cây cối tươi tốt, nơi nào cũng nhìn thấy một khung cảnh xanh rì, độ che phủ của



rừng có thể lên đến trên 70%. Các sản phẩm nông nghiệp nổi tiếng ở Đài Loan gồm có lúa nước và mía. Lượng gạo và mía đường sản xuất được phần nhiều dùng cho xuất khẩu, vì thế mà Đài Loan còn được đặt tên là “kho lương” và “kho đường”. Ngoài ra, các loại hoa quả á nhiệt đới như quả dứa, chuối, cam v.v. cũng được trồng rộng rãi khắp nơi.

Sau thập niên 60 của thế kỷ XX, dựa theo những ngành công nghiệp thuộc mô hình tập trung nhiều lao động trên quốc tế, Đài Loan đã tiến hành chuyển đổi thời cơ có lợi lần thứ hai, tích cực đẩy mạnh chiến lược công nghiệp hóa “định hướng xuất khẩu”, đồng thời mở các “khu chế biến xuất khẩu” ở những nơi như Cao Hùng, Nam Tử, Đài Trung v.v., để thu hút đầu tư nước ngoài, dốc sức phát triển công nghiệp nhẹ dệt may. Sau thập niên 70, trọng tâm đầu tư của Đài Loan lại được chuyển hướng sang xây dựng cơ sở hạ tầng như đường bộ, đường sắt, sân bay v.v. cũng như công nghiệp nguyên vật liệu xây dựng như sắt thép, dầu mỏ, lọc hóa dầu, đóng thuyền, điện lực v.v., tốc độ phát triển kinh tế tăng lên nhanh chóng. Trong vòng 10 năm từ năm 1963 đến 1972, tăng trưởng kinh tế bình quân mỗi năm lên đến 10%. Bước vào

Ánh nắng, bãi biển, rừng dừa đã tạo nên một phong cảnh đậm nét miền nhiệt đới trên đảo Hải Nam.



thập niên 80, Đài Loan lại một lần nữa tiến hành điều chỉnh cơ cấu công nghiệp, gia tăng tỷ lệ đối với các sản phẩm kỹ thuật và xây dựng một "Khu công nghiệp khoa học" ở Tân Trúc, các sản phẩm kỹ thuật cao có được những tiến bộ vượt bậc.

Từ xưa đến nay, Đài Loan luôn là một bộ phận không thể chia cắt trong lãnh thổ thiêng liêng của Trung Quốc. Do nhiều nguyên nhân khác nhau nên hiện nay Đài Loan vẫn đang nằm trong tình trạng bị chia rẽ với tổ quốc đại lục, nhân dân hai bờ đều cùng chung một khát khao mãnh liệt rằng, một ngày nào đó Tổ quốc sẽ hoàn toàn hòa bình thống nhất.

Đảo Hải Nam là bộ phận chủ yếu tạo thành tỉnh Hải Nam, Trung Quốc. Thời cổ xưa nơi này được gọi là Quỳnh Châu. Đảo Hải Nam có diện tích 34.000 km². Đây là đảo lớn thứ hai của Trung Quốc, sau đảo Đài Loan. Đảo Hải Nam cách Trung Quốc đại lục qua eo biển Quỳnh Châu và đối diện với bán đảo Lôi Châu.

Đảo Hải Nam nằm ở khu vực nhiệt đới, nhiệt độ quanh năm cao, thích hợp cho các loại cây cối nhiệt đới sinh trưởng và phát triển. Qua quá trình gây giống và trồng trọt nhiều năm, diện tích trồng trọt những loại thực vật nhiệt đới ở đảo Hải Nam đã lên đến hơn 400.000 héc ta, các loại cây cối điển hình như cao su, dừa, hồ tiêu, hạt điều, cây sả, cau, xi đan (sisal), cà phê, dầu cọ, ca cao v.v.. Cây cao su ở Hải Nam phát triển rất nhanh, là nơi sản xuất cao su lớn nhất của Trung Quốc, sản lượng mỗi năm đạt hơn 2/3 tổng sản lượng cả nước. Vùng biển lân cận đảo Hải Nam là nơi đánh bắt cá nhiệt đới quan trọng. Một sản phẩm quan trọng của đảo Hải Nam là quặng sắt ở Thạch Lục, quặng sắt không chỉ có trữ lượng rất lớn, mà độ tinh khiết cũng rất cao, có thể đạt mức 60% trở lên, là nơi cung cấp nguyên liệu tốt nhất cho các công ty gang thép trong nước.

Trước đây, đảo Hải Nam vốn thuộc sự quản lý của tỉnh Quảng Đông, đến năm 1988, nhà nước phê chuẩn thành lập tỉnh Hải Nam, thủ phủ là thành phố Hải Khẩu. Ngoài ra, nhà nước cũng phê chuẩn thành lập đặc khu kinh tế đảo Hải Nam. Đây là đặc khu kinh tế lớn nhất của Trung Quốc. Kể từ đó, việc phát triển kinh tế của tỉnh Hải Nam bước vào một giai đoạn hoàn toàn mới.

Hồng Kông và Ma Cao

Hồng Kông nằm ở cửa đông dòng Châu Giang thuộc tỉnh Quảng Đông, chủ yếu gồm ba bộ phận tạo thành, đó là đảo Hồng Kông, bán đảo Cửu Long và "Tân giới", diện tích lục địa là 1.098 km², hiện có dân số là 6,6 triệu người, trong đó cư dân có huyết thống Trung Quốc chiếm 98%. Vùng nước nằm giữa đảo Hồng Kông và bán đảo Cửu Long là một hải cảng thiên nhiên rất tốt, có thể neo đậu nhiều tàu lớn lên đến vạn tấn. Hồng Kông đất chật người đông, nguồn tài nguyên hạn hẹp, nguồn nhiên liệu, nguyên liệu công nghiệp và thực phẩm cần thiết hầu như đều dựa vào nhập khẩu, ngay cả nước sinh hoạt của người dân cũng phải dẫn từ Trung Quốc đại lục vào. Hồng Kông có một vị trí quan trọng trong kinh tế của thế giới, mậu dịch, tài chính, thương mại, du lịch và chế tạo là những ngành chủ yếu nhất. Hồng Kông cũng là trung tâm tài chính và cảng mậu dịch tự do của thế giới, hoạt động mậu dịch xuất khẩu của Trung Quốc có một phần lớn đều thông qua chuyển khẩu tại Hồng Kông.

Sau Chiến tranh Nha phiến vào năm 1840, Hồng Kông bị nước Anh chiếm đóng. Ngày 1 tháng 7 năm 1997, chính phủ Trung Quốc đã lấy lại được chủ quyền đối với đảo Hồng Kông, sau đó xây dựng khu hành chính đặc biệt Hồng Kông. Theo phương châm "một quốc gia hai chế độ", Hồng Kông vẫn giữ chế độ xã hội và kinh tế vốn có



Hồng Kông nằm ở cửa đông dòng Châu Giang thuộc tỉnh Quảng Đông, là cảng mậu dịch tự do nổi tiếng trên thế giới.

của mình, phong cách sống không thay đổi, và luật pháp về cơ bản cũng không thay đổi.

Ma Cao nằm ở phía nam cửa sông Châu Giang, bao gồm bán đảo Ma Cao và hai đảo nhỏ lân cận, diện tích lục địa khoảng 25 km², dân số khoảng 400.000 người. Trước đây, Ma Cao đã từng duy trì kinh tế chỉ nhờ vào trò chơi cá độ. Gần 10 năm nay, các ngành nghề như công nghiệp, thương mại, du lịch v.v.. đều có sự phát triển mạnh, ngày càng chiếm tỷ lệ quan trọng trong kinh tế của Ma Cao.

Vào thập niên 50 của thế kỷ XVI, Ma Cao từng bị Bồ Đào Nha chiếm đóng. Đến ngày 13 tháng 4 năm 1987, hai nước Trung Quốc và Bồ Đào Nha đã ký kết hiệp ước và quyết định rằng, chính phủ Trung Quốc sẽ thành lập khu hành chính đặc biệt Ma Cao vào ngày 20 tháng 12 năm 1992, chính thức khôi phục lại chủ quyền đối với Ma Cao.

VÙNG LỤC ĐỊA TÂY BẮC





Rừng dương populus trên sa mạc Taklamakan đã tự thể hiện được vẻ đẹp và sự ngoan cường của mình.

Lop Nor và Loulan ở phía đông sa mạc Taklamakan là hai thành cổ mang đến nhiều điều thích thú nhất đối với mọi người. Thành cổ Loulan có nhiều ghi chép sớm nhất trong lịch sử Trung Quốc, thế nhưng vào khoảng thế kỷ thứ XI, thành cổ này bỗng dưng biến mất. Sự phát hiện đối với thành cổ Loulan không những đã mang lại nhiều hứng thú cho các học giả trong nước, mà cũng gây được sự chú ý rộng rãi đối với các nhà khoa học nước ngoài.

Trong sa mạc có ẩn chứa nhiều kho báu. Như trên đã nói, hai sa mạc nằm ở phía nam bắc vùng Tân Cương đều có nguồn tài nguyên dầu mỏ với trữ lượng lớn. Vào thập niên 50 thế kỷ XX, các nhà khoa học Trung Quốc cũng lại tìm thấy dầu mỏ trên sa mạc Karamay nằm ngay bên sa mạc Gurbantunggut. Về sau, các nhà khoa học lại phát hiện thấy nơi ẩn chứa một trữ lượng dầu khí lớn hơn nhiều trên sa mạc Taklamakan, theo tính toán, trữ lượng dầu khí ở đây phải lên đến hơn 10 tỷ tấn và trữ lượng khí thiên nhiên lên đến vài trăm tỷ mét khối, đây là nguồn năng lượng quan trọng của Trung Quốc trong thế kỷ XXI. Hiện nay, việc thăm dò và khai thác dầu mỏ trên sa mạc Taklamakan đang được tiến hành gấp rút. Một con đường từ đầu sa mạc dẫn đến giếng dầu ở trung tâm sa mạc đã được xây dựng, công tác khai thác dầu khí cũng đang được triển khai một cách có trật tự.

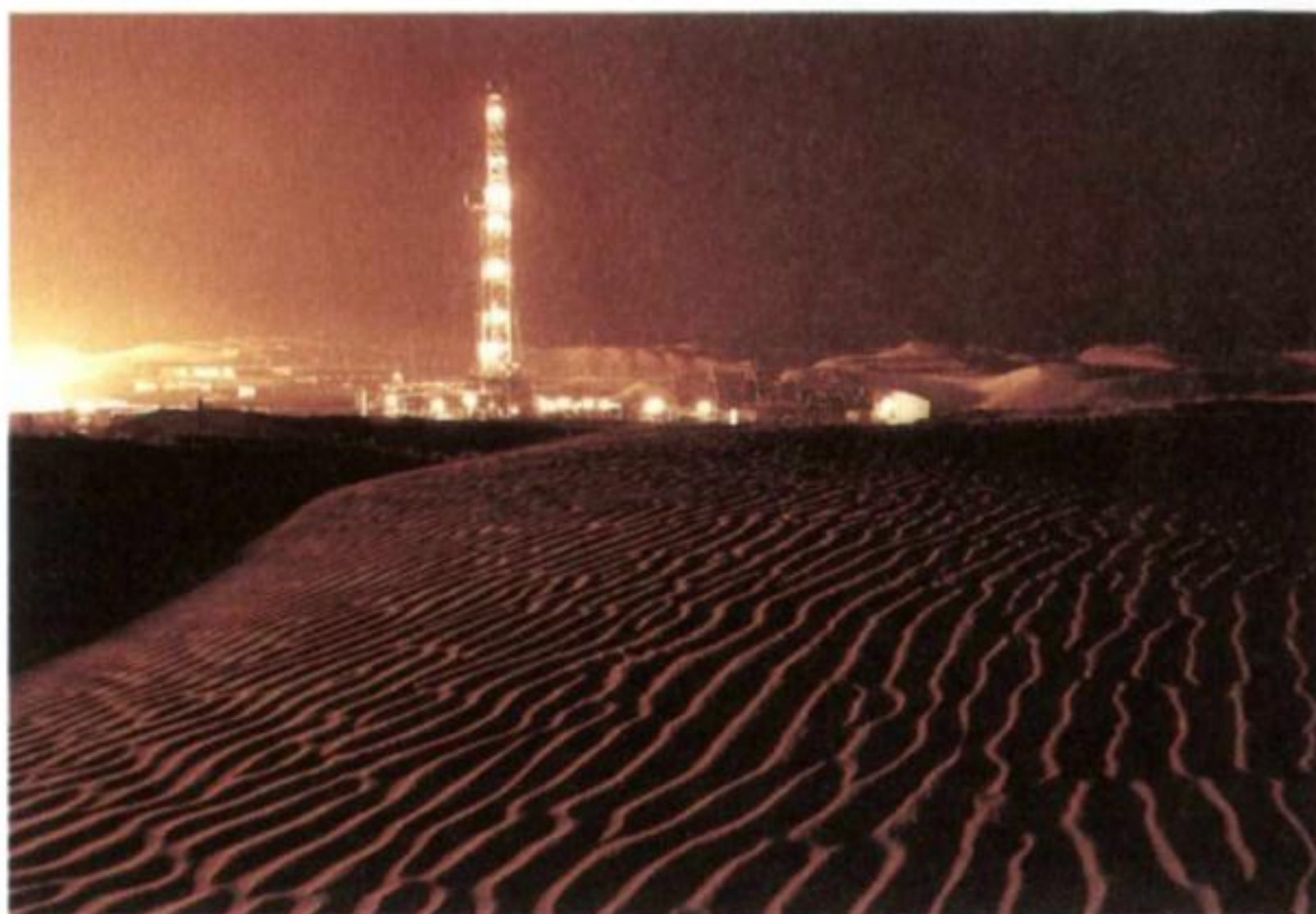
Vấn đề sa mạc hóa của Trung Quốc vô cùng nghiêm trọng. Rất nhiều làng mạc, thị trấn trong lịch sử đều biến mất dưới sự che phủ của sa mạc, ngoài những thành



quách nổi tiếng bị cát sa mạc che lấp như Loulan đã kể trên, thì sự hoang phế của cổ đô thời Tây Hạ - thành cổ Thống Vạn ở địa phận cao nguyên Ordos cũng là một ví dụ điển hình. Ở khu vực gần cổ đô này vốn dĩ là một thảo nguyên tươi đẹp với những bãi cỏ nước mênh mông, nhưng đến đời nhà Tống, tức khoảng 1000 năm trước thì nơi này đã trở thành một cao nguyên hoang sơ khắp nơi đều bị cát che phủ.

Vấn đề sa mạc hóa đã gây ra rất nhiều nguy hại đối với việc xây dựng đất nước cũng như đối với cuộc sống của dân cư địa phương. Những tuyến đường sắt, đường bộ mới xây đều bị ách tắc gián đoạn vì cát sa mạc che phủ, đồng ruộng cũng vì hiện tượng cát trôi mà trở nên mất mùa thất bát. Để ngăn chặn tình trạng sa mạc hóa, các nhà khoa học đã tiến hành rất nhiều công tác điều tra nghiên cứu trên sa mạc, xây dựng trạm thử nghiệm khoa học ở một số khu vực. Ví dụ, tại Sa Pha Đầu bên bờ dòng Hoàng Hà thuộc địa phận khu tự trị Ninh Hạ, các nhà khoa học đã tiến hành nghiên cứu các giống thực vật có thể chặn cát trôi trong một thời gian dài, xây dựng hệ thống ngăn cát chắn cát mang tính tổng hợp, làm cho các dune cát được cố định lại, để giải quyết sự xâm hại của cát sa mạc đối với tuyến đường sắt Bao Lan (thành phố Bao Đầu khu tự trị Nội Mông – thành phố Lan Châu tỉnh Cam Túc), từ đó đảm bảo cho tuyến đường sắt Bao Lan không còn xảy ra tình trạng ách tắc. Những công tác xuất sắc trong phương diện nghiên cứu sa mạc của các nhà khoa học Trung Quốc đã nhận được những đánh giá cao của giới khoa học trong và ngoài nước.

Trên sa mạc Taklamakan có ẩn chứa nguồn tài nguyên dầu khí vô cùng dồi dào.



PHONG THỔ VÙNG CAO NGUYÊN

Vùng Tây Bắc của Trung Quốc ngoài những sa mạc lớn phân bố rộng khắp, còn có những thảo nguyên mênh mông với diện tích khoảng 300 triệu héc ta. Trong đó, thảo nguyên Nội Mông không những diện tích lớn, ước chiếm khoảng 1/3 tổng diện tích thảo nguyên cả nước, mà còn có các bãi cỏ tươi tốt, nghề chăn nuôi phát triển, là khu vực cung cấp sản phẩm chăn nuôi chủ yếu nhất của Trung Quốc.

Từ sườn dốc dãy Đại Hưng An hướng về phía tây và phía nam, bắt đầu từ đoạn Trường Thành nằm giữa dãy Âm Sơn và Thiểm Bắc hướng về phía bắc kéo dài cho đến tận biên giới Trung Quốc và Mông Cổ, ngoài mấy dãy núi không cao lắm nằm ở phía đông và trong địa phận vùng Tây Bắc, còn lại phần lớn đều là các bình nguyên cao nhấp nhô theo kiểu “viễn khán thành cương phụ, cận khán thành bình địa” (trông xa như những núi đồi, nhìn gần lại thấy đất đai bằng phẳng). Nếu từ trên máy bay nhìn xuống, thảo nguyên bát ngát nhìn như đại dương mênh mông sóng, những con

● Liên kết tư liệu

NGĂN CHẶN SA MẠC HÓA

Chính phủ Trung Quốc coi việc ngăn chặn tình trạng sa mạc hóa đất cát là biện pháp chiến lược để cải thiện môi trường sinh thái, mở rộng không gian sống và thúc đẩy kinh tế xã hội liên tục phát triển. Những năm gần đây, chính phủ đã ban bố và thi hành “Luật Ngăn chặn và kiểm soát cát”, thông qua “Kế hoạch Ngăn chặn và kiểm soát cát toàn quốc (2005 – 2010)”, thực hiện hàng loạt công trình trọng điểm phòng ngừa và kiểm soát cát, làm cho diện tích sa mạc hóa và diện tích đất suy thoái cùng lúc thuyên giảm, xu hướng sa mạc hóa và suy thoái đất lan tràn đã được kiểm soát tạm thời.

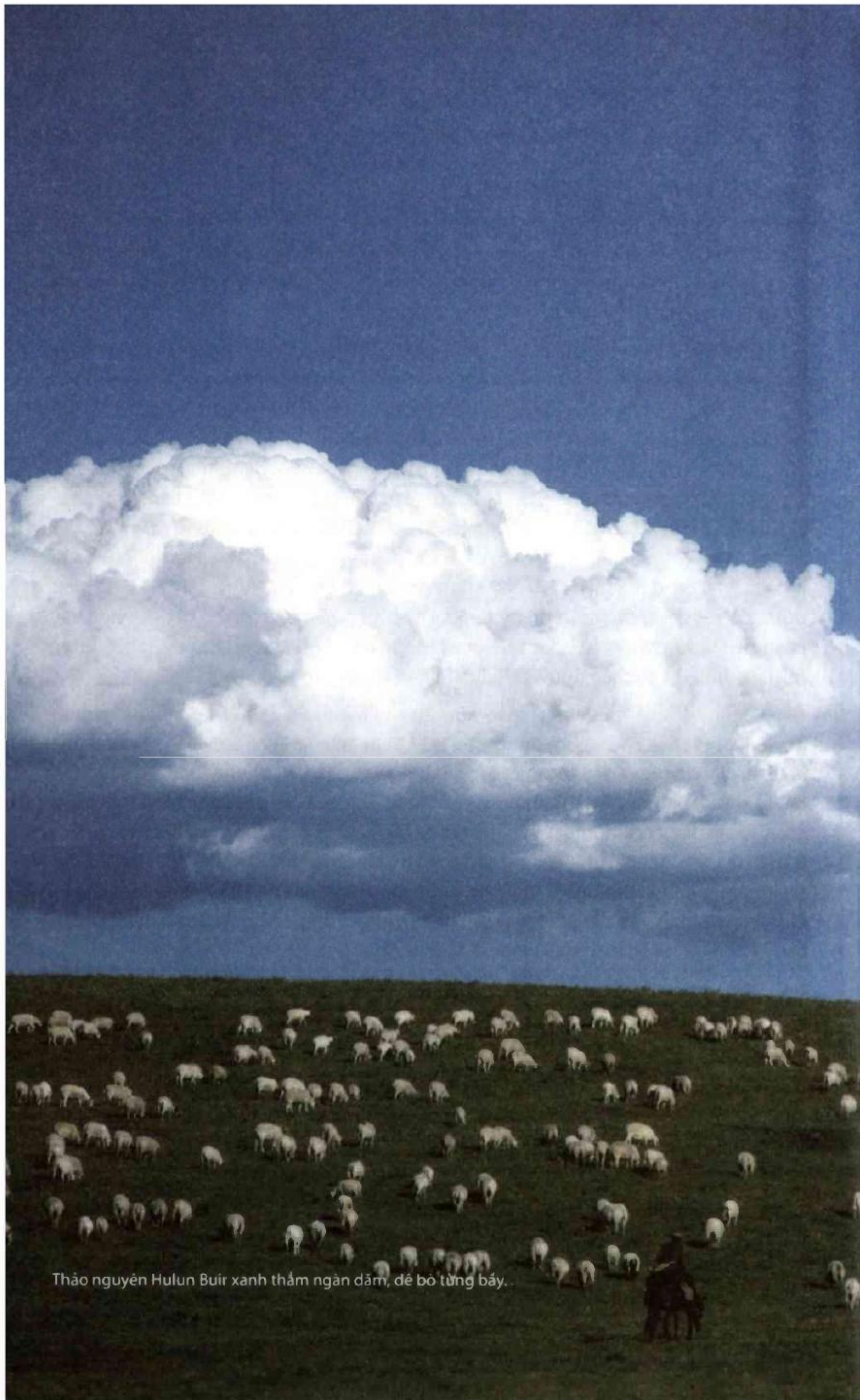
sóng màu xanh lục nối đuôi nhau, khắp nơi là những đàn bò đàn dê đang được chăn thả. Ngay từ 1400 năm về trước, đã có một bài dân ca viết rằng: "Bên sông Sắc Lặc, dưới dãy Âm Sơn, bầu trời như mái nhà, vây che bốn hướng. Trời mênh mông, đồng bát ngát, gió rẽ ngọn cỏ mới thấy những đàn dê bò", đó chính là bút pháp tả thực đối với thảo nguyên bao la ở Nội Mông Cổ.

Trên thảo nguyên Nội Mông, những bãi cỏ thuộc thảo nguyên Hulun Buir và thảo nguyên Siklingelei được coi là tốt nhất, có nước ngọt trong và cỏ xanh rì, nghề chăn nuôi rất phát triển, là vùng chăn thả nổi tiếng nhất Trung Quốc. Nơi đây chính là quê hương của loài ngựa Mông Cổ, trải qua bao rèn luyện từ môi trường thảo nguyên khắc nghiệt, thể lực của ngựa Mông Cổ rất mạnh, sức chịu đựng tốt. Loài ngựa này nổi tiếng thế giới chính từ thể lực mạnh mẽ và sự bền bỉ trong những hành trình dài. Ngựa Mông Cổ sau khi được huấn luyện đã trở nên thuần tính và dũng mãnh, có thể trở thành những chú ngựa chiến lý tưởng. Ngựa Tam Hà được lai tạo và nuôi từ ngựa Mông Cổ lại càng thể hiện rõ về "hậu sinh khả úy". Những chú ngựa Tam Hà lông màu đỏ tía có vóc dáng cao to trông rất đẹp, lại có sức khỏe tốt, đi đường dài và mang vác nặng đều là sở trường của chúng. Ngựa Mông Cổ và ngựa Tam Hà chủ yếu đều được nuôi và chăn thả từ thảo nguyên Hulun Buir và thảo nguyên Siklingelei.

Động vật chăn nuôi trên thảo nguyên Nội Mông Cổ chủ yếu nhất là dê, trong đó dê Mông Cổ là chủng loại đứng đầu. Dê Mông Cổ có thể nuôi để vừa lấy lông vừa lấy thịt, loại dê đứng đầu trong các loài dê Mông Cổ là dê Uzhumuchin, vừa cho sản lượng thịt cao, hơn nữa thịt mềm và rất ngọt. Thịt của dê Uzhumuchin luôn là lựa chọn hàng đầu cho món "lẩu dê" nổi tiếng gần xa của Bắc Kinh. Dê Than và dê Tam Bắc là hai loại dê được nhân giống, lai tạo từ dê Mông Cổ, là hai giống dê hàng đầu về sản phẩm lông và da. Các loại áo lông được sản xuất từ da dê Than và dê Tam Bắc có chất liệu mềm mại và giữ ấm tốt, là sản phẩm quan trọng để Trung Quốc xuất khẩu ra nước ngoài và luôn được khách hàng ưa chuộng.

Thảo nguyên Alxa (A Lạp Thiện) nằm ở tận cùng phía tây của thảo nguyên Nội Mông Cổ. Nơi này nằm sâu trong lục địa nên khí hậu khô hạn hơn, điều kiện tự nhiên cũng khắc nghiệt hơn, trên thảo nguyên chỉ thưa thớt những lùm cây nhỏ thấp. Lạc đà là động vật thích hợp với môi trường này và cũng trở thành động vật chăn nuôi chủ yếu ở đây. Lạc đà ở Trung Quốc là loại lạc đà hai bướu, có khả năng thích nghi rất cao, giữa sa mạc bao la, lạc đà trở thành phương tiện giao thông chủ yếu của người dân nơi đây.

Dân tộc Mông Cổ là dân cư chủ yếu sinh sống trên thảo nguyên Nội Mông. Trong hơn 3,4 triệu người dân tộc Mông Cổ, có hơn một nửa dân số sống ở Nội Mông Cổ, số còn lại phần lớn đều sống phân tán ở vùng Tây Bắc và các tỉnh thành khác.



Thảo nguyên Hulun Buir xanh thắm ngàn dặm, dê bò tùng bầy.

Dân tộc Mông Cổ là một trong những dân tộc khá cổ xưa trong số các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc, sự dũng mãnh của họ ngay từ trong lịch sử đã rất nổi tiếng không chỉ ở Trung Quốc mà trên cả thế giới. Vào cuối thế kỷ XII, đầu thế kỷ XIII, Thiết Mộc Chân (1162 – 1227) – người xuất thân từ dân tộc Mông Cổ đã chinh phục các bộ lạc của các dân tộc trên những thảo nguyên khác và thành lập nước Mông Cổ Hãn thống nhất. Thiết Mộc Chân được đề cử là “Đại Hãn” của toàn bộ vùng đất Mông Cổ và được gọi là “Thành Cát Tư Hãn”. Về sau, Mông Cổ Hãn quốc đã tiêu diệt nước Kim và Nam Tống ở phía nam, từ đó thành lập đế chế Mông Cổ ở Trung Quốc – triều Nguyên và dựng đô ở Đại Đô, tức Bắc Kinh ngày nay.

Dân tộc Mông Cổ là một dân tộc có lịch sử lâu đời và nền văn hóa xán lạn. Từ xưa đến nay, dân tộc Mông Cổ đã sinh ra rất nhiều nhà khoa học và học giả nổi tiếng, đã viết nên những tác phẩm để đời có giá trị rất cao. “Mông Cổ bí sử” được viết thành sách từ giữa thế kỷ thứ XIII, chính là một trong những tác phẩm tiêu biểu ghi chép lại lịch sử của dân tộc Mông Cổ; y học của dân tộc Mông Cổ vừa mang đặc điểm y dược của dân tộc du mục phương Bắc, vừa mang đặc điểm của vùng miền, vì thế mà cách chữa bệnh qua ăn uống, phương pháp trị liệu vết thương ngoài da và phương pháp nắn xương v.v.. đều rất nổi tiếng, từ xưa đến nay luôn có một vị trí quan trọng trong y học của Trung Quốc; những điệu múa, bản nhạc Mông Cổ rất hào phóng và thoải mái, là những bản hát múa độc đáo trong văn hóa nghệ thuật của Trung Quốc.

Dân tộc Mông Cổ có những phong tục tập quán độc đáo của riêng mình. Dân du mục của Mông Cổ sống trong lều Yurt, là một nhà lều hình tròn. Lều Yurt Mông Cổ lớn nhỏ không giống nhau, thông thường có đường kính 4 mét và cao 2 mét, khung lều được dựng từ gỗ, bên ngoài phủ bằng bạt màu trắng. Trên nóc vòm mái có mở một cửa sổ, dùng để thông gió và lấy ánh sáng từ bên ngoài. Trong lều Yurt luôn có một bếp lò dùng để nấu cơm và sưởi ấm. Dân du mục chăn thả trên thảo nguyên thường phải di dời nay đây mai đó, kiến trúc lều Yurt có thể tháo dỡ và vận chuyển dễ dàng, khi ráp thành lều cũng vô cùng thuận tiện.

Lễ truyền thống long trọng nhất của dân tộc Mông Cổ là lễ hội Naadam truyền thống tổ chức vào khoảng tháng 7, tháng 8 hàng năm. Từ “Naadam” trong tiếng Mông Cổ có nghĩa là “giải trí”, “vui chơi”. Mỗi khi trên thảo nguyên tổ chức lễ hội Naadam, dân cư du mục Mông Cổ dù ở cách xa cả trăm cây số vẫn sẽ tụ họp về đây, già trẻ gái trai ai ai cũng mặc lễ phục, mang theo lều Yurt và thực phẩm, từ khắp nơi dắt díu nhau cùng về tham dự. Khi ấy, thảo nguyên bao la nóng lên cùng sự náo nhiệt và rực rỡ sắc màu. Môn đô vật luôn là tiết mục được ưa thích nhất trong lễ hội Naadam. Các vận động viên người Mông Cổ có sức khỏe và thân hình cường tráng, họ mặc lễ phục truyền thống, cất cao tiếng hát rồi bước vào đấu trường để cùng đo

Trong lễ hội truyền thống lớn nhất ở khu tự trị Nội Mông – lễ hội Naadam, người Hulun Buir vừa nhảy múa vừa cất cao tiếng hát cùng vui vầy trong ngày lễ truyền thống.



sức với đối thủ. Ngoài ra, đua ngựa cũng là một tiết mục rất được ưa thích.

Nội Mông Cổ là khu tự trị của dân tộc thiểu số đầu tiên ở Trung Quốc. Sau khi Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, đời sống của người Mông Cổ được cải thiện rất nhiều, cuộc sống của dân du mục đã dần dần từ hình thức du cư chuyển sang thành định cư. Nhà nước đầu tư vốn để giúp đỡ dân du mục cải tạo những bãi cỏ và các loại giống động

vật để nâng cao lượng cỏ lưu trữ cũng như sản lượng của các sản phẩm chăn nuôi. Thủ phủ Hô Hoa Hạo (Hohhot) của khu tự trị được xây dựng ở chân dãy Âm Sơn, qua nhiều năm xây dựng, hiện nay Hô Hoa Hạo đã trở thành một thành phố thảo nguyên mới phồn hoa, phát triển với nhà cao tầng san sát nhau.

ỐC ĐẢO NÔNG NGHIỆP

Vùng Tây Bắc của Trung Quốc tuy thuộc khu vực hạn hán, quanh năm ít mưa, thời tiết khô hạn, phân bố nhiều sa mạc và gobi trơ trụi không thấy bóng dáng một cành cây ngọn cỏ, thế nhưng không phải tất cả mọi nơi ở vùng này đều là hoang mạc. Tạo hoá của tự nhiên giúp cho vùng Tây Bắc có rất nhiều dãy núi cao lớn như núi Kỳ Liên thuộc địa phận tỉnh Cam Túc, dãy Thiên Sơn, núi Côn Lôn, núi Altai thuộc địa phận Tân Cương v.v.. Thế núi của những dãy núi này rất cao, độ cao so với mặt nước biển đều trên 2000 m. Các dãy núi cao là hàng rào tự nhiên che chắn độ ẩm không khí từ trên cao, vì vậy mà hầu như tất cả các dãy núi ở vùng Tây Bắc Trung Quốc đều là những nơi có lượng mưa tương đối nhiều, có những dãy núi lượng mưa bình quân năm có thể lên đến 500 - 600 mm, gần như không có sự khác biệt so với vùng Hoa Bắc của Trung Quốc. Nhiệt độ trên núi cao thường thấp,

bốc hơi ít, độ ẩm không khí lớn, thích hợp cho cây cối và các giống cỏ sinh trưởng và phát triển. Cũng vì thế mà ở vùng núi này đều có những rừng cây rậm rạp và những bãi cỏ xanh mơn mớn. Lượng mưa trên núi chủ yếu xuất hiện dưới dạng tuyết rơi, lượng tuyết rơi hàng trăm năm, ngàn năm đều tích tụ lại trên đỉnh núi tạo thành những dòng sông băng rất lớn. Dòng sông băng lại men theo vách núi, khe núi trôi xuống, đến đoạn nằm dưới đường tuyết thì sẽ biến thành dòng sông nước cuốn cuộn chảy mãi. Sau khi nước chảy ra khỏi núi, thì chân núi, sa mạc nằm ở dưới những dãy núi này để lại một ốc đảo trải dài hàng trăm kilômét. Những ốc đảo nổi tiếng gồm có: ốc đảo ở sườn núi phía bắc dãy Kỳ Liên, hai ốc đảo ở phía nam, phía bắc dãy Thiên Sơn và ốc đảo ở sườn núi phía nam dãy Côn Lôn v.v.. Tuy rằng phía ngoài những ốc đảo này là khu vực có điều kiện môi trường tự nhiên vô cùng khắc nghiệt, thế nhưng trong địa phận các ốc đảo, lại là nơi dân cư tập trung đông đúc, đường sá ngang dọc đan xen, hoa quả ngát hương.

Dân cư thuộc mọi dân tộc sống trên các ốc đảo từ đời này sang đời khác, ngoài việc canh tác trồng cây lương thực như lúa mỳ v.v., họ còn dựa vào điều kiện sẵn có của địa phương mà phát triển các vườn cây công nghiệp mang đậm nét quê hương. Giống nho vú ngựa không hạt hay giống dưa Hami thơm ngọt mà họ gây giống và trồng trọt đều có chất lượng hảo hạng, trở thành loại trái cây nổi tiếng cả trong và ngoài nước.

Nếu đi xe từ Cam Túc vào Tân Cương, không bao lâu là có thể đến Thổ Lỗ Phiên – vùng trồng nho nổi tiếng gần xa. Thổ Lỗ Phiên là một thung lung, hồ Ngải Đình – điểm thấp nhất trên thung lũng này trũng sâu hơn 155 m so với mặt biển, là điểm



Dòng sông băng có vai trò vô cùng quan trọng trong việc tải nước cho những dòng sông cũng như việc trồng trọt trên những ốc đảo.

Trại chăn nuôi Thiên Sơn nằm ở miền trung Tân Cương, đầu hạ là thời điểm đẹp nhất ở nơi này, đi vào lòng dãy Thiên Sơn sẽ thấy ngập tràn một quang cảnh đầy sắc xanh.



thấp thứ hai trên lục địa thế giới. Thung lũng Thổ Lỗ Phiên nằm trong lục địa, quanh năm khô hạn, lượng mưa bình quân năm không đến 10mm, vào mùa hạ thời tiết oi bức khốc liệt, nhiệt độ bình quân hàng ngày lên đến 37 – 38°C. Vì thế, thung lũng Thổ Lỗ Phiên còn có tên gọi là “hỏa châu”. Thế nhưng, không ai ngờ rằng ngay bên cạnh thung lũng với điều kiện tự nhiên vô cùng khắc nghiệt như thế lại có một ốc đảo. Sở dĩ ốc đảo Thổ Lỗ Phiên được hình thành là do lượng tuyết tích tụ cả vạn năm trên đỉnh dãy Thiên Sơn. Mỗi khi hè tới, băng tuyết trên núi cuộn cuộn trôi xuống, mang lại cho vùng đất cằn cỗi này một sức sống mãnh liệt.

Thổ Lỗ Phiên là nơi trồng rất nhiều dưa. Các loại trái cây như nho, dưa Hami trồng ở Thổ Lỗ Phiên có hàm lượng đường rất cao, mùi vị rất đặc biệt. Đặc biệt hơn nữa là do các loại cây ăn quả được trồng ở sa mạc trong điều kiện thời tiết nóng nực khô hạn nên không bị sâu bọ, vì thế các loại cây trồng không hề phải dùng đến thuốc sâu. Chính vì vậy, hoa quả ở nơi đây điển hình là hoa quả sạch, bán rất chạy trên các thị trường quốc tế.

Để tận dụng nguồn tài nguyên nước vô cùng hữu hạn, giảm thiểu lượng nước bị bốc hơi, người dân địa phương nơi đây đã phát minh ra một cách dẫn nước vô cùng độc đáo – Karez (hầm dưới đất). Karez nghĩa là đào dưới lòng đất một đường

hầm từ sa mạc Gôbi để dẫn nước từ băng tuyết đến các vườn cây và ruộng đồng. Để tiện lợi những khi cần sửa chữa, cứ cách mỗi đoạn, người dân lại đào một giếng thẳng lên mặt đất, hàng năm đều có người đi xuống dưới hầm thông qua giếng thẳng này để nạo vét đường hầm rồi chuyển phần đất nạo vét ấy lên trên miệng giếng. Vì vậy, khi mọi người nhìn thấy đất chất từng đống trên sa mạc Gôbi thì có thể khẳng định ngay rằng, bên dưới chắc chắn có một hầm dẫn nước.

Hầm dẫn nước ở Thổ Lỗ Phiên có quy mô rất lớn, tổng cộng hơn 1000 hầm, tổng chiều dài lên đến hơn 3.000 km, lượng nước dẫn về trung bình mỗi năm hơn 600 triệu m³. Hơn 80% đất đai canh tác ở Thổ Lỗ Phiên đều dùng nước tưới tiêu từ các hầm dẫn nước này.

Ngoài các ốc đảo ở Thổ Lỗ Phiên, vùng Tây Bắc của Trung Quốc còn có ốc đảo Trương Dịch, ốc đảo Vũ Uy, ốc đảo Tửu Tuyền ở Cam Túc; ốc đảo Thạch Hà Tử, ốc đảo Khố Nhĩ Lạc (Korla), ốc đảo A Khắc Tô (Aksu), ốc đảo Khách Thập (Kashkar) và ốc đảo Hoà Điển v.v.. ở Tân Cương.

Trong đại gia đình các dân tộc của Trung Quốc, Duy Ngô Nhĩ có dân số 6 triệu người, là dân tộc thiểu số đứng thứ 3 của Trung Quốc về dân số, chỉ ít hơn một chút so với dân tộc Choang và dân tộc Hồi. Trong đó, phần lớn người dân tộc này đều cư trú ở Tân Cương, đặc biệt là trên những ốc đảo ở phía nam của Tân Cương. Người Duy Ngô Nhĩ là hậu duệ của người Hồi Hột cổ đại, trong mấy trăm năm người Hồi Hột sống ở Tân Cương, họ chung sống rất hoà hợp với người Hán cũng như những người thuộc dân tộc thiểu số bản địa khác, rồi dần dần dân tộc Duy Ngô Nhĩ được hình thành. Người dân tộc Duy Ngô Nhĩ chủ



Hầm dẫn nước (Karez) ở khu tự trị Duy Ngô Nhĩ, Tân Cương – một cách dẫn nước vô cùng độc đáo.

yếu làm nghề trồng trọt, ruộng đồng. Các loại cây nông nghiệp gồm có lúa mì, lúa nước, ngô, bông sợi, cây vừng và các giống dưa v.v..

Duy Ngô Nhĩ là một dân tộc giỏi buôn bán. Ngày xưa, đây là nơi mà con đường tơ lụa thời cổ đại bắt buộc phải đi qua, không ít người Duy Ngô Nhĩ đã hoạt động buôn bán từ đời này sang đời khác, họ có kinh nghiệm phong phú. Ngoài việc sản xuất nông nghiệp sau đó vận chuyển hàng nông sản lên bán ở các chợ, họ còn sản xuất các loại hàng dệt may rất tinh tế như thảm v.v.. Trong đó, những hình thù văn hoa thêu trên những chiếc mũ hoa bốn góc có tên gọi là "Kaiba" không những là một trong những trang phục truyền thống của người Duy Ngô Nhĩ, mà còn được các du khách trong và ngoài nước đặc biệt ưa thích. Ở ốc đảo Hoà Điền dưới chân núi Côn Lôn, người Duy Ngô Nhĩ tận dụng các loại ngọc khai thác ở Hoà Điền để chế tạo thành những chiếc vòng ngọc, cũng là sản phẩm vô cùng nổi tiếng.

Cùng với sự phát triển liên tục của công cuộc cải cách mở cửa, hoạt động kinh doanh của người Duy Ngô Nhĩ càng trở nên sôi động hơn. Thành phố Khách Thập nằm ở phía đông cao nguyên Pamir là trung tâm thương mại quan trọng nhất ở phía nam Tân Cương, cũng càng ngày càng trở nên sôi động hơn. Đến "Bazaar" (tiếng Duy Ngô Nhĩ nghĩa là chợ, thị trường) ở Khách Thập đi dạo một vòng, bạn sẽ nhìn thấy các cửa hàng gối lên nhau, ngoài những sản phẩm thông thường, còn có các sản phẩm thủ công mỹ nghệ đậm nét dân tộc, những quả dưa khiến mọi người không khỏi thèm thuồng được bày bán ở mọi góc ngách. "Bazaar" ở Thập Khách đã trở thành một địa điểm du lịch nổi tiếng của thành phố này.

Dân tộc Duy Ngô Nhĩ có ngôn ngữ và chữ viết riêng của mình, rất nhiều câu truyện dân gian nổi tiếng được lưu truyền trong dân tộc này, hình tượng "A Phàn Đế" (Avanti) được mọi người ưa thích đều được biết đến trên khắp đất nước Trung Quốc cũng như nhiều nơi trên thế giới.

Ngoài dân tộc Duy Ngô Nhĩ, còn có rất nhiều người dân tộc khác cư trú trên vùng đất Tân Cương như người Hán, người Kazakhstan, người Hồi, người Kirgiz v.v.. Người Kazakhstan có tính tình cởi mở, bất kể là già trẻ gái trai, ai ai cũng giỏi cưỡi ngựa và thích môn đồ vật. Người Kirgiz luôn hiếu khách và giữ lễ nghĩa, hễ có khách đến nhà, bao giờ họ cũng mang những thứ tốt nhất, ngon nhất ra để tiếp đãi, theo phong tục của họ, đãi khách món thịt đầu dê là bày tỏ lòng kính trọng nhất.

CON ĐƯỜNG TƠ LỤA

"Con đường tơ lụa" là một hệ thống các con đường buôn bán nổi tiếng và vô cùng sôi động vào thời cổ đại, bắt đầu từ Trường An (thành phố Tây An tỉnh Thiểm



Dưa ở Tân Cương luôn nổi tiếng thế giới nhờ vào chất lượng.

Tây ngày nay) xuyên qua hành lang phía đông tỉnh Cam Túc và Hà Tây, ra khỏi Ngọc Môn Quan và Dương Quan, đi vào Tân Cương, rồi tiếp tục vòng qua Trung Á, Tây Á và châu Âu. Con đường buôn bán này nổi tiếng từ việc chủ yếu vận chuyển tơ lụa cũng như hàng dệt may của Trung Quốc, vì thế mà được đặt tên là "Con đường tơ lụa". Trong diễn biến lâu dài của lịch sử, tuyến đường của Con đường tơ lụa cũng được thay đổi, không chỉ có một tuyến đường, và hàng hoá vận chuyển qua đây cũng không chỉ có hàng lụa, dệt lụa, mà trên thực tế, đây là tuyến đường giao thông nối liền Trung Quốc và phương Tây. Là con đường liên kết giao lưu kinh tế và văn hoá giữa Trung Quốc và phương Tây, Con đường tơ lụa có một vị trí quan trọng trong lịch sử văn minh thế giới.

Trong địa phận Trung Quốc, Con đường tơ lụa có thể chia thành ba đoạn: đoạn phía đông: từ Trường An cho đến Vũ Uy tỉnh Cam Túc; đoạn giữa: là đoạn hành lang Hà Tây thuộc tỉnh Cam Túc; đoạn phía tây: là đoạn nằm trong địa phận khu tự trị Tân Cương. Con đường tơ lụa bắt đầu được mở mang vào thời Tây Hán từ 2000 năm trước. Nhà lữ hành nổi tiếng Trương Khiên đã trải qua ngàn vạn gian nan cách trở, nhiều lần đi sứ ở Tây Vực, cuối cùng đã giúp cho rất nhiều nước nhỏ ở Tây Vực đều quy tụ lại trên bản đồ Đại Hán, con đường buôn bán đi xuyên Âu Á này đã được khai thông và không bị bất cứ trở ngại nào. Đến đời nhà Đường, Con đường tơ lụa trở nên náo nhiệt hơn bao giờ hết, đến như trong sách sử nói rằng "Thương lữ, sứ giả bất tuyệt vu đồ" (Thương gia, lữ khách, sứ giả không bao giờ thấy vắng bóng trên tuyến đường này). Sự hưng khởi của Con đường tơ lụa cũng kéo theo sự phát triển kinh tế của những

khu vực ven đường. Trên con đường tơ lụa, không ít thành phố thị trấn phồn hoa cứ thế mọc lên, ví dụ như Vũ Uy, Trương Dịch, Tửu Tuyền, Đôn Hoàng v.v., là những thành phố thuộc khu vực hành lang Hà Tây trong địa phận tỉnh Cam Túc, đều đã trở thành những thành phố có thị trường buôn bán náo nhiệt, dân cư vô cùng đông đúc. Con đường tơ lụa có một vai trò quan trọng trong giao lưu văn hoá kinh tế giữa Trung Quốc và phương Tây. Thông qua Con đường tơ lụa, tơ lụa, đồ ngọc, đồ sắt và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ; các loại hoa quả như đào, lê, hạnh nhân; hay những kỹ thuật tiên tiến về trồng dâu nuôi tằm, luyện kim, chế tạo giấy v.v. của Trung Quốc đều được truyền bá đến phương Tây; đồng thời, các mặt hàng nông sản của phương Tây như bông sợi, nho, cây linh thảo, lựu, hồ đào, vừng v.v. và các mặt hàng công nghiệp như thuỷ tinh, ni lông v.v. cũng được du nhập vào Trung Quốc. Phật giáo của Ấn Độ cũng thông qua Con đường tơ lụa đến với Trung Quốc và có ảnh hưởng rộng rãi đối với sự phát triển văn hoá của nước này.

Từ thời Tây Hán, Con đường tơ lụa kéo dài mãi hơn 1.000 năm, các dân tộc của Trung Quốc và phương Tây đã sáng tạo nên những nền văn hoá huy hoàng và xán lạn trên mảnh đất bao la này. Cho đến ngày nay, trên Con đường tơ lụa vẫn còn lưu giữ được vô số cổ vật lịch sử, những di vật này đã lặng lẽ ghi chép lại một thời phồn hoa của Con đường tơ lụa.

Hang động là di tích cổ vật nổi bật nhất của Con đường tơ lụa. Trong địa phận nước Trung Quốc, có hang động Mạc Cao Đôn Hoàng, hang động chùa Bvingling Vĩnh Tĩnh, hang động Thiên Thuỷ ở núi Mai Tích thuộc Cam Túc; hang động Kizil ở Bái Thành thuộc địa phận khu tự trị Tân Cương. Trong đó, hang động Mạc Cao Đôn

Trong lịch sử, hành lang Hà Tây là nơi bắt buộc Con đường tơ lụa phải đi qua, nơi này còn lưu lại rất nhiều di tích cổ. Hang đá Mạc Cao Đôn Hoàng nằm ở phía tây hành lang Hà Tây.



● Liên kết tư liệu

TRUNG TÂM PHÒNG VỆ TINH TỬU TUYẾN

Trung tâm phóng vệ tinh Tửu Tuyến là trung tâm phóng vệ tinh, tên lửa mang tính tổng hợp có quy mô lớn nhất, được xây dựng sớm nhất của Trung Quốc, cũng là trạm phóng tên lửa đưa phi hành gia vào vũ trụ duy nhất của Trung Quốc hiện nay. Trên thực tế, trung tâm phóng vệ tinh Tửu Tuyến nằm ở địa phận kỳ (huyện) Ejina, Alasan thuộc khu tự trị Nội Mông, cách Tửu Tuyến 300km. Từ ngày 24 tháng 4 năm 1970, "Đông Phương hồng số 1" - vệ tinh đầu tiên của Trung Quốc được phóng thành công cho đến nay, trung tâm phóng vệ tinh đã phóng thành công mấy chục vệ tinh khoa học hoặc vệ tinh thương mại khác. Năm 2003 và năm 2005 Trung Quốc hai lần phóng thành công phi thuyền đưa người vào vũ trụ, lại tiếp tục khiến cho trung tâm phóng vệ tinh Tửu Tuyến nổi tiếng thế giới.

Hoàng là hang động được ưa thích nhất trong bốn hang động lớn nhất ở Trung Quốc (ba hang động còn lại là Vân Cương, Đại Đồng Sơn Tây; hang động Long Môn, Lạc Dương, Hà Nam; và hang động Thiên Thuỷ ở núi Mai Tích thuộc Cam Túc). Hang động Mạc Cao nằm dưới chân núi Minh Sa cách thành phố Đôn Hoàng 25 km về phía đông nam, hang động này dài 2 km từ nam đến bắc, hiện có 492 động, bích hoạ còn 45.000 m², 2.400 bức tượng Phật màu. Vào cuối thế kỷ XIX, trong một hang động kín, người ta phát hiện một số lượng lớn kinh kệ, văn thư, hội hoạ v.v. đều có giá trị văn vật rất cao, các nhà khoa học đã nghiên cứu hang động này trong một thời gian dài rồi dần dần hình thành một môn khoa học mới mang tính quốc tế - Đôn Hoàng học. Điều đáng tiếc là những văn vật này đã bị thất lạc nhiều, có nhiều thứ quý giá đã bị cướp đi mất.

Con đường tơ lụa xuyên Âu - Á dần dần bị suy thoái sau khi đời Đường tan rã. Đó là do trọng tâm kinh tế của Trung Quốc bắt đầu dời về phía nam, giao thông đường biển hưng khởi, cộng thêm những nhân tố con người, làm cho nền văn hoá kinh tế Trung Á bị phá hỏng nghiêm trọng, Con đường tơ lụa từ đó dần dần bị lãng quên.

Con đường tơ lụa vang danh một thời từ lâu đã trở thành lịch sử, Con đường tơ lụa ngày nay đã xảy ra những biến đổi hoàn toàn khác hẳn. Về cơ bản, Con đường tơ lụa vẫn men theo tuyến đường cũ, từ Tây An xuyên qua Lan Châu rồi đến quốc lộ Lan Tân ở Urumqi thuộc Tân Cương, song song với đường sắt Lan Tân. Nó giống như một sợi dây, xuyên chuỗi tất cả những thành phố lịch sử nổi tiếng hai ven Con đường tơ lụa với nhau. Các ốc đảo hai bên đường không ngừng được mở rộng, các sản phẩm làm ra có thể tự cung tự cấp mà vẫn dư thừa, các loại dưa được vận chuyển đến khắp nơi trên cả nước. Thủ phủ Lan Châu của tỉnh Cam Túc nằm ngay trên Con đường tơ lụa là thành phố công nghiệp nặng, đầu mối giao thông và trung tâm văn hoá lớn nhất của vùng Tây Bắc Trung Quốc. Ở gần thành phố Tửu Tuyến cổ xưa, một nhà máy gang thép quy mô lớn nhất vùng Tây Bắc cũng được xây dựng; tại Kim Xương nằm sâu

trong sa mạc Gôbi, một mỏ niken và một cơ sở luyện niken cũng đã mọc lên; tại mỏ dầu Ngọc Môn giáp với đầu mối giao thông thời cổ đại – Ngọc Môn Quan, là cơ sở khai thác và sản xuất dầu mỏ sớm nhất của Trung Quốc.

Những cảnh quan đậm nét sa mạc trên Con đường tơ lụa cùng với rất nhiều di tích lịch sử được bảo tồn đã cung cấp một nguồn tài nguyên vô cùng phong phú cho việc triển khai các hoạt động du lịch. Hành trình du lịch men theo Con đường tơ lụa luôn là chương trình thu hút nhiều nhất các du khách trong và ngoài nước. Tuyến đường sắt phức hợp Lan Tân được thông xe vào năm 1996 nối Lan Châu đến Urumqi đã tăng thêm năng lực vận chuyển của vùng Tây Bắc. Vào năm 1992, cầu nối lục địa Á - Âu mới (New Eurasian Land Bridge) đã khai thông và đi vào vận hành, phía đông bắt đầu từ thành phố mở cửa nằm trong vùng duyên hải Trung Quốc – thành phố cảng Liên Vân tỉnh Giang Tô, nối dài sang phía tây là cảng lớn nhất thế giới – cảng Rotterdam, Hà Lan. Hàng hóa từ khu vực châu Á Thái Bình Dương vận chuyển đến châu Âu, Trung Cận Đông và Cộng đồng Các quốc gia độc lập (CIS)⁽¹⁾ sẽ được vận chuyển trên biển đến cảng Liên Vân rồi được bốc lên tàu, chạy theo hai tuyến đường sắt lớn là Lũng Hải (thành phố Lan Châu tỉnh Cam Túc – thành phố cảng Liên Sơn tỉnh Giang Tô) và Lan Tân (thành phố Lan Châu tỉnh Cam Túc – thành phố Urumqi thuộc khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương), sau khi vận chuyển đến Alashankou (Alataw Pass) tại trạm biên giới phía tây của Trung Quốc, hàng hóa sẽ được đưa vào địa phận của Kazakhstan để chất hàng lại, rồi chia ra làm năm đường vận chuyển sang châu Âu, Trung Cận Đông và các nước Tây Á. Hàng hóa vận chuyển từ châu Âu, Trung Cận Đông và các nước Tây Á cũng có thể thông qua cầu nối này để vận chuyển từ Tây sang Đông. Cầu nối lục địa Á - Âu mới đã trở thành tuyến đường vận chuyển quốc tế nối liền châu Á và châu Âu nhanh nhất, kinh tế nhất.

(1) Cộng đồng Các quốc gia độc lập là các quốc gia thành viên cũ của Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô Viết đã lần lượt tách ra để trở thành các nước độc lập sau khi toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa châu Âu sụp đổ vào năm 1990.

VÙNG CAO NGUYÊN THANH TẠNG



Cao nguyên Thanh Tạng có tổng diện tích là 2,5 triệu km², chiếm khoảng 1/4 tổng diện tích lục địa của Trung Quốc. Đây là khu vực nằm trên độ cao trung bình 4000 m so với mặt nước biển, là một cao nguyên rộng lớn có độ cao so với mặt nước biển cao nhất, hình thành muộn nhất trên thế giới và có tên là “Nóc nhà thế giới”. Những nơi khác có địa thế tây bắc cao, đông nam thấp, nhìn tổng thể sẽ thấy địa thế nghiêng theo hướng tây bắc – đông nam. Phía bắc vùng cao nguyên này là núi Côn Lôn và núi Kỳ Liên, phía nam là dãy núi cao lớn nhất thế giới – dãy Hy Mã Lạp Sơn (Himalaya), phía đông là dãy Hoàng Đoạn, phía tây là cao nguyên Pamir. Trên cao nguyên Thanh Tạng phân bố hàng loạt những dãy đồi núi cao, những bình nguyên và thung lũng bằng phẳng, hình thành nên một đơn vị địa lý vô cùng độc đáo.

Cao nguyên Thanh Tạng chủ yếu bao gồm hai đơn vị cấp tỉnh, là khu tự trị Tây Tạng và tỉnh Thanh Hải. Tỉnh Thanh Hải nằm ở phía đông bắc cao nguyên Thanh Tạng, nằm sâu trong lục địa khu vực này, là nơi khởi nguồn của những con sông lớn như dòng Trường Giang, sông Lan Thương v.v. và được coi là “Giang hà nguyên” (nguồn gốc của những dòng sông). Trong địa phận tỉnh Thanh Hải có rất nhiều ao hồ, trong đó hồ Thanh Hải là hồ nước mặn lớn nhất nằm trong lục địa Trung Quốc, tỉnh Thanh Hải cũng nhờ đó mà trở nên nổi tiếng. Phía tây tỉnh Thanh Hải là thung lũng khô trong lục địa - thung lũng Qaidam.

Khu tự trị Tây Tạng nằm ở phía tây nam vùng cao nguyên Thanh Tạng, là chủ thể của vùng này, cũng là khu vực cư trú chủ yếu của dân tộc Tạng. Những dân cư người dân tộc Tạng sống trong một môi trường miền tuyết giá lạnh, vì thế mà họ có một thói quen sống vô cùng độc đáo và một nền văn minh miền tuyết cũng rất đặc sắc.

NÓC NHÀ THẾ GIỚI

Vấn đề nổi lên của cao nguyên Thanh Tạng luôn nhận được sự chú ý rộng rãi của các nhà khoa học địa chất trong và ngoài nước. Có những nhà khoa học thậm chí còn quả quyết rằng, những nghiên cứu về quá trình hình thành và cơ chế hình thành của cao nguyên Thanh Tạng có thể mang lại một cuộc cách mạng



Sông Brahmaputra vòng quanh đỉnh núi xuôi theo hướng nam, xuyên qua dãy Hy Mã Lạp Sơn, hình thành nên những eo sông uốn khúc lớn.

đối với quá trình phát triển của môn khoa học địa chất. Theo những kết quả đã nghiên cứu được cho thấy, cao nguyên Thanh Tạng xưa kia vốn là biển, vào khoảng hơn 2 triệu năm về trước, cao nguyên Thanh Tạng vẫn chưa được hình thành. Về sau, qua vài lần vỏ trái đất nâng lên với quy mô tương đối lớn, thì khu vực lạnh lẽo và hoang vu này mới được hình thành.

Theo học thuyết “mảng kiến tạo địa tầng” khá phổ biến, thì cao nguyên Thanh Tạng xưa kia vốn là sự di chuyển của các mảng kiến tạo Ấn Độ từ phía nam sang phía bắc, rồi va chạm với các mảng kiến tạo Âu Á ở phía bắc đã làm cho vùng biển cổ xưa vốn nằm ngay khu vực cao nguyên Thanh Tạng hiện nay bị biến mất, vỏ trái đất nâng cao lên, cao nguyên Thanh Tạng dần dần hình thành. Để tìm bằng chứng cho việc hai mảng kiến tạo lớn va chạm với nhau, người ta đã tiến hành rất nhiều khảo sát trên khu vực cao nguyên Thanh Tạng. Họ phát hiện ra rằng, ở phía cực nam của cao nguyên Thanh Tạng, trong nham thạch trên núi Hy Mã Lạp Sơn có chứa một lượng hóa thạch rất lớn của những sinh vật biển thời cổ đại, tại thung lũng sông Brahmaputra ở phía bắc dãy Hy Mã Lạp Sơn còn tồn tại không ít những mảnh nham thạch đặc biệt được hình thành do vỏ trái đất phun ra v.v.. Tất cả những phát hiện này đã cung cấp căn cứ cho các nghiên cứu và suy luận khoa học.





Cao nguyên Thanh Tạng
có tên gọi là: "Nóc nhà thế giới"

Sự nổi lên của cao nguyên Thanh Tạng đã tạo nên những thay đổi rất lớn đối với môi trường toàn cầu, đặc biệt là khu vực Đông Á. Bắt đầu từ khoảng 10.000 năm trước cho đến nay, do sự nhô lên của cao nguyên, khí hậu cao nguyên dần dần thay đổi, từ đặc điểm ẩm ướt ẩm áp đã phát triển theo hướng khô hạn lạnh giá, những mặt hồ rộng trên cao nguyên dần dần bị thu nhỏ lại, thậm chí còn biến mất. Sự nhô lên của cao nguyên Thanh Tạng còn làm cho sự lưu thông bầu khí quyển xảy ra những thay đổi lớn, dẫn đến gió mùa ở Đông Á càng mạnh thêm, khí hậu ở nửa phía tây của Trung Quốc trở nên khô hơn, khí hậu gió mùa ở nửa phía đông càng ngày lại càng rõ nét hơn.

Cho đến hiện nay, cao nguyên Thanh Tạng vẫn là khu vực mà lớp vỏ trái đất hoạt động rất mạnh. Ở địa phận cao nguyên, chúng ta có thể thấy vô số suối nước nóng nhiệt độ cao, có những suối nước nóng có nhiệt độ rất cao tạo nên cảnh tượng suối phun nước ngất ngưởng rất ngoạn mục. Nơi này cũng ẩn chứa nguồn tài nguyên địa nhiệt rất phong phú. Ở phía đông cao nguyên, hoạt động địa chấn thường xuyên xảy ra, trong thế kỷ XX đã xảy ra 6 trận động đất lớn 8 độ richter trở lên. Các nhà khoa học còn ước tính được rằng, núi Hy Mã Lạp Sơn vẫn đang không ngừng cao lên, mà tốc độ tăng cao có thể lên đến vài centimét mỗi năm.

CẢNH QUAN CAO NGUYÊN

Cao nguyên Thanh Tạng có khí hậu cao nguyên điển hình: bức xạ mặt trời mạnh, nhiệt độ thấp, nhiệt độ chênh lệch trong ngày tương đối lớn, nhưng độ chênh lệch trong năm lại khá nhỏ, đồng thời bầu không khí khá loãng, hàm lượng ôxi trong bầu khí quyển tương đối thấp v.v.. Khi mọi người bước xuống máy bay từ sân bay Lhasa Kunga, cảm giác đầu tiên là cảm thấy khó thở, tim đập nhanh, chóng mặt, hoa mắt. Đó là những triệu chứng điển hình do bầu không khí loãng dẫn đến phản ứng độ cao. Đồng thời, mọi người cũng sẽ phát hiện thấy rằng, ánh mặt trời của Lhasa chói chang hơn bất cứ nơi nào khác, bầu trời của Lhasa xanh hơn bầu trời

● Liên kết tư liệu

ĐƯỜNG SẮT THANH TẠNG

Đường sắt Thanh Tạng nối từ thành phố Tây Ninh tỉnh Thanh Hải đến thành phố Lhasa khu tự trị Tây Tạng, tổng chiều dài 1.956 km. Trong đó, đoạn từ Tây Ninh đến Golmud bắt đầu rải đường xây dựng vào năm 1979, đến năm 1984 đi vào vận hành. Từ đoạn Golmud đến Lhasa được khởi công vào ngày 29 tháng 6 năm 2001, đến ngày 1 tháng 7 năm 2006 thì thông xe toàn bộ tuyến đường. Việc khai thông tuyến đường sắt Thanh Tạng đã giảm được rất nhiều chi phí đi lại của con người cũng như phí vận chuyển hàng hóa, có vai trò quan trọng trong việc đẩy mạnh phát triển kinh tế ở khu tự trị Tây Tạng và tỉnh Thanh Hải.

ở bất cứ nơi đâu. Tất cả những điều này, đều là đặc trưng môi trường cao nguyên vô cùng điển hình.

Nếu đi ô tô từ tỉnh Thanh Hải đến khu tự trị Tây Tạng, thì những gì nhìn thấy ở hai bên đường sẽ khiến con người được mở mang tầm mắt thêm rất nhiều. Đó là một vùng đất bao la mà hoang sơ, chạy xe mấy trăm cây số cũng chỉ thấy núi cao trắng màu tuyết, trời đất mênh mang, lâu lâu mới thấy một vài con bò Tây Tạng đang gặm cỏ trên những bãi cỏ trơ trụi, thực sự rất khó tìm thấy bóng dáng con người.

Cao nguyên Thanh Tạng nhiều gió lớn, khí hậu thay đổi rất nhanh, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt. Các loại động thực vật sinh tồn trong môi trường này đã dần dần hình thành những khả năng thích nghi với môi trường rất độc đáo. Cây cối trên cao nguyên phần nhiều đều thấp, thời gian sinh trưởng ngắn; thường có lớp vỏ bên ngoài dày hoặc ngoài vỏ có lông để chống lại cái nắng chói chang, nhiệt độ thấp và sự tấn công của những trận gió lớn; rễ cây phát triển mạnh, có thể chịu đựng khô hạn trong thời gian dài. Động vật trên cao nguyên cũng có những đặc trưng tương tự, đặc điểm nổi bật nhất là tim và phổi của chúng rất phát triển, dung tích trong phổi lớn, hàm lượng huyết cầu tố trong máu cao hơn những động vật cùng loại sống ở khu vực đồng bằng rất nhiều lần, vì thế chúng có thể sinh sống bình thường trong môi trường có lượng ôxy thấp.

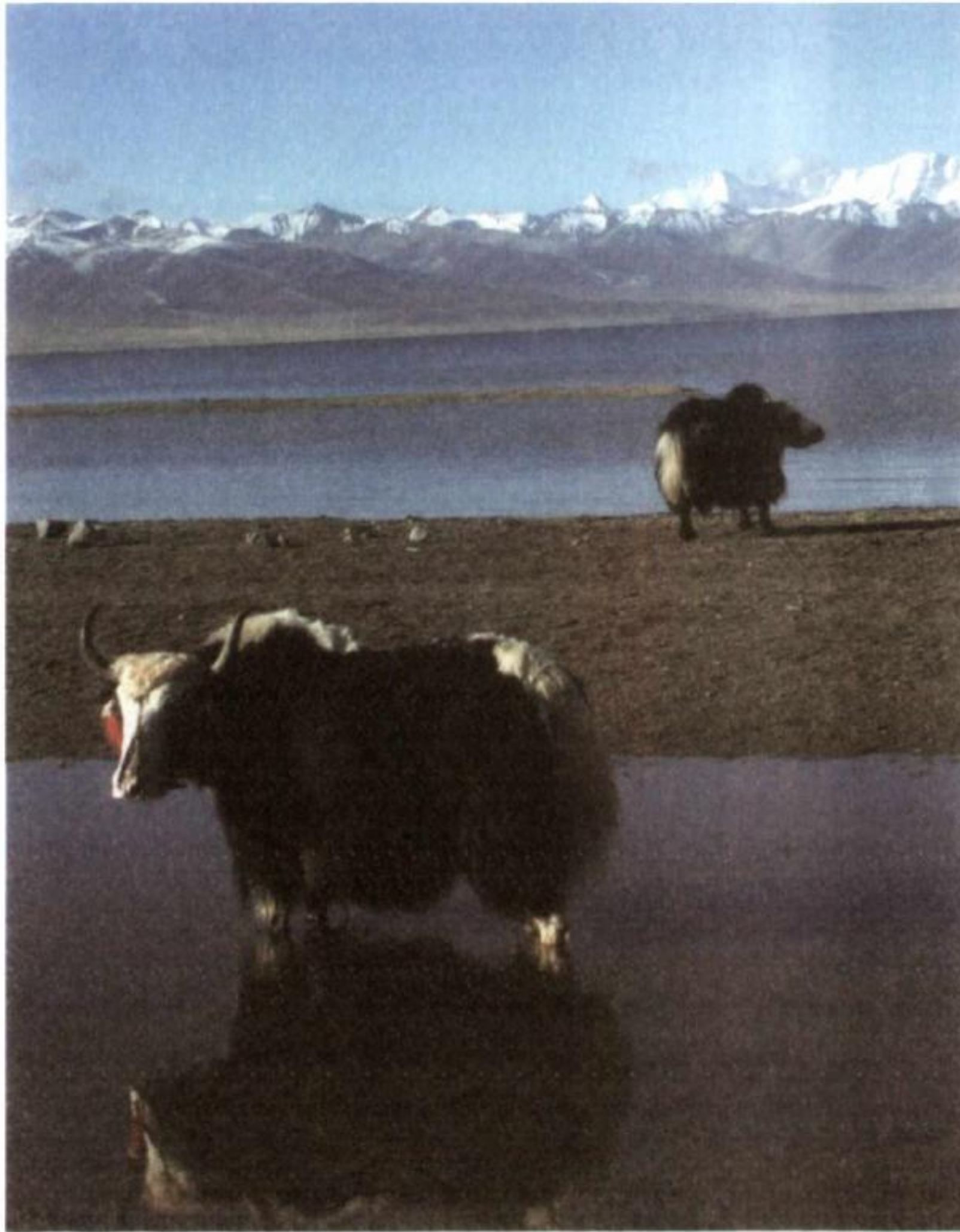


"Dương trác dung thác" tiếng Tạng nghĩa là "Hồ Thảo nguyên, Ngọc bích". Trong hồ có nhiều loại cá, bên hồ là những thảm cỏ tươi tốt.

Trên cao nguyên Thanh Tạng, một loại thực vật thường thấy nhất là cây đài thảo (*Carex tristachya*) giống thấp, tên khoa học là "Tung thảo" (*Kobresia*), người dân tộc Tạng gọi là "cỏ bơ". Gần như loại cây này che phủ toàn bộ mặt đất của vùng cao nguyên Thanh Tạng, nhìn từ xa, như một tấm thảm xanh rì. Cỏ bơ rất giàu dinh dưỡng, là những bãi cỏ chăn thả tốt nhất của loài dê vùng Tây Tạng. Các loại gia súc sinh sống trên cao nguyên Thanh Tạng chủ yếu nhất vẫn là bò Tây Tạng và dê Tây Tạng. Đặc biệt là bò Tây Tạng, được người dân nơi đây gọi với cái tên thân mật là "con thuyền của cao nguyên". Bò Tây Tạng có vóc dáng to cao, khỏe mạnh, trên mình mọc lông dày nên không sợ giá lạnh, là loài động vật có sức bền dẻo dai, là những người bạn trong cuộc sống của người dân nơi đây.

Trên cao nguyên Thanh Tạng có không ít hồ với diện tích rộng và nước xanh trong vắt. Bốn bên hồ có địa hình bằng phẳng, lượng nước dồi dào, nhiệt độ tương đối cao, thực vật sinh trưởng khá rậm rạp, là những bãi chăn thả tốt nhất của dân địa phương. Ở khu vực thung lũng sông Brahmaputra phía nam cao nguyên, vì địa hình tương đối thấp, nhiệt độ cao nên có thể quanh năm trồng lúa mạch, lúa mỳ và một số loại đậu. Do sức nóng mặt trời quá mạnh, nhiều cây nông nghiệp cho sản lượng rất cao, ví dụ như một củ khoai tây có thể nặng đến hơn nửa kilôgam, một củ cà rốt có thể nặng từ 2 - 3 kilôgam. Nhà nước rất quan tâm đến nông nghiệp của Tây Tạng nên đã xây dựng một cơ quan nghiên cứu nông nghiệp ở thủ phủ của Tây Tạng - Lhasa, thực hiện lai giống, gây giống những cây nông nghiệp trong lục địa, mở rộng trồng lúa mỳ và gặt hái được thành công lớn.

Phía bắc cao nguyên Thanh Tạng được mọi người gọi là "kho đường". Thời tiết ở nơi này rất giá lạnh, lượng mưa ít, khí hậu vô cùng khắc nghiệt, thảm thực vật lại càng trở nên hiếm hoi, về cơ bản, đây là một khu vực không có người sinh sống. Thế nhưng, nơi đây lại là một thiên đường của các loài động vật hoang dã. Lũng sông Brahmaputra là khu vực có kinh tế tương đối phát triển của vùng Tây Tạng. Vì vị trí địa lý nghiêng về phía nam, nên địa hình khá thấp, điều kiện nhiệt lượng có thể đáp ứng cho các loại cây nông nghiệp như lúa mạch, lúa mỳ v.v. sinh trưởng suốt năm. Tại một số sông nhánh phía hai bên lũng sông như sông Lhasa, sông



Bò Tây Tạng là động vật chỉ có riêng ở cao nguyên Thanh Tạng, dáng thấp, khỏe mạnh, giỏi leo núi và kéo nặng, được gọi là “con thuyền trên thảo nguyên”.

Nyang Qu (Niên Sở), sông Niyang (Ni Dương) v.v., đều có những đồng bằng nhỏ, chính là “kho lương” của Tây Tạng. Thủ phủ Lhasa và thành phố lớn thứ hai – Shigatse (Nhật Khách Tắc) là hai thành phố lần lượt nằm bên hai dòng sông Lhasa và Nyang Qu.

CON NGƯỜI VÀ PHONG TỤC CỦA DÂN TỘC TẠNG

Người Tây Tạng là dân tộc chủ yếu nhất trên vùng cao nguyên Thanh Tạng, chiếm trên 90% dân số của vùng cao nguyên này, tỷ lệ người Tây Tạng lên đến 96%, số còn lại là người Hán, người Mông, người Môn Ba và người Lạc Ba v.v..

● Liên kết tư liệu

THANGKA

Thangka là âm đọc trong tiếng Tây Tạng, có nghĩa là "bức vẽ trên vải lụa có thể trải ra để thưởng ngoạn", xuất hiện vào thời kỳ Thổ Phiên vào khoảng thế kỷ thứ VII. Thangka là một loại hình nghệ thuật hội họa vô cùng độc đáo trong văn hóa của dân tộc Tạng, đề tài của những bức vẽ này đề cập đến lịch sử, chính trị, văn hóa, đời sống chính trị và nhiều lĩnh vực khác, được coi là bách khoa toàn thư của dân tộc Tạng. Quá trình vẽ một bức Thangka vô cùng phức tạp, vật liệu sử dụng cũng vô cùng cầu kỳ, những nguyên liệu màu toàn bộ đều lấy từ các nguyên liệu thực vật hay khoáng thiên nhiên, màu sắc vô cùng rực rỡ, thời gian bao lâu cũng không bị phai màu. Các bức vẽ Thangka luôn đậm đà phong cách của miền tuyết.

Theo những ghi chép lịch sử, khởi nguồn của dân tộc Tạng là từ lòng sông Yalong – một nhánh của dòng sông Brahmaputra ở phía nam Tây Tạng. Vào thế kỷ thứ VI, Sontzen Gampo (Tùng Tán Cán Bố) - người anh hùng của dân tộc Tạng đã thống nhất toàn bộ Tây Tạng, rồi sai sứ giả vào địa phận trung nguyên, đến thành đô nhà Đường – Trường An để bái kiến Đường Thái Tông, bày tỏ mong muốn thắt chặt mối quan hệ, và đã được Đường Thái Tông tiếp đãi nồng hậu. Khi ấy, vua Đường còn gả công chúa Văn Thành đến Tây Tạng làm vợ Sontzen Gampo. Công chúa Văn Thành đã mang theo những kỹ thuật tiên tiến và văn hóa của vùng trung nguyên đến Tây Tạng, từ đó thúc đẩy kinh tế và văn hóa vùng Tây Tạng phát triển rất nhanh.

Người Tây Tạng tín ngưỡng Phật giáo Đại thừa. Sau khi Phật giáo từ Ấn Độ được truyền đến đây đã tiếp thu thêm một số nội dung của tôn giáo địa phương rồi hình thành nên "Phật giáo Tạng truyền"⁽¹⁾ mang nét đặc sắc riêng của dân tộc Tạng, cho đến nay đã có hơn 1000 năm lịch sử. Từ sau thế kỷ thứ XIII, do tầng lớp thống trị ra sức đề xướng tôn giáo, nên Phật giáo ngày càng hưng thịnh. Những ngôi chùa cũng như các kiến trúc tôn giáo khác mọc lên khắp nơi trên mảnh đất Tây Tạng. Người Tây Tạng tín ngưỡng Phật giáo rất nhiều, họ luôn thể hiện một sự thành khẩn tận tụy đối với tôn giáo.

(1) Còn gọi là Phật giáo Tây Tạng.



Lễ Sái Phật của người Tạng. Lễ Sái Phật là ngày người Tạng tỏ lòng kính Phật, thông thường là ngày rằm tháng 8 hàng năm. Hôm đó, các ngôi chùa khắp nơi đem bức chân dung Đức Phật lớn bằng vải, gấm thêu ra bày ở Đài Sái Phật cạnh chùa hoặc sườn đồi.

Ngôn ngữ Tạng là một loại văn tự phiên âm, được hình thành từ rất lâu trong lịch sử, những kinh điển Phật giáo như "Đại Tạng kinh", văn học dân gian "Mễ La Nhật ba truyện" cũng như những điển tịch y dược ghi chép lại các bài thuốc, cách trị bệnh của dân tộc Tạng, hay những sách về thiên văn v.v. được ghi lại bằng ngôn ngữ Tạng đều là những cống hiến to lớn của các đồng bào người Tây Tạng dành cho văn hóa dân tộc Trung Hoa.

Người Tây Tạng được tôi luyện dài ngày trong cuộc sống vùng cao nguyên, vì thế mà họ đều có thể lực rất cường tráng và chí khí kiên cường, họ có tính cách cởi mở và lối sống mộc mạc tiết kiệm. Người Tây Tạng thích mặc váy dài, đi hài cao và có đính thêm nhiều loại trang sức; thức ăn của họ chủ yếu là thịt và tsamba (bột mỳ đã rang chín), mỗi ngày ba bữa ăn của họ không thể không có trà sữa, họ thích uống rượu nấu từ bột mỳ; nhà của người Tây Tạng phần nhiều cao hai tầng đến ba tầng, trên tường có mở cửa sổ. Không giống như những ngôi lều Yurt hình tròn của dân du mục Mông Cổ, dân du mục Tây Tạng đa số sống trong những căn lều dài lợp bằng da bò.

Người Tây Tạng tính tình hào phóng cởi mở và rất hiếu khách, họ thích ca hát nhảy múa. Những bài dân ca Tây Tạng có

làn điệu du dương đầy tiết tấu, khi hát họ thường kèm với vũ đạo; các điệu múa của dân tộc Tạng rất đẹp, thể hiện một sự thư thái thoải mái, trong đó thịnh hành nhất là những điệu nhảy Clacket (điệu nhảy dùng bàn chân gõ nhịp cầu kỳ), điệu nhảy Guozhuang (trong mùa lễ hội, đàn ông và phụ nữ Tây Tạng đứng thành một vòng tròn và di chuyển từ phải sang trái, vừa đi vừa ca hát và nhảy múa), điệu Huyền tử.

Dân tộc Tạng có rất nhiều ngày lễ, những ngày lễ nổi tiếng là năm mới trong lịch Tạng, lễ hội Shoton⁽¹⁾, lễ hội Ongkor (Ongkor

(1) Lễ hội Shoton, còn gọi là lễ hội Sữa chua, là một trong những sự kiện tôn giáo hàng năm quan trọng nhất của người Tây Tạng. Lễ hội bắt đầu từ lúc bình minh sau ngày trăng tròn đầu tiên của tháng 8.

Người dân địa phương bày tỏ lòng kính trọng của mình bằng cách quỳ cúi gập mình xuống đất cầu nguyện. Những lá cờ nhỏ của các tín đồ bay nhẹ nhàng trong làn khói mờ của nhang khói và giấy tiền, vàng mã được tung đi từ đỉnh ngọn Thangka vương vãi khắp sườn đồi. Hàng trăm cặp mắt đều hướng về dòng người đông đúc tỏa ra từ lâu đài gần đến khi tiếng tù và từ lâu đài vọng lại. Từ cái bàn thờ nhỏ ở dưới đất, các đức lạt ma già đọc kinh Tây Tạng. Tiếng tụng kinh và cầu nguyện được phát ra ngoài thông qua hệ thống truyền âm.

Chẳng bao lâu sau, cả ngọn Thangka rộng lớn choàng thức dậy khi những tia nắng ban mai chiếu rọi lên khắp sườn đồi. Khi bức chân dung Đức Phật được trải dài xuống, thì du khách và các đức lạt ma bước đi xung quanh thành những hàng dài như con rắn khổng lồ đang trườn mình. Từ đằng xa, dưới chân đồi, xuất hiện hàng trăm người hành hương mới. Họ tiến lên ngọn đồi từ Lhasa, đến với lễ hội Shoton.

Ảnh hồ Thanh Hải chụp từ vệ tinh. Hồ Thanh Hải là hồ nước mặn lớn nhất nằm trong lục địa Trung Quốc. Vì nước hồ có màu xanh lam pha lẫn xanh dương nên được gọi là "Hồ Thanh Hải".





Đảo chim trên hồ Thanh Hải, mỗi năm cứ đến mùa hè mùa thu, rất nhiều chim di trú lại từ miền Nam bay tới đây cư trú và sinh sôi.

Festival – lễ hội Vọng quả), lễ hội Tắm (Bathing Festival) v.v.. Lễ hội Shoton còn gọi là “lễ hội Sữa chua”, thịnh hành ở các khu vực chăn nuôi; lễ hội Ongkor thịnh hành ở khu vực nông nghiệp; năm mới và lễ hội Tắm là ngày hội chung của toàn bộ vùng Tây Tạng. Người Tây Tạng đón năm mới theo lịch Tạng, nhưng những tập tục của họ cũng gần giống như người lục địa đón Tết âm lịch, nhưng lễ hội Tắm lại mang đặc trưng dân tộc rất rõ nét. Lễ hội Tắm diễn ra vào thượng tuần tháng 7 theo lịch Tạng, vào ngày lễ, bất kể già trẻ gái trai đều nhảy xuống sông tắm thật thoải mái để tẩy sạch những uế bẩn, cầu mong những may mắn trong tương lai.

QAIDAM

Nói theo nghĩa rộng, Qaidam bao gồm hai phần: thung lũng Qaidam và thung lũng hồ Thanh Hải.

Phía bắc cao nguyên Thanh Tạng có một khu vực địa lý tương đối trũng, đó chính là thung lũng Qaidam. Qaidam trong tiếng Mông Cổ nghĩa là “ruộng muối”. Thực tế đúng như vậy, trong thung lũng Qaidam nơi nào cũng có hồ, vũng, ao nước mặn

và nhiều kiếm, vào trước thập niên 50 thế kỷ XX, Qaidam gần như không có bóng dáng con người.

Nguồn tài nguyên ở Qaidam phong phú lạ thường, vì vậy mà còn được gọi là “tụ bảo bốn” (cái chậu chứa đựng bao nhiêu thứ quý báu). Hơn 40 năm nay, nhà nước đã đầu tư một nguồn vốn khá lớn để tiến hành khảo sát tài nguyên ở Qaidam với quy mô lớn, đồng thời cũng cho xây dựng những nông trường khai hoang ở những nơi có điều kiện thuận lợi, và cho xây dựng hàng loạt các công ty khai thác mỏ quặng quy mô lớn ở những nơi có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú. Ngoài ra, tăng cường xây dựng giao thông xung quanh khu vực khai thác mỏ quặng, đường quốc lộ ở thung lũng Qaidam đã hình thành một mạng lưới đường bộ, đường sắt cũng ngày càng được kéo dài hơn. Một Qaidam hoang sơ ngày nào giờ đây càng ngày càng thể hiện rõ vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế của Trung Quốc.

Hồ Thanh Hải là hồ nước mặn lớn nhất của Trung Quốc, hồ có hình thoi bất quy tắc, từ đông sang tây dài hơn 100 km, từ nam tới bắc dài hơn 60 km, tổng diện tích là 4583 km². Bốn phía hồ Thanh Hải đều là núi bao quanh, ven hồ có những bình nguyên bằng phẳng rộng lớn. Trên bình nguyên là những thảm cỏ xanh rì và từng bãi dê trắng muốt tạo nên một khung cảnh đậm tính du mục và hoang dã.

Nước hồ có màu xanh lam pha lẫn xanh dương, vì thế mới được gọi là “hồ Thanh Hải”. Trong tiếng Mông Cổ, hồ Thanh Hải được gọi là “hồ Koko Nor”, cũng có nghĩa là hồ màu xanh. Trên mặt hồ có hai đảo nhỏ, một đảo tên là Hải Tâm Sơn, một đảo tên là đảo Chim. Đảo Chim là thiên đường của các loại chim, mấy trăm ngàn con chim đã làm cho nơi này trở thành một thế giới huyền ảo. Cứ vào mùa hè, một số lượng lớn các loài chim di trú như nhạn đốm, chim hải âu, các loại chim cuốc, hải âu nâu, hạc cổ đen v.v. từ miền Nam bay đến, cư trú trên đảo hoang hoàn toàn cách biệt với thế giới bên ngoài này. Các loài chim xây tổ ở đây, rồi đẻ trứng ấp nở, mãi đến khi mùa đông đến chúng lại bay về miền Nam. Hiện nay, trên đảo chim đã cho xây dựng một khu bảo tồn thiên nhiên chuyên bảo vệ những loài chim này.

Những năm gần đây, bề mặt hồ Thanh Hải liên tục giảm xuống, lượng nước không ngừng bị rút lại. Trước thập niên 70

của thế kỷ XX, đảo Chim luôn là một đảo nhỏ nằm trên mặt hồ, thế nhưng sau năm 1976, do lượng nước trong hồ bị rút xuống, những cồn cát nhô lên đã nối đảo Chim với bờ hồ, khiến đảo Chim giờ đây thành một bán đảo. Chính vì vậy, bảo vệ khu bảo tồn tự nhiên đảo chim đã trở thành một nhiệm vụ cấp bách.

Các nguồn tài nguyên như muối, chì, kẽm, dầu mỏ, than đá v.v. của Qaidam rất phong phú. Các mỏ muối đa phần đều nằm trong những hồ muối lớn, trong đó trữ lượng muối ăn khoảng 60 tỷ tấn, đứng đầu cả nước. Trong các hồ muối còn chứa nhiều kim loại muối có ích như boron, lithium, magiê, kali v.v.. Muối kali chủ yếu có ở ao muối lớn nhất Qaidam – ao muối Qarhan, trữ lượng đã được phát hiện khoảng 300 triệu tấn, chiếm hơn 70% trữ lượng muối kali của cả nước. Hiện nay, muối ăn ở ao muối Caka nằm phía đông thung lũng Qaidam đã được khai thác với quy mô lớn, một nhà máy phân bón kali lớn nhất Trung Quốc đã được xây dựng ở khu vực gần ao muối Qarhan, mỗi năm sản xuất một lượng muối kali lên đến 200.000 tấn.

Mỏ chì kẽm của Qaidam chủ yếu có trên núi Tích Khoáng (núi mỏ thiếc) nằm ở phía đông bắc thung lũng, trữ lượng chì kẽm rất lớn, độ tinh khiết cao. Nơi đây đã xây dựng các khu khai thác mỏ với quy mô 1 triệu tấn mỗi năm.

Dầu mỏ của Qaidam có ở khu vực gần Lãnh hồ (hồ lạnh) phía tây thung lũng, hiện đã đi vào khai thác và xây dựng một nhà máy lọc dầu tại Golmud mang lại giá trị chiến lược rất cao trong việc cung cấp cho nhu cầu sử dụng của địa phương cũng như việc cung cấp cho khu vực Tây Tạng ở phía nam.